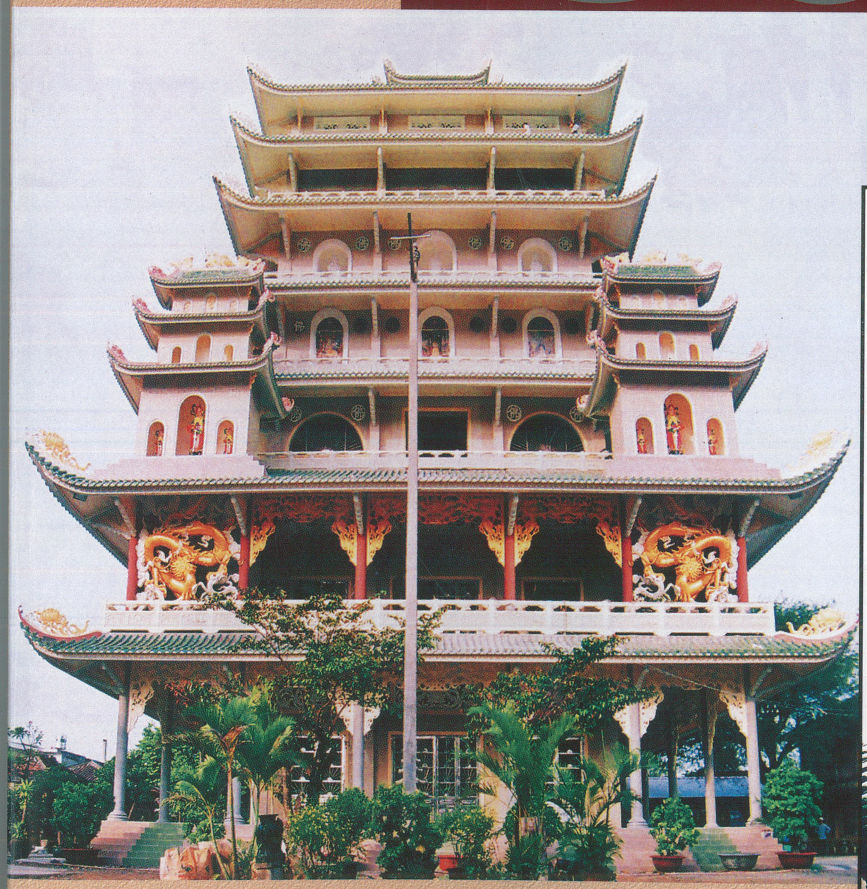
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Đạo Phật và Đời sống hiện đại

KỶ YẾU

Trùng tu chùa VẠN ĐỨC & VẠN LINH

- Tiểu sử HT. Vạn Đức
- Tiểu sử HT. Vạn Linh
- Kệ niệm Phật hạ thủ công phu





NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Mục lục

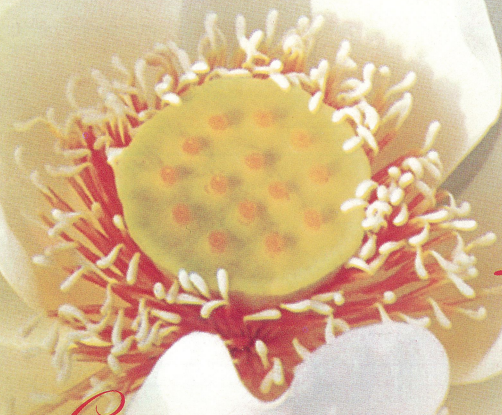
- Lời nói đầu — Trang 02
- Lời cảm tạ — Trang 04
- Tiểu sử HT. Vạn Đức — Trang 05
- Tiểu sử HT. Vạn Linh — Trang 12
- Vài nét về tiểu sử chùa Vạn Đức — Trang 16
- Vài nét về tiểu sử chùa Vạn Linh — Trang 27
- Phụ trang HT. Vạn Đức — Trang 70
- Kệ khuyên niệm Phật hạ thủ công phu — Trang 72
- Lời cuối kỷ yếu — Trang 80

- *Viết lời bình: TT. Hoằng Tri*
- *Đánh vi tính: Hoằng Hiển - Hoằng Kiện*
- *Trình bày: Ban văn hóa chùa Hoằng Pháp*
- *Thiết kế đồ họa: Beedesign 0903862993*
- *Bìa: Họa sĩ Bửu Hoàng*

ĐẠO PHẬT VÀ ĐỜI SỐNG HIỆN ĐẠI

KỶ YẾU TRÙNG TU CHÙA VẠN ĐỨC & VẠN LINH

- Chịu trách nhiệm xuất bản: Trần Đình Việt
- Biên tập: Châu Anh Kỳ
- Sửa bản in: Hồng Nguyên
- Nhà xuất bản Tổng hợp TP. HCM:
  62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, TP. HCM
  ĐT: 8225340 - 8277326 - Fax: 08. 8222726
  Email:nxbtphcm@bdvn.vnd.net
- In 1000 bản, khổ 20 x 28cm, tại XN In Nguyễn Minh Hoàng, 100 Lê Đại Hành, P. 7, Q. 11, TP. HCM - ĐT: 8555812
  GPXB: 208-06/CXB/15-19/THTPHCM 21/03/2006
  In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2006
  Thực liên kết: Chùa Hoằng Pháp



Lời nói đầu

Chùa Vạn Linh là nơi xuất gia của Hòa thượng. Chùa Vạn Đức là trú xứ hoằng hóa của Ngài. Vì thế, hai nơi này tuy hai mà là một. Hôm nay, hai nơi này được trùng tu lại trong khi Ngài đã gần 90 tuổi. Nghĩ đến, thấy ân đức của Ngài đối với chúng ta thật là to lớn. Cuối đời Ngài muốn để lại cho đại chúng một cơ ngơi rộng lớn, để thuận lợi trong việc tu hành.

Nghĩ mà hổ thẹn, người xưa, ở trong những điều kiện khó khăn, thiếu thốn mọi tiện nghi, thế mà các Ngài làm nên việc lớn, chỗ tu của các Ngài đắc lực. Như Hòa thượng Khai Sơn Vạn Linh, chỗ tu đã phát huệ, một phen gặp Hòa thượng Vạn Đức liền biết ngay đời trước của Ngài: "Đời trước đã từng là Hòa thượng, đời này cũng sẽ là Hòa thượng". Việc đời trước thì mình không biết, nhưng rõ ràng, đời này Ngài không những là Hòa thượng, mà là một đại Hòa thượng đúng danh đúng nghĩa. Lúc trước, tấn phong một vị Hòa thượng không phải là chuyện thường. Không phải như thời bây giờ đủ năm đủ tháng là tấn phong (thậm chí, đủ năm mà chưa đủ tháng còn khiếu nại để được tấn phong).

Lúc trước, một vị được tấn phong Hòa thượng không những là phải đủ năm đủ tháng mà còn phải là người có giới đức, có công với Giáo Hội hoặc có công trong sự nghiệp giáo hóa lợi ích cho đại chúng. Xét lại nhơn hạnh của Hòa thượng, khi còn nhỏ chưa xuất gia, Ngài đã có một tấm lòng từ bi rất lớn, đã tự phát nguyện ăn chay trong khi mọi người trong gia đình ăn mặn, sẵn sàng cứu vật khi gặp dịp. Đủ duyên lành, Ngài tìm chốn xuất gia, đến núi Cấm như được về quê cũ. Ngài chưa từng biết Vạn Linh ở nơi nào, cũng chưa từng biết Hòa thượng Bổn sư là ai. Trong tâm nghĩ rằng, chắc các vị cao Tăng ở nơi núi cao rừng thẳm và khi đã đến chân núi lòng mừng phơi phới coi như sắp đến nơi, lòng nguyện với lòng là không lựa chọn, duyên gặp chùa nào đầu tiên là vào xin thế phát xuất gia. Phát tâm mạnh như thế nên dù đường lên núi lúc đó (1937), chúng ta phải biết khó khăn gấp mấy lần bây giờ. Bây giờ như thế mà chúng ta đi rất là mệt nhọc, đi một chút là hơi thở dồn dập tìm chỗ nghỉ chân. Thế mà, Hòa thượng lúc đó đi một mạch không nghỉ. Đi như chạy, nhảy từ tảng đá này sang tảng đá khác, đến thẳng Vạn Linh trong khi trên đường đã trải qua không biết bao nhiêu là chùa chiền, am, cốc. Nếu không duyên thầy trò thì làm sao tao ngộ. Được xuất gia rồi, Ngài siêng năng tu tập đến đỗi quên ăn, ít ngủ. Sau này, đến trường Phật Học sau người mà tới kỳ thi lại đạt điểm cao.

Mới 10 năm xuất gia mà đã làm nên việc lớn, dịch bộ *Pháp Hoa* lưu thông đến bây giờ. Nếu đời trước Ngài không từng tu tập, không từng là Hòa thượng thì làm sao được như vầy! Như chúng ta mang tiếng xuất gia đã hai ba mươi năm mà chưa làm được tích sự gì. Xét đó thì thấy, lời Hòa thượng Khai Sơn nói rất đúng và khi Hòa thượng được đức Tăng Thống tấn phong chỉ có vài vị trong khi số người đủ năm đủ tháng đâu phải là ít. Hòa thượng Khai Sơn, lúc viên tịch biết trước ngày giờ, không bệnh, cùng đại chúng niệm Phật, an nhiên mà đi. Nếu chỗ tu chưa đắc lực, thì làm sao Ngài được như vậy.

"Ăn trái nhớ kẻ trồng cây.

Uống nước nhớ người đào giếng".

Hôm nay, trùng tu lại hai ngôi phạm vũ này, chúng ta nhớ nghĩ đến công lao người tạo dựng cũng như hạnh đức của người xưa. Một lòng vì thoát ly sanh tử mà tìm nơi thích hợp, vì đại nguyện giáo hóa mà trở lại cõi đời này. Chúng ta thừa hưởng di sản của tiền nhân, phải làm sao có được phần ít nào giống với các Ngài để khỏi phải hổ thẹn với câu: "Con nhà Tông, không giống lông cũng giống cánh".

Viết lại kỷ yếu này, không phải chúng tôi khoe công với mọi người mà muốn nói lên sức mạnh của tâm, chứng minh lời dạy của Hòa thượng: "Hết lòng vì Tam Bảo thì chư vị Hộ pháp gia hộ và mọi việc đều được thành tựu".

Nam mô A Di Đà Phật.

Lời cảm tạ

Tất cả các Pháp trên thế gian này đều do nhiều nhơn duyên nhóm họp tạo thành. Nếu các duyên không hòa hợp, chắc chắn các Pháp không thể thành tựu được. Chùa Vạn Đức và Vạn Linh được thành tựu cũng bởi được các duyên thuận lợi. Nhất là Vạn Linh, dù rất khó khăn nhưng cũng được thuận duyên thành tựu.

Nhờ Tam Bảo thầm gia bị và chư vị Hộ pháp luôn tùy duyên trợ giúp, nên bất cứ khó khăn nào cũng được khắc phục, chướng ngại nào cũng được vượt qua.

Nhớ lại, lúc ban đầu được Sư ông cử đi xây dựng Vạn Linh, thật chúng tôi vô cùng lo lắng và không bao giờ dám mơ ước đến thành quả như ngày hôm nay.

Với thành quả hôm nay, trước nhất và trên hết, chúng tôi xin hết lòng nhớ ơn Hòa thượng Bổn sư, Người đã tạo điều kiện cho chúng tôi dấn thân và luôn luôn sáng suốt chỉ đạo chúng tôi trong mọi lĩnh vực, luôn hộ niệm cho chúng tôi được vững vàng tiến bước. Cũng như biết ơn chư Tôn đức Tăng Ni đã nhất tâm tùy hỷ trợ duyên cho chúng tôi trong suốt thời gian xây dựng.

Thứ đến, chúng tôi xin nhớ ơn tất cả huynh đệ đã đồng tâm hiệp lực trong mọi công việc. Nhờ vậy mà nhiều việc tưởng chừng như không thực hiện được, lại hoàn thành ngoài sự ước mong.

Chúng tôi cũng xin biết ơn các thí chủ đã bớt phần thu nhập của mình, tự nguyện phát tâm đóng góp vào công trình để chúng tôi có điều kiện tiến hành công việc.

Chúng tôi cũng không quên ơn quí vị công quả, các Phật tử đóng góp công sức phụ giúp với chúng tôi, dành nhiều thì giờ quý báu để phục vụ công trình một cách tận tâm tận lực.

Chúng tôi cũng xin biết ơn đến quý vị ân nhân đã tạo mọi điều kiện giúp cho chúng tôi chuyển vật tư, gởi đồ hoặc giúp đỡ chúng tôi về mọi mặt mà không đặt một điều kiện gì. Nhất là kỹ sư Đỗ Thành Phương, đã tận tình giúp bản vẽ, tính kết cấu và cùng chúng tôi giải quyết những khó khăn phát sinh trong khi thi công.

Chúng tôi xin nhớ ơn Phật tử Minh Thạnh đã cho chúng tôi mượn công, cũng như tất cả anh em thợ đã đem trí huệ tài năng của mình phục vụ cho công trình được hình thành như mong muốn.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn thầy Chân Tính, trụ trì chùa Hoằng Pháp đã giúp chúng tôi hoàn thành tập kỷ yếu này.

Cầu Tam Bảo gia hộ chư Tôn đức Tăng Ni dồi dào sức khỏe, đạo nghiệp viên thành. Cầu chúc tất cả ân nhân được vạn sự tùy tâm, kiết tường như ý.

Nam mô A Di Đà Phật.



Tiểu sử Hòa thượng
VẠN ĐỨC

Hòa thượng pháp danh là Thiện Chánh, tự Trí Tịnh, pháp hiệu Hân Tịnh, húy Nhựt Bình, thuộc dòng Lâm Tế Gia Phổ đời thứ 41. Là đệ tử của Hòa thượng thượng Thiện hạ Quang, khai sơn chùa Vạn Linh ở núi Cấm, Châu Đốc. Hòa thượng thế danh là Nguyễn Văn Bình, sanh ngày 17 tháng 10 năm 1917 (02/09 năm Đinh Ty), tại xã Mỹ An Hưng (Cái Tàu Thượng), huyện Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (Đồng Tháp), là con út trong gia đình có sáu anh chị em.

Thân phụ Ngài là ông Nguyễn Văn Cân, một nông dân chơn chất. Cụ ông qua đời lúc Hòa thượng mới lên ba tuổi. Thân mẫu là bà Nguyễn Thị Truyện, mất lúc Hòa thượng vừa được bảy tuổi. Vì mồ côi cả cha lẫn mẹ quá sớm, nên Hòa thượng ở với người anh thứ ba là ông Nguyễn Văn Đặng (nay đã qua đời). Hòa thượng có ba chị gái: thứ hai, thứ năm và thứ sáu. Người thứ tư thì mất sớm.

Đến năm 10 tuổi, Hòa thượng mới vào học lớp năm (thời đó, lớp năm là lớp thấp nhất). Hòa thượng rất thông minh, vừa học vừa dạy lại các cháu. Ban đêm còn đọc



Hoa Sen - Ảnh: Giác Châu

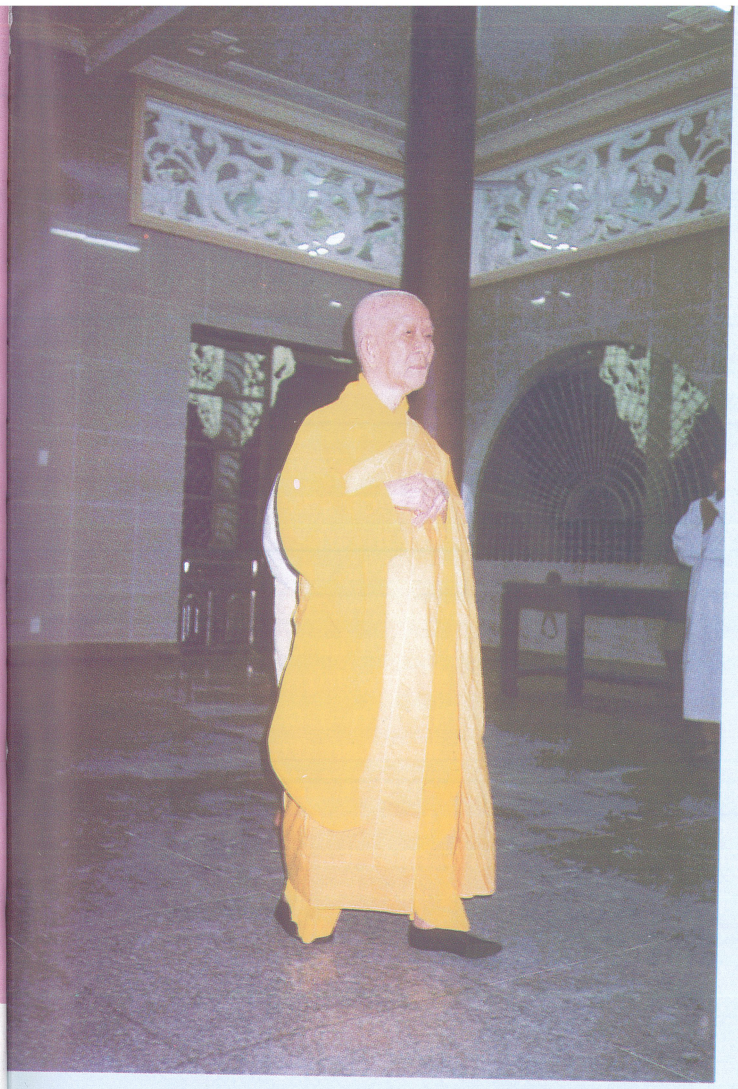
truyện Tàu cho mọi người nghe. Đúng 15 tuổi, Hòa thượng học đến lớp đệ thất, rồi sang học chữ Nho với người chú và học thuốc Bắc với người anh họ.

Hòa thượng thấy cảnh lục đục của gia đình anh chị nên có ý xuất ly thế tục. Từ đây, Hòa thượng bắt đầu tìm hiểu đến các tôn giáo như Thiên Chúa, Cao Đài, Thông Thiên Học v.v... và đặc biệt quan tâm đến Phật giáo, vì chủ thuyết của các tôn giáo kia có nhiều điểm Hòa thượng không thỏa mãn được. Từ đó, Hòa thượng âm thầm tập niệm Phật, trì chú, và quán từ bi. Ngài đến các chùa, đa số thấy quý thầy chú trọng về việc làm đồ mã, cúng bái, đi đám. Trên bàn thờ thì tối om, thờ nhiều tượng, tượng nào cũng đội khăn đỏ trông phát sợ nên không có cảm tình lắm. Hòa thượng cho rằng, các vị cao Tăng có lẽ ẩn dật nơi non cao núi thẳm, nên có ý hoài vọng các chùa trên núi.

Năm 18 tuổi, Hòa thượng bắt đầu ăn chay trường. Ứng theo điềm chiêm bao, Hòa thượng thấy có một ông già bảo rằng: "Con có căn tu, phải cần tìm thầy học đạo thì sẽ được như trong sách ước". Ông già còn bảo thêm: "Chừng nào cọp chết, rắn mới về non" (Hòa thượng tuổi Ty).

Năm 1937, lúc Hòa thượng 21 tuổi, cùng người bạn lên Sài Gòn lập nghiệp, ở chung nhà trọ. Nhà ấy có một người đi chơi ở Tây Ninh về mua được một con cọp con, đem về nuôi được chín, mười ngày thì nó chết. Ứng điềm chiêm bao, Hòa thượng liền thu xếp tìm đường xuất gia. Trước đó, tuy đã có ý định xuất thế cho sớm nhưng còn người chị thứ sáu chưa lập gia đình nên không nỡ bỏ đi. Nay bà chị đã yên bề gia thất, Hòa thượng yên tâm ra đi, để lại cho các anh chị mỗi người một lá thư và một tấm hình.

Hòa thượng đi thẳng lên núi Cấm, vì trước đã nghe có nhiều vị chơn tu trên núi ấy. Vừa đến chân núi, vì quá vui mừng nên quăng cả giày dép. Hòa thượng nhảy từ tảng đá này qua tảng đá khác và nguyện ghé lại ngôi chùa nào trước thì sẽ xuất gia ở đó, dù chưa biết chùa đó tên gì, trụ trì là



ai. Và rồi nhân duyên đưa Ngài đến ngôi chùa Vạn Linh, là một ngôi chùa ở xa và cao nhất. Hòa thượng vào chùa xin xuất gia. Lúc đó, Hòa thượng trụ trì không ở trong chùa mà ở thất riêng ngoài bìa rừng, chỉ khi nào có việc thì sau giờ Tịnh độ mới vào dạy bảo Tăng chúng ít lời. Hôm ấy là tối 14 tháng 02 năm Đinh Sửu, ngày Sám hối giữa tháng. Sau giờ Sám hối, chúng ra thưa, Hòa thượng trụ trì vào. Hòa thượng trụ trì nhìn sững Hòa thượng hồi lâu rồi mới nói với đại chúng: "Bay đừng khinh thường thằng này. Đời trước nó đã làm Hòa thượng, đời nay nó cũng làm Hòa thượng, nhưng vì có tội hay nhìn con gái nên đời này bị bệnh mắt suốt đời". Thế là hôm sau, Hòa thượng được thế phát vào ngày vía Phật nhập Niết-bàn.

Sau khi xuất gia, Hòa thượng lãnh việc viết sớ điệp. Hòa thượng trụ trì cho Ngài ở cái thất nhỏ trong vườn chùa. Ngoài các việc và thời khóa trong chùa, Hòa thượng còn ra thất tụng kinh và làm bổn phận hết sức cần mẫn. Ngài hành khổ hạnh như nhịn ăn, ít ngủ, đến đỗi Hòa thượng trụ trì phải cảnh cáo. Có lúc đang ăn, vì quá để tâm đến sự tu nên rơi chén lúc nào mà không hay.

Nhân đọc được tạp chí Từ Bi Âm, Hòa thượng phát khởi ý nguyện học rộng Phật Pháp. Cuối năm 1939, Hòa thượng xin phép Hòa thượng trụ trì xuống núi về Sài Gòn để tìm học kinh luật.

Về đến Sài Gòn, Hòa thượng cùng thầy Thiện Phước ra núi Thị Vải tìm chỗ thích hợp để cất thất. Sau cùng, tìm được một điểm tương đối tốt gần chùa Tổ (nay là Linh Sơn Bửu Thiền). Trong chùa có cho mượn dụng cụ đốn cây và dẫn nước về. Thời gian đó chưa có ai ở nhiều, nên sơn lam chướng khí rất nặng. Vì thế, chẳng mấy hôm, Hòa thượng và thầy Thiện Phước đều bị bệnh sốt rét, lên cữ từng cơn. Thấy không kham nổi nên hai người đồng xuống chân núi. Thầy Thiện Phước thì tá túc nơi am của bà Năm, Hòa thượng thì tá túc nơi hang đá của bà Bảy. Vài hôm sau, thầy Thiện Phước tịch. Hòa thượng bèn về Sài Gòn tá túc ở chùa Tịnh Độ, Gò Vấp. Chùa này do ông Tư Lành làm xếp ga xây dựng lên. Nhà ông ở phía trước, chùa xây phía sau có thỉnh quí thầy để trụ trì. Hòa thượng đến bệnh viện Sài Gòn để điều trị nhưng cũng chẳng thuyên giảm. Thấy vậy, Ngài tự nguyện với lòng: "Có chết như huynh Thiện Phước cũng chẳng sao". Thế nên, không quan tâm đến việc trị bệnh nữa mà phát tâm tả kinh Pháp Hoa. Có một Phật tử biết tâm nguyện của Hòa thượng, giúp tìm mua giấy mực. Đến ngày 14 tháng 10 là tả xong. Đúng hôm ấy, trong khi gởi để đóng lại thành quyển, chưa đem về thì có ông Mười là bổn đạo trong chùa đến nói với Hòa thượng: "Tôi biết có ông thầy kia trị bệnh sốt rét hay lắm, để tôi đưa huynh đến đó xem sao!".

Ông bèn lấy xe đạp chở Hòa thượng đến đó. Ông thầy thuốc không có nhà riêng, ở đậu nhà người ta mà làm thuốc. Sau khi hỏi bệnh trạng và giờ lên cữ, ông nói bệnh nặng lắm vì lên cữ khuya. Ông vào nhà sau, một lúc đem ra cục thuốc để trên

miếng giấy. Quan sát thì Hòa thượng biết có ớt và tỏi đâm chung. Ông bảo trước khi lên cữ nửa tiếng, lấy tay mặt vói ra sau lưng, từ trên cổ lần xuống hết ngón tay giữa chấm chỗ nào thì đó là huyệt cao quan, lấy cục thuốc ịn vào đó (cục thuốc được để trên miếng giấy mỏng chừng 3 ngón tay), rồi cứ ngồi ngay ngắn chờ. Hòa thượng về làm y như vậy. Nửa tiếng sau khi ịn thuốc, cơn sốt rét bắt đầu kéo đến. Như mọi lần, nó bắt từ xương khu quặn lên như con rắn bò. Đến cục thuốc nó dừng lại và quặn vòng quanh đó dữ lắm rồi lại ngưng, làm như vậy ba lần rồi ngưng luôn. Từ đó, căn bệnh sốt rét dứt hẳn.

Sau khi hết bệnh, Hòa thượng ở tại chùa đó một thời gian ngắn nữa. Về sau, có người em gái họ đã xuất gia, pháp danh là Diệu Trí ghé thăm. Cô ấy có khoe với Hòa thượng là được học kinh này kinh nọ và khuyên Hòa thượng nên tìm học. Lúc bấy giờ, chỉ có trường An Nam Phật Học mở ở chùa Báo Quốc tại Huế. Trong tâm Hòa thượng khởi ý đi Huế từ đó.

Đầu năm 1940, Hòa thượng về lại Cái Tàu để xin giấy ra Huế học, nhưng chính quyền không cho, bảo Hòa thượng phải ở lại năm bảy tháng mới cấp giấy. Hòa thượng không chờ được nên lên Sài Gòn tìm cơ hội để đi. Khi đi, được một thí chủ là bà Ba Hộ (chủ đất chùa Vạn Đức) cúng dường 15 đồng làm lộ phí. Đúng ra, đi tàu suốt đến Huế thì khỏe hơn, nhưng bấy giờ, Huế thuộc vùng bảo hộ của Pháp, còn miền Nam là thuộc địa nên ra đấy phải có giấy như xin Passport ra nước ngoài vậy. Vì thế, Hòa thượng phải đi từng chặng. Hòa thượng lên tàu đi Phan Thiết. Đến nơi thì đã trưa, Hòa thượng kêu xe kéo đến chùa nào gần cũng được, vì thật sự cũng không biết chùa nào mà đến. Xe kéo Hòa thượng đến chùa Bình Quang. Hòa thượng vào chùa xin cơm. Chùa dọn cơm xong, lúc sắp ăn thì vị Ni trụ trì nói: "Huynh à! Chư Tăng ở đây đi đường hay ăn cơm là phải mặc áo dài, sao huynh không mặc?". Hòa thượng làm thinh, trong bụng thầm nghĩ: "Cũng muốn mặc lắm nhưng có đâu mà mặc!". Sau này, vị Ni đó vẫn còn nhớ chuyện cũ, trong tâm tiếc rằng phải chi lúc ấy cúng cho Hòa thượng một hai cái áo dài nào có khó gì, lại còn gieo được phước lành cúng dường bước đầu cho một vị cao Tăng sau này.

Sau khi ăn cơm xong, Hòa thượng lại tiếp tục ra bến xe để đi Bình Định. Vì trước khi đi, Hòa thượng có đến tòa soạn báo Từ Bi Âm, gặp Hòa thượng trụ trì chùa Liên Tôn ở Bình Định, lúc đó là Phó chủ bút, còn Hòa thượng Bích Liên làm chủ bút. Ra đến Bình Định, Hòa thượng tìm lại chùa Liên Tôn. Hôm đó, Hòa thượng trụ trì còn ở Thành phố chưa về. Trong chùa, chỉ có một vị thầy trông coi gọi là thầy Khổ. Ít hôm sau, Hòa thượng trụ trì về, có cả cô Diệu Trí và cô thị giả. Hòa thượng bèn xin tạm ở đấy tu học. Hòa thượng trụ trì nhờ Hòa thượng viết lại Bát-nhã tâm kinh mà Hòa thượng đã giảng và in từng kỳ trong báo Từ Bi Âm, ghép lại thành tập để in ra phổ biến. Thời gian đó, Hòa thượng trụ trì có giảng "Cảnh Sách Cú Thích Ký", chủ yếu là dạy cho cô thị giả. Hòa thượng và cô Diệu Trí cũng theo học. Cô Diệu Trí có nhờ ngoài Bắc thỉnh một số kinh chữ Hán, giúp đỡ cho Hòa thượng có tài liệu để học. Cô Diệu Trí đề nghị Hòa thượng nên ra Huế vào trường học tốt hơn. Thế nên, Hòa thượng ở đó được ba tháng thì tiếp tục lên đường ra Huế, còn cô Diệu Trí thì về lại Sài Gòn. Lúc đó là tháng 08 năm 1940.

Ra đến Huế, Hòa thượng cũng không biết đến chùa nào, mới nhờ mấy người kéo xe. Họ nói ở chùa Tây Thiên có quí thầy ở miền Nam ra. Hòa thượng nhờ họ kéo đến đó. Chùa Tây Thiên là chùa của Hòa thượng Giác Nhiên, vị Tăng thống thứ hai của GHP-GVNTN. Ở đó, Hòa thượng gặp Hòa thượng Thiện Hòa, Thiện Hoa. Hòa thượng Giác Tâm chùa Duyên Giác ở Bến Tre thì đã ra trường trước. Ở đây cũng có dạy kinh nên Hòa thượng theo học, lúc đó đang dạy kinh Lăng-nghiêm. Sau buổi học, thầy Giác Tâm bảo Hòa thượng đọc lại phần đã học. Hòa thượng đọc lại, giảng nghĩa rành rẽ. Thầy Giác Tâm thấy thế mới đề nghị Hòa thượng

nên đến trường lớp, vấn đề liên hệ thầy Giác Tâm sẽ lo cho.

Hòa thượng được nhận vào học và được cấp học bổng, vì một thân một mình không ai bảo trợ. Khi Hòa thượng vào học thì lớp đó là năm thứ sáu của Tiểu học (Sơ cấp), còn vài tháng nữa là thi lên Trung học (Trung cấp). Các môn khác thì Hòa thượng học không khó lắm, chỉ có môn Duy thức là mù tịt không biết gì. Lúc đó đang dạy Duy Thức Dị Giản sắp hết, Hòa thượng mới mượn tập xem lại từ đầu và dần dần hiểu ra. Sao khi hết quyển cho làm bài kiểm tra với chủ đề là Bát Thức Đồng Dị. Bài đó, Hòa thượng được chấm chín điểm rưỡi, cao nhất lớp. Việc này đã làm xao động trong chúng. Hòa thượng được Hòa thượng Đốc Giáo để ý. Đến cuối năm, khi thi lên Trung cấp, học chúng lo ngại nếu Hòa thượng đứng đầu thì mất thể diện những người học lâu. Sau khi thi viết, đến phần khảo hạch miệng. Bác sĩ Lê Đình Thám phụ trách môn này. Cách thi là lật quyển sách nhằm trang nào thì giải thích trang đó. Vì lật nhằm trang chưa học nên Hòa thượng giải thích chưa được trúng lắm. Giáo sư Lê Đình Thám cười và nói: "Chú này đến sau, mà sau này sẽ hữu dụng!". Chung cuộc, Hòa thượng cũng được đứng hạng bảy.

Đầu năm 1941, Hòa thượng thọ giới Sa-di tại Huế với Đại lão Hòa thượng chùa Quốc Ân. Sau đó, tiếp tục học lên Trung đẳng và tốt nghiệp vào cuối năm 1942. Đến năm 1945 thì tốt nghiệp Cao đẳng. Cũng năm này, trường An Nam Phật Học dời vào Tòng Lâm Kim Sơn, Hòa thượng được Hội và Ban giám đốc cử làm Giám viện Quản đốc trường. Kế đó, vì nạn đói ở Huế cũng như cả miền Bắc, nhà trường quyết định chuyển học Tăng Sơ đẳng và Trung đẳng khoảng 40 vị vào Nam và giao toàn chúng cho Hòa thượng quản lý. Hòa thượng Thiện Hoa và Hòa thượng Trí Quang lo chỗ nơi, mục tiêu hướng đến là Lưỡng Xuyên Phật Học. Vào đến Nam, đoàn học Tăng tạm ở lại chùa Vĩnh Tràng, Mỹ Tho do thầy Trí Long trụ trì. Thầy Trí Long cũng là một học Tăng trong đoàn. Hòa thượng Thiện Hoa và Hòa thượng Trí Quang trở về Lưỡng Xuyên lo sắp xếp. Còn Hòa thượng về chùa Kim Huê, Sa Đéc tạm ở và lo nhập thất. Ngày 19 tháng 06 năm 1945, Hòa thượng được thọ Đại giới tại Đại Giới Đàn tổ chức tại chùa Long An, Sa Đéc, do Đại lão Hòa thượng chùa Kim Huê làm Hòa thượng đàn đầu.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 phát động, Lưỡng Xuyên Phật Học bị phân tán. Hòa thượng Thiện Hoa về chùa Phật Quang ở Trà Ôn, Cần Thơ do Hòa thượng Thiện Tâm là anh ruột làm trụ trì, xây dựng tạm mái trường. Hòa thượng từ Sa Đéc về Phật Quang, cùng Hòa thượng Thiện Hoa tập họp các học Tăng lập thành trường Phật Học Phật Quang, khai giảng vào cuối năm. Học Tăng trường Phật Quang phần đông là học viên mới, còn tốp cũ phần đông tự phân tán vì quốc biến.

Cuối năm 1946, gặp nạn thổ dậy, địa phương không được ổn định. Hòa thượng dời một số học Tăng về tạm ở chùa Vạn



Phước, Phú Lâm, Chợ Lớn. Sau đó, Hòa thượng cùng thầy Huyền Dung xây dựng thành lập Liên Hải Phật Học Trường, quy tụ số học tăng khoảng 70 vị từ khắp các nơi về. Trong đó có Hòa thượng Đạt Từ ở chùa Thiền Tôn (Thủ Đức) đến giúp và giữ chức Giám trường. Hòa thượng Quảng Liên và Hòa thượng Quảng Huệ cũng về hợp tác. Thầy Minh Cảnh được xuất gia ở đây. Hòa thượng đã tổ chức được một Đại giới đàn tại đây và Hòa thượng Quảng Liên cũng như Hòa thượng Bửu Huệ được thọ Đại Giới tại giới đàn này.

Đến năm 1950, Hòa thượng có bệnh phải đi dưỡng bệnh ở chùa Linh Sơn Cổ Tự (Vũng Tàu), nên giao toàn trường cho Hòa thượng Thiện Hòa vừa ở Bắc về quản lý. Năm 1951, Hội chùa Linh Sơn thỉnh Hòa thượng làm trụ trì và giao toàn quyền quản lý.

Năm 1952, Giáo Hội Tăng Già Nam Việt được thành lập ở Sài Gòn. Hòa thượng được mời giữ chức Trưởng Ban Giáo Dục và Trưởng Ban Giám Luật. Kế đó, Giáo Hội Tăng Già toàn quốc được thành lập. Hòa thượng được cử vào các chức vụ: Trưởng Ban Giáo Dục, Ủy Viên Phiên Dịch Tam Tạng và Phó Trị Sự Trưởng. Vì có nhiều trọng trách trong Giáo hội nên tháng 04 năm 1954, Hòa thượng trao quyền trụ trì chùa Linh Sơn lại cho Thượng tọa Tịnh Viên. Cho đến năm 1995, thì Thượng tọa Tịnh Viên viên tịch.

Với hoài bão truyền đăng tục diệm, hoằng dương chánh pháp, kiến tạo Già-lam. Hòa thượng được Phật tử cung thỉnh về ngôi nhà xưa cổ kính không người thừa kế trên một vùng đất hoang vu vắng vẻ ít người đi lại, tọa lạc tại ấp Bình Đức, xã Tam Bình, quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định, nay thuộc khu phố 5, phường Tam Phú, quận Thủ Đức, TP. HCM. Nơi đây, Hòa thượng khai sơn tạo dựng Già-lam, lấy tên là Vạn Đức. Lần lần, do uy tín và đạo đức của Hòa thượng, Tăng Ni quy tụ về cất chùa am chung quanh, biến nơi này thành một đạo tràng lớn mà hiện nay, nói đến đạo tràng Vạn Đức ai ai cũng đều biết.

Năm 1955, với chí nguyện hoằng dương Tịnh độ, hướng dẫn chúng sanh đời mạt pháp, Hòa thượng thành lập Cực Lạc Liên Hữu, khuyến tấn người niệm Phật, cầu vãng sanh Tịnh độ. Cực Lạc Liên Hữu được Hòa thượng khai hóa đã khơi dậy phong trào tu tập, khuyến tấn hành giả tín hướng chỉ quy Tịnh độ. Hòa thượng là vị Tổ sư đương thời chấn hưng Tịnh tông trong tòa nhà Phật Giáo Việt Nam. Hòa thượng rất quán triệt Thánh điển, kiến thức đa văn, quảng bác Nho học, tinh tường y dược Đông phương. Tăng Ni, Phật tử Việt Nam thấm nhuần được kinh điển Đại thừa phần lớn do công trình dịch thuật của Hòa thượng.

Dịch phẩm của Hòa thượng rất có giá trị. Hòa thượng quý chuộng điều căn bản là dịch đúng nghĩa, chính xác, rõ ràng chơn chất, không bóng bẩy, âm vận êm xuôi, để người đọc tụng lưu thông, thầm nhận được nghĩa thú rất rõ ràng, dễ nắm bắt được ý chỉ của kinh.

Năm 1947, Hòa thượng dịch kinh Pháp Hoa ở Liên Hải Phật Học Trường. Sau đó là kinh Tam Bảo, Địa Tạng, Phẩm Phổ Hiền.

Năm 1951, do yêu cầu của Giáo Hội Tăng Già Nam Việt, Hòa thượng Việt dịch Bồ-tát giới để tụng trong ngày Bố Tát.

Năm 1952, trước tác bộ Đường Về Cực Lạc tại chùa Linh Sơn, Vũng Tàu.

Năm 1964, dịch kinh Hoa Nghiêm ở chùa Vạn Đức. Rồi tiếp tục kinh Đại Bát Niết-bàn, Đại Bát-nhã.

Năm 1972, dịch Đại Bửu Tích, Hán bộ 1--120.

Năm 1978, được phép in nên dịch thêm hai tập, Hán bộ từ 121–150.

Rồi dịch Văn-thù Vấn Bát-nhã, Hán bộ từ 151–155; Vô Tận Ý Bồ-tát, Hán bộ từ 156-159; Thập Lục Quán Kinh, Hán bộ 160.

Tất cả ghép chung vào Đại Bảo Tích để tiện việc xin phép.

Năm 1962, Hòa thượng được bổ nhiệm làm Phó Viện Trưởng Phật Học Viện Trung Phần.

Năm 1964, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất thành lập, Hòa thượng làm Trưởng đoàn Giáo Hội Phật Giáo Tăng Già Nam Việt, được suy cử làm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự.

Năm 1973, làm Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo.

Năm 1978, Hòa thượng được Hòa thượng Tăng Thống tấn phong giáo phẩm cùng ba vị là: Hoà thượng Trí Nghiêm ở Nha Trang, Hòa thượng Giác Tánh ở Chùa Nguyên Thiều, Bình Định và Hòa thượng Minh Tâm ở Phan Rang.

Huy hiệu bánh xe pháp luân 12 căm của GHPHVNTN là ý kiến của Hòa thượng (Tam chuyển pháp luân Tứ đế).

Năm 1981, GHPGVN thành lập, Hòa thượng được suy cử làm Phó Chủ Tịch Thường Trực.

Năm 1982, kiêm thêm Trưởng Ban Trị Sự Thành Hội.

Năm 1984, Hòa thượng chính thức được suy cử làm Chủ Tịch Hội Đồng Trị Sự Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.

Năm 1987, kiêm thêm Trưởng Ban Tăng Sự, giao Trưởng Ban Trị Sự Thành Hội cho Hòa thượng Thiện Hào.

Năm 1992, kiêm thêm đệ nhất Phó Pháp Chủ kiêm Giám Luật đến bây giờ.

Hòa thượng cả đời tận tụy vì Phật Pháp, luôn lấy việc học kinh, tụng kinh, niệm Phật, giảng dạy và phiên dịch kinh điển từ Hán tạng ra Việt văn làm chánh hạnh của đời mình. Hiện nay, tuy tuổi đã 90, nhưng tinh thần Hòa thượng vẫn sáng suốt. Thân còn khỏe mạnh, tâm chuyên niệm Phật. Vì sự lợi tha, cứ vào nửa tháng, Hòa thượng lại truyền giới Bát quan trai cho hàng Phật tử tại gia đến tu học tại chùa Vạn Đức.

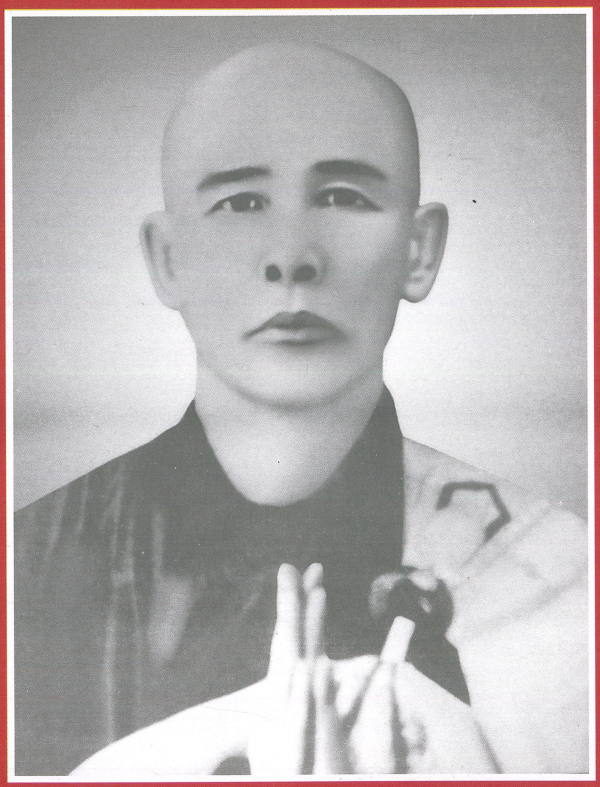
Hòa thượng thật là một tấm gương sáng, một bậc chân tu sáng ngời đạo hạnh trong lòng Tăng Ni-Phật tử Việt Nam.



HT. Thích Trí Tịnh (ngồi giữa)

TIỂU SỬ HÒA THƯỢNG

VẠN LINH



Hòa thượng thuộc dòng Lâm Tế Gia Phổ đời thứ 40, đệ tử của Hòa thượng Tổ sư Viện chủ Tổ đình Phi Lai. Pháp danh Thích Thiện Quang, húy Hồng Xưng.

Hòa thượng tên thật là Nguyễn Văn Xứng, sinh năm 1895 tại Vồng Keo, nay là ấp Tân Thuận, xã Tân Bình, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre.

Con của ông Nguyễn Văn Chiếu và bà Võ Thị Sáng trong một gia đình phú nông nhiều đời tích đức. Ngài là con thứ năm trong một gia đình có bảy anh chị em và là con trai duy nhất trong nhà.

Lớn lên trong hoàn cảnh đất nước bị người Pháp đô hộ, thấm thía nỗi thống khổ của người dân nô lệ, Ngài đã âm thầm tụ tập bạn bè, luyện tập võ nghệ. Sau gia nhập tổ chức Thiên Địa Hội, tiền thân là tổ chức phản Thanh phục Minh của Trung Hoa vì bị đàn áp truy đuổi nên ty nạn sang Việt Nam và lâu ngày Việt hóa thành tổ chức chống Pháp.



Hoa Sen - Ảnh: Giác Châu

Vào thời đó, những gia đình khá giả thường bị người Pháp buộc phải tham gia làm việc trong Ban Hương Chức Hội Tề. Gia đình Ngài cũng không ngoại lệ.

Cha Ngài làm Hương Cả, tục gọi là Cả Chiếu. Bản thân Ngài làm phó Hương Quản. Vì vậy, nên mãi đến năm 24 tuổi, sau khi gia đình thúc ép nhiều lần, Ngài mới lập gia đình. Sau này có được hai người con, một trai một gái.

Lập gia đình chưa được bao lâu, Ngài sinh bệnh. Thuốc men khắp nơi không hết. Một hôm, có vị Sư cùng quê tu trên núi Két (Thất Sơn) về thăm. Gặp Ngài, bảo: "Muốn hết bệnh, lên núi Sư giúp!".

Khi đó, tổ chức Thiên Địa Hội, Ngài tham gia bị lộ nên bị bắt rất nhiều, tuy nhiên mật thám chưa lần được ra Ngài. Lúc đó là năm 1918.

Một hôm, trong làng có việc, Hương Quản đánh mõ triệu tập dân chúng. Ngài đang ăn cơm nên ra trễ. Ông Hương Quản bắt lỗi và sẵn cầm dùi, đánh Ngài luôn. Ngài giật dùi đánh lại, xong bỏ về. Sự việc này xảy ra như giọt nước cuối cùng làm tràn ly nước. Ngay ngày hôm đó, Ngài thu xếp gia đình, khăn gói lên đường, hướng về Thất Sơn, Châu Đốc lánh thân. Tìm đến núi Két, gặp được vị Sư ngày trước kể rõ sự tình, được Sư cho ở lại trị bệnh và sau đó học nghề thuốc. Bệnh duyên lần thuyên giảm. Ở đây, gần gũi chư Tăng, tìm hiểu Phật Pháp. Vốn sẵn căn lành, Ngài nhận ra cảnh đời vô thường nên trong tâm nhen nhúm chí xuất trần. Thời gian sau, thấy yên ổn nên Ngài về thăm nhà rồi lại lên, suốt nhiều năm như vậy. Lần hồi, đạo tâm ngày càng kiên cố, lại thêm vị Sư khuyến khích, nhưng vì núi Két gần chợ, Phật tử thăm viếng thường xuyên nên Ngài có ý tìm nơi khác. Sau khi nghe núi Kỳ Hương có chùa Phi Lai, nơi trụ xứ của Hòa thượng thượng Chí hạ Thiền, một bậc chân tu đắc đạo, giới đức tinh nghiêm đang giáo hóa, đồ chúng rất đông, nên Ngài tìm đến bày tỏ nguyện vọng và được Tổ cho quy y ở lại công quả tập sự. Năm sau, 1925, đầy đủ duyên lành, được Tổ cho thế phát xuất gia với pháp danh là Thiện Quang, húy Hồng Xưng, nhập chúng tu học. Từ đó, Ngài siêng năng tinh tấn, chuyên tâm học tập kinh luật. Ngài vốn người tính tình lặng lẽ, thâm trầm, thích ở nơi vắng lặng, ít người lui tới để dễ bề tu tập. Nên sau mùa an cư năm 1927, Ngài trình bày nguyện vọng của mình và được Tổ cho phép. Ngài lên núi

Cấm tìm một nơi vắng vẻ dưới chân vồ Bồ Hông, không xa chùa Phật Lớn bao nhiêu, cất am chuyên tu.

Ngài chuyên trì chú Đại bi và niệm danh hiệu đức Quán Âm, thuần thục đến độ khi ngủ vẫn niệm.

Sinh thời, Ngài có những hành tung kỳ đặc mà người thường khó biết. Trong chùa, những việc quan trọng Ngài thường cho biết trước hoặc huyền ký như trường hợp Hòa thượng Vạn Đức khi gặp Ngài xin quy y thế phát, Ngài đã có những huyền ký về cuộc đời Hòa thượng mà sau này nghiệm lại rất đúng.

Ngài lại có tài trị bệnh, nhất là bệnh tà. Nhiều con bệnh chữa chạy khắp nơi không hết. Tìm đến, Ngài chữa trị rất đơn giản bằng thuốc núi... Bệnh tà thì khuyên răn dạy bảo, khi xối nước hoặc mua dầu cúng Phật, vậy mà hết bệnh.

Tiếng lành đồn xa, nên người tìm đến hoặc xin trị bệnh, học thuốc, học đạo. Rồi cảm ân đức Ngài nên có người xin công quả, kẻ xin xuất gia. Am tranh chật chội, Ngài cho xây thêm Chánh điện, Tăng phòng, kho bếp.

Năm 1941, nhờ Phật tử phát tâm ủng hộ, Ngài cho xây dựng chùa với quy mô bề thế nhất núi lúc bấy giờ.

Năm 1945, cuộc kháng chiến chống Pháp toàn dân bùng nổ, núi Cấm vốn là nơi hiểm địa nên những người yêu nước thường chọn làm căn cứ tổ chức chống Pháp.

Năm 1946, chính quyền Pháp hay được nên ra lệnh đuổi xuống núi không kể là Tăng hay tục. Vì lẽ ấy nên Ngài cùng đồ chúng xuống núi, về tạm lánh tại nhà Phật tử ở Tri Tôn chờ xem tình hình ra sao.

Đầu năm 1947, thấy chiến sự ngày càng tăng, không hy vọng gì trở lại. Hòa thượng về chùa Linh Bửu, cầu Bông, Bình Thạnh, Sài Gòn theo lời mời của một số Phật tử. Về ở trên gác, Ngài cũng tinh tấn chuyên tâm tu tập, không lúc nào ngừng ngớt

Ngày 20 tháng 11 năm Quý Tỵ (1953), sau khi đi dự lễ thượng lương cho bổn đạo về, Ngài không chịu ăn, chỉ uống nước. Thị giả dâng cơm, Ngài nói: "Ăn cũng vậy, không ăn cũng vậy. Ăn chi, để bụng cho nó sạch!".

Đến ngày 23, đồ chúng lo sợ, mời thầy thuốc đến xem bốc thuốc. Thị giả dâng thuốc, Ngài cũng không uống và nói: "Uống cũng vậy, không uống cũng vậy. Uống chi!".

Qua ngày 24, bảo với đại chúng: "Mấy đứa bây chuẩn bị, sáng mốt đưa tao về!". Đồ chúng tưởng Ngài muốn về núi, thưa lúc này trên núi còn lộn xộn lắm chưa về được. Ngài nói: "Thôi, mấy đứa bây có giỏi, niệm Phật đua với tao!".

Từ đó, Ngài chuyên niệm Phật cùng đại chúng. Đến sáng ngày 26 tháng 11, Ngài ngồi trên giường đang cùng đại chúng niệm Phật. Sau khi niệm to đứt quãng: "Nam... Mô... A... Di... Đà... Phật" rồi tự nằm ngay thẳng xuống giường như người nằm ngủ. Mọi người coi lại thì Hòa thượng đã viên tịch. Lúc đó, đúng 08 giờ 15 phút sáng ngày 26 tháng 11 năm Quý Tỵ (31/12/1953). Trụ thế 59 tuổi.

Vì phải chờ môn đồ pháp quyến và thân nhân đến đông đủ, nên đến 03 giờ chiều ngày 27 tháng 11 mới tẩn liệm. Song nhục thân Hòa thượng vẫn mềm mại, da thịt vẫn như người sống. Sau đó, nhục thân của



Ngài được đưa về an táng ở sau chùa Vạn Đức, Thủ Đức.

Đến năm 1983, Hòa thượng Thiện Thành, trụ trì Tổ đình Vạn Linh đời thứ hai, tổ chức thỉnh nhục thân Ngài về núi nhưng sự việc không thành, đành đưa về Thành phố hỏa táng. Tro cốt được thờ ở tháp Phổ Đồng, chùa Huệ Nghiêm, Bình Chánh.

Năm 1995, dưới sự chỉ đạo của Hòa thượng Vạn Đức, Tổ đình Vạn Linh được trùng tu lại. Sau khi hoàn chỉnh cơ bản khu chánh điện, tháp Tổ được tiến hành xây dựng.

Ngày 24 tháng 11 năm Mậu Dần (1998), Hòa thượng Vạn Đức cho tổ chức thỉnh Phật về núi, đồng thời thỉnh linh cốt Hòa thượng khai sơn về làm lễ nhập tháp. Như vậy, sau đúng 45 năm, tâm nguyện của Tổ đã được viên thành. Sự nghiệp của Ngài đã được hàng môn hạ truyền đăng tục diệm.

Hòa thượng Vạn Đức đã tóm lược cuộc đời Ngài bằng bốn câu thơ:

"Thiện tự nội tàng thời hãn ngộ
Quang truyền ngoại hóa thế đa quy
Vạn Linh sơn trụ khai mông muội
Linh Bửu Tây quy hiển thoại tường".

Tạm dịch:

"Thiện ẩn bên trong đời ít biết
Quang độ người ngoài lắm kẻ quy (y)
Vạn Linh ở núi khai mông muội (tăm tối)
Linh Bửu về Tây hiển điềm lành".



VÀI NÉT VỀ TIỂU SỬ

CHÙA VẠN ĐỨC

Chùa Vạn Đức hiện tọa lạc số 502 tỉnh lộ 43 khu phố 5, phường Tam Phú, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. Trước ngày giải phóng, thuộc địa phận tỉnh Gia Định. Chùa nằm cách trung tâm Thành phố khoảng 15 km, cách chợ Thủ Đức khoảng 2 km, cách xa lộ vòng đai khoảng gần 1 km tính từ ngã tư Gò Dưa đi vào. Chùa do Hòa thượng Thích Trí Tịnh khai sơn vào năm 1954 (Giáp Ngọ). Hòa Thượng thuộc dòng Lâm Tế Gia Phổ đời thứ 41, đệ tử của Hòa thượng khai sơn chùa Vạn Linh núi Cấm, Châu Đốc thượng Thiện hạ Quang. Hòa thượng hiện là chủ tịch HĐTSTWGHPGVN. Năm nay (2006), Hòa thượng trụ thế đã chín mươi năm mà tình trạng sức khỏe vẫn tương đối tốt, sinh hoạt bình thường, còn trực tiếp điều khiển Giáo Hội. Mỗi tháng hai lần còn truyền giới Bát quan trai cho đại chúng tu tập được nhiều lợi lạc.

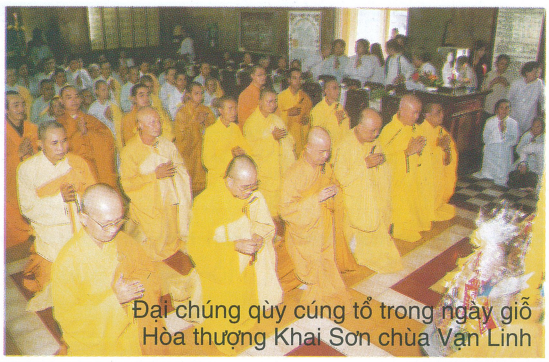
Chùa có nguồn gốc từ một ngôi nhà xưa, của một gia đình phong lưu hiến cúng sửa lại làm chùa, được gọi là "cải gia vi tự". Ngược dòng thời gian, vào năm 1946, Hòa thượng khai sơn chùa Vạn Linh núi Cấm, Châu Đốc do chiến tranh phải xuống núi về chùa Linh Bửu ở Cầu Bông lánh nạn. Đến ngày 26 tháng 11 năm Quý Tỵ (1953), Hòa thượng an nhiên thị tịch tại đây và được vị đệ tử tại gia xin đưa về an táng tại đất thổ mộ của gia đình bà. Vị đệ tử đó thường được gọi là bà ba Hộ, tên Nguyễn

Thị Tánh, pháp danh Diệu Tuyết. Rằm tháng giêng năm Giáp Ngọ (1954) là lễ chung thất, Hòa thượng Vạn Đức từ chùa Linh Sơn, Vũng Tàu về tham dự lễ, đồng thời đến đây để viếng mộ tôn sư, vì trong thời gian tang lễ, Hòa thượng đang nhập thất nên không về dự tang được. Nhân đây, bà ba Hộ đã phát tâm cúng dường toàn bộ đất và ngôi nhà lớn tọa lạc trên đó cho Hòa thượng. Ngôi nhà này nguyên là của ông Nguyễn Văn Do, chú ruột thứ sáu của bà ba Hộ. Sau khi ông sáu mất không người thừa kế, bà ba là cháu ruột nên được đứng chủ quyền. Trước đây, khi Hòa thượng khai sơn chùa Vạn Linh còn sanh tiền có đến ngôi nhà và khu đất này, Hòa thượng có huyền ký: "Nơi này về sau sẽ trở thành đại già-lam". Khi Hòa thượng nhận ngôi nhà này thì nó đã bị bỏ hoang một thời gian nên bên trong bị hư hại nhiều, bên ngoài thì cỏ dại, mắc cỡ tây um tùm che kín vườn. Sau khi nhận, bắt đầu ngày 16 tháng 03 âl, Hòa thượng cho kêu thợ sửa lại nhà. Hòa thượng cho giữ nguyên hiện trạng, chỉ làm thêm phía trước cho giống chùa. Bên trong dọn dẹp ngăn lại. Phía trước thờ Phật, sau thờ Tổ, nghỉ hai bên. Đồng thời cho các huynh đệ phát hoang bên ngoài, trồng đến đâu gieo hạt mít đến đó để kịp phát triển vào mùa mưa. Không đầy một tháng, đến mùng 08 tháng 04 ngày lễ Tắm Phật, Hòa thượng làm lễ thỉnh Phật về thờ. Tượng Phật được đặt ở Hưng Long do nghệ nhân Phước Điền tạc đúc. Tượng ấy, đến nay vẫn còn an trí ở chánh điện mới. Thế là chùa Vạn Đức được hình thành từ đó, đến nay đã hơn 50 năm, trải qua bao thăng trầm biến đổi.

Chùa ngày càng phát triển đúng với lời huyền ký của Hòa thượng Vạn Linh. Chính nơi đây là trú xứ của một vị cao Tăng: Hòa thượng thượng Trí hạ Tịnh. Ngài đã cống hiến một sự nghiệp vĩ đại cho Phật giáo nước nhà. Ngài đã phiên dịch phần lớn các bộ kinh Đại thừa, giảng dạy đào tạo nhiều thế hệ Tăng Ni, cũng như gánh vác lãnh đạo Giáo Hội trải qua nhiều thời đại và hiện

Cổng Tam quan được xây dựng lại sau khi xong phần cơ bản của chánh điện





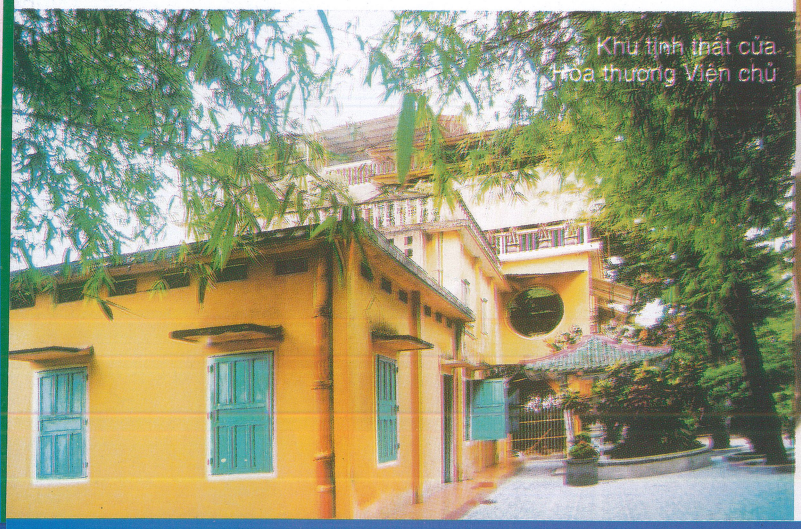
Đại chúng qùy cúng tổ trong ngày giỗ Hòa thượng Khai Sơn chùa Vạn Linh

nay là Tòng lâm thạch trụ cho ngôi nhà Phật Giáo Việt Nam. Chùa Vạn Đức sẽ mãi mãi là mái nhà che chở những người con Phật trên lộ trình đi đến giác ngộ giải thoát.

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ TRÙNG TU CHÙA VẠN ĐỨC

Tất cả những cảnh vật ở trên thế gian này đều chịu ảnh hưởng của sự vô thường biến đổi, dù đó là một ngôi chùa. Có cái phát triển lên rồi theo thời gian tàn lụi và mất hẳn, chìm sâu vào quên lãng; có cái mỗi ngày mỗi phát triển và tồn tại đến ngày nay; có cái chỉ còn nhắc nhở trong ký ức hoặc trên sách vở mà thôi. Đó là những trạng thái chung của những cảnh vật hiện diện trên cõi đời này.

Chùa Vạn Đức được hình thành đầu tiên từ một ngôi nhà sửa lại. Sau khi An vị Phật, sinh hoạt tạm ổn, Hòa thượng tiếp tục hoằng hóa. Năm 1955, Hòa thượng thành lập hội Cực Lạc Liên Hữu, khuyến tấn mọi người niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Hòa thượng đã soạn bài Kệ Niệm Phật để các Liên Hữu nắm được tông chỉ mà thực hành.



Khu tịnh thất của Hòa thượng Viện chủ

"Tây Phương Cực Lạc thế giới
Nam mô A Di Đà Phật
Tin sâu, Nguyện thiết, Hạnh chuyên
Nam Mô A Di Đà
Không gấp cũng không huởn
Tâm tiếng hiệp khắn nhau
Thường niệm cho rành rõ
Nhiếp tâm là Định học
Nhận rõ chính Huệ học
Chánh niệm trừ vọng hoặc
Giới thể đồng thời đủ
Niệm lực được tương tục
Đúng nghĩa chấp trì danh
Nhất tâm Phật hiện tiền
Tam-muội sự thành tựu
Đương niệm tức vô niệm
Niệm tánh vốn tự không
Tâm làm Phật là Phật
Chứng lý pháp thân hiện



Quá dường Chư ni trong ngày lễ Trai Tăng

Nam mô A Di Đà
Nam mô A Di Đà
Cố gắng hết sức mình
Cầu đài sen thượng phẩm".

Nhân duyên Hòa thượng thành lập Hội Cực Lạc Liên Hữu là chùa có trồng khóm bông mười giờ. Bông này có đặc điểm là khoảng mười giờ trưa mới nở và xế xế là tàn. Thế mà từ mùng 10 tháng 11 đến 17 tháng 11 âl năm Ất Mùi (1955), khóm bông này nở liên tục cả ngày lẫn đêm, người đến xem rất đông. Ứng điềm lành này, ngày vía Phật A Di Đà 17 tháng 11 Ất Mùi (1955), Hòa thượng thành lập hội. Song song với việc tu học, năm 1956, Hòa thượng làm thêm nhà Tổ. Năm 1957, tiếp tục xây nhà công quả, khu bếp, giảng đường, Tăng đường. Đến năm 1958 hoàn thành. Đầu Hạ 1959, Hòa thượng khai Trường Hương (An cư Kiết hạ), giảng kinh Pháp Hoa Thông Nghĩa, đồng thời kiến thiết điện Quan Am. Đến nay vẫn còn, có tu sửa lại. Đến năm 1963, ngôi nhà do xây dựng quá lâu nên xuống cấp trầm trọng. Sở dĩ chưa sập vì rui mè còn nương gá lẫn nhau. Mới đầu, Hòa thượng định sửa lại nhưng vì quá rệu nên quyết định trùng tu toàn bộ. Đây chính là lần trùng tu thứ nhất, được khởi công vào ngày vía Phật A Di Đà 17 tháng 11 năm Quý Mẹo (1963). Chùa được cất trệt nhưng nhìn vào mặt dựng phía trước với ba lớp mái, giống như một trệt hai lầu. Lại thêm hai lầu chuông trống hai bên làm cho chiều ngang chùa tăng thêm kích cỡ. Phía trước chánh điện là ba bộ cửa sắt bông sen bốn cánh, hai cánh chết hai cánh mở. Dàn cửa này chỉ mở vào dịp đầu năm. Trước cửa là năm bậc tam cấp, mỗi bậc cao hai tấc nằm khuất trong dãy hành lang xây hình vòm, hai bên là hai căn nhà trống vách nằm dưới lầu chuông trống, mỗi căn vuông vức ba mét cạnh. Từ đó, dẫn vào hai dãy hành lang sâu hút rộng hai mét, giựt cấp lên phía sau, vì thế đất triền trúc ra phía trước. Cho nên, ngoài trước nền cao khoảng 1m mà sau còn không đầy hai tấc. Phía trên hành lang lợp ngói âm dương (sau này thay tol xi măng), còn trên chánh điện, nhà Tổ lợp ngói Tây. Hai lớp mái này cách nhau một lớp vách bởi những bông gió bông sen xây chồng lên hai lớp. Phía trước trên tầng mái thứ nhất, hai bên là hai lầu chuông trống. Vách được xây bằng bông gió bông sen bao quanh một bánh xe pháp luân lớn mười hai căm. Giữa là ba bức phù điêu đức Bổn sư Thích-ca và hai vị Bồ-tát Quan Âm, Phổ Hiền cũng do nhà điêu khắc Phước Điền tạo (ba bức phù điêu này rất đẹp, màu sắc rất bền đến nay vẫn còn an trí lại). Trên tầng thứ hai là tượng đức Phật A Di Đà cao khoảng 2m 20 và trên cùng là một tháp nhỏ bảy tầng. Giữa mái ngói nhô lên một cổ lầu nơi Phật ngự. Bên trong chánh điện rộng chín mét, vì xây trốn cột nên rất thoáng, rộng. Nền được lót bằng gạch bông màu trơn, lót theo sọc cờ Phật giáo. Chùa dài 30m được chia làm hai phần bằng nhau. Trước là chánh điện, sau là nhà Tổ và trai đường. Phần chánh điện cũng có hai phần: phần thờ và chỗ Hòa thượng hành lễ 5m, phần đại chúng 10m. Phần thờ có ba bàn: giữa là bàn Phật có ba cấp, trên cùng giữa là đức Bổn sư Thích-ca của chùa cũ, hai bên là hai vị Phật nhỏ hơn do thỉnh cầu của



Bê tông được chuyền bằng sức người



Các tượng Phật cũ được thờ lại chung với tượng đá mới do nghệ nhân Hoàng Hữu cúng dường

bà Đốc Diệu Phước (thân mẫu cô Viên Thiền) nên năm 1956, có dịp sang Miên, Hòa thượng đã thỉnh về (cột cờ phía trước cũng do vị thí chủ này cúng dường). Trước đức Phật lớn có tượng đức A Di Đà đứng cao chừng tám tấc và Phật nhập Niết-bàn dài năm tấc, bệ giữa thờ Phật sơ sanh cao năm tấc. Đồng thời, bệ này để chưng bông trái, chân đèn, lư hương. Cấp dưới cùng là chuông mỏ. Hai bàn hai bên là thờ đức Quán Âm và Địa Tạng đắp phù điêu bằng thạch cao (đức Quán Âm do người cha là ông Đốc Ý đắp, đức Địa Tạng do người con trai là Quãng Sang làm, đến nay các tượng này đều được thờ lại và đặc biệt các tượng này đều được thếp bằng vàng thật). Sau lưng đức Phật là bức vách cao 10m trang trí bằng cây Bồ-đề do nghệ nhân Minh Dung vẽ. Ở giữa và trên cùng của phần đại chúng có một thùng Phước điền Tam Bảo cao khoảng tám tấc trên có một lư hương, hai bên để chuông mỏ dưới thấp để sử dụng thường xuyên cho các thời khóa hằng ngày. Chuông mỏ lớn ở trên chỉ sử dụng vào dịp sám hối và các thời cúng ngọ những ngày vía, lễ. Phần nhà Tổ có năm bệ thờ. Giữa là bàn Tổ có hai cấp. Trên an trí khung kiếng vẽ Tổ Bồ-đề-đạt-ma đứng trên nhánh tre qua sông, trên vai vác gậy có chiếc dép. Tượng cao khoảng 2m (tượng vác gậy có chiếc dép mà đi trên nước, Hòa thượng cho là không đúng với lịch sử. Nếu vác dép thì phải đi trên núi mới đúng, vì sứ thần gặp Ngài đang đi trên núi Thông Lãnh). Bệ dưới để lư hương và cái chuông. Nhìn vô bên phải, một bàn là thờ Hòa thượng khai sơn chùa Vạn Linh, một bàn nữa là thờ vong nam. Bên trái một là bàn thờ Tăng và một bàn nữa là thờ vong nữ. Hai bên là hai dãy quá đường dài, phía trên đều có nghi thờ cho trang nghiêm. Dưới cùng hai bên là hai phòng nhỏ dành cho Ban chức sự. Giữa là bộ Tợ dành cho Hòa thượng, phía trước cũng có nghi thờ đức Quán Âm. Đó là toàn phần chánh điện, nhà Tổ mà Hòa thượng đã xây dựng trong đợt trùng tu lần thứ nhất, chỉ trong vòng sáu tháng đã hoàn thành, đến 16 tháng 06 năm Giáp Thìn (1964) là làm lễ an vị. Đặc biệt là trong khi xây dựng, Hòa thượng không quyên góp và kêu gọi ai, chỉ tùy hỉ theo sự phát tâm của mọi người. Đến ngày hoàn thành, còn dư được một ít để xây cổng Tam Quan. Chính nơi chánh điện này, ngoài việc giảng dạy và Phật sự các nơi, Hòa thượng cứ mỗi

nửa tháng đều truyền giới Bát quan trai và đích thân tụng Bồ-tát giới cho đại chúng nghe. Đến năm 1996, Hòa thượng mổ mắt mới nghỉ tụng giới, còn truyền giới Bát quan trai đến nay vẫn còn. Mỗi năm, vào ba ngày vía đức Quán Thế Âm 19/02, 19/06, 19/09, Hòa thượng truyền Tam quy Ngũ giới cho Cư sĩ tại gia. Đồng thời cũng là dịp cho các vị tập sự công quả được thế phát xuất gia. Lúc Hòa thượng còn khỏe, ngoài việc đi dạy các nơi, Hòa thượng có mở lớp tại giảng đường dạy kinh bộ cho chư Tăng tại bổn tự và Tăng Ni trong đạo tràng. Đồng thời một lớp do quý Thầy lớn dạy lại cho các chú nhỏ. Nhờ sự hoằng hóa của Hòa thượng mà mọi người được vô cùng lợi ích. Nhất là chư Tăng Ni, Phật tử, mỗi mùa Hạ tựu về làm lễ tác bạch An cư với Hòa thượng rất đông, để rồi trở về trụ xứ gia công tu tập trong ba tháng. Nhờ vào đức độ của Hòa thượng mà ai nấy cũng đều tinh tấn. Sau ngày giải phóng có thêm đạo tràng Pháp Hoa, mỗi chủ nhật đầu tháng tụng trọn một bộ. Đạo tràng ngày càng đông, ngồi đầy cả chánh điện lẫn nhà Tổ.

Đến năm 1990, sau mười lăm năm giải phóng, đất nước đã trải qua thời kỳ biến động khó khăn, bước vào giai đoạn đổi mới, Hòa thượng cho xây dựng lại giảng đường. Vẫn để nguyên vách cũ, gia cố đế cột, đúc cột mới cặp theo cột gạch cũ. Cứ như thế, xong cây này làm đến cây khác. Xây cao vách lên vì nâng chiều cao trên 5m rồi mới đổ sàng. Phía trên xây thêm làm lầu để kinh, chỉ bớt lại hai căn hai đầu nên phía trong cũng rộng và phía trên mái cũng được đúc luôn. Xây xong, Hòa thượng cho bộ Đại tạng và Tục tạng vào. Đó là sự nghiệp cả một đời của Hòa thượng muốn truyền lại cho đệ tử đệ tôn tiếp nối sự nghiệp của Hòa thượng. Năm 1991, tiếp tục làm lại hai dãy Tăng phòng cũng theo cách thức trên. Phía trên cũng xây thêm hai dãy bằng phía dưới nhưng không ngăn vách và cũng đúc mái. Nhờ hai dãy đó mà bây giờ xây lại chánh điện, dời các bàn thờ qua hai lầu này. Bên phải làm nhà Tổ, bên trái làm chánh điện, vì thế sinh hoạt thời khóa hằng ngày không bị gián đoạn. Năm 1992, tiếp tục làm khu bếp và nhà công quả nữ, cũng đổ sàng và xây phía trên. Dãy lầu này chừa lại hai gian để làm sân phơi đồ và trên mái sử dụng lại cây và ngói cũ của giảng đường và hai dãy Tăng phòng. Năm 1993, Hòa thượng cho xây dựng tháp phía sau thất của Hòa thượng lấy tên là "Phù Thi Tháp". Tháp này là nơi an trí nhục thân của Hòa thượng khi mãn duyên hóa độ ở Ta-bà này. Hòa thượng cho dựng bia phía trước với bài thi:

"Biển khổ mênh mông sóng cuộn trào
Thây trôi theo sóng hướng bờ vào
Có ai níu được thây nổi ấy
Sớm muộn cùng thây tắp bờ cao".

Ý Hòa thượng cho rằng thân chúng ta như tử thi trôi lênh đênh trên biển cả. Nếu chúng ta biết dùng thân đó để tu hành thì sẽ được lên bờ cao vì biển không chứa tử thi, sớm muộn gì cũng sẽ tắp vào bờ.

Tháp này Hòa thượng cho xây làm hai phần. Phần trong là tháp ba tầng xây hình



Hòa thượng sái tịnh từ dưới lên đến bàn Phật


Hòa thượng đang truyền giới Bát quan trai cho đại chúng

tứ giác. Tầng trên cùng khắc 4 chữ "Án" bằng Phạn văn. Tầng giữa là bốn bức phù điêu khắc hình Hòa thượng với bốn tiêu đề: "Luôn luôn niệm Phật", "Thêm lớn căn lành", "Phật pháp lưu truyền" và "Tâm không trụ trước". Tầng dưới cùng mặt trước và hai mặt hông là ba bài thơ mà Hòa thượng sáng tác trong những thời điểm có ghi phía dưới. Còn mặt sau để trống, sau này khi Hòa thượng tịch sẽ đặt mộ bia vào đó. Phía dưới có một miếng đan đậy hờ miệng hầm để sau này đưa kim quan Hòa thượng an trí trong đó. Phía ngoài tháp là mái che hình lục giác với bốn lớp mái lợp ngói men âm dương màu lục. Hòa thượng gọi đây là "nhà mát" và Hòa thượng cũng hay thường ra đó nằm chơi. Tháp này có tường rào bao quanh một vườn mai. Trước cổng tháp có một vườn cao kiểng. Bên trái thất của Hòa thượng là một vườn tre vàng và bên phải là một vườn sứ cùi. Đó là toàn cảnh chung quanh thất của Hòa thượng. Thất của Hòa thượng được xây vào cuối năm 1954 và được tu bổ nhiều lần. Chính nơi đây, Hòa thượng đã dịch nhiều bộ kinh lớn mà sau cùng là bộ Đại Bửu Tích. Hòa thượng đã cống hiến trí huệ của mình cho kho tàng văn hóa Phật Giáo Việt Nam được phong phú, làm vô cùng lợi ích cho đại chúng.

Xây xong tháp, Hòa thượng cho tu sửa lại Tháp Quán Âm phía trước. Vẫn để nguyên trạng, chỉ dở các tầng tháp trên lúc trước làm bằng khung sắt lợp tôn. Nay đúc thành hai lớp mái lợp ngói men. Trên đúc tháp bảy tầng thờ bảy vị Phật và an trí Xá-lợi Phật ở tầng trên cùng. Như vậy, sau ngày giải phóng, từ năm 1990, Hòa thượng đã cho tu sửa lại toàn bộ những công trình phụ của chùa. Đến năm Giáp Thân (2004), Hòa thượng quyết định đại trùng tu khu chánh điện, nhà Tổ đã trải qua trên bốn mươi mùa mưa nắng đã xuống cấp trầm trọng. Do sườn gỗ phía trên để lợp ngói, phần đông là chò và dầu nên không bền lâu được. Lại trần nhà làm bằng lưới mành mành đắp xi măng lên chứ không phải đúc nên cũng thế. Tuy vậy cũng đã tồn tại trên bốn mươi năm. Đồng thời để đáp ứng nhu cầu tu tập của đại chúng ngày càng đông. Ngày 19 tháng 02 năm Giáp Thân (2004) là ngày khởi công cho công trình quan trọng này. Quá trình thi công sẽ được trình bày dưới đây:

Chánh điện chùa Vạn Đức hiện nay nếu đi từ chợ Thủ Đức vào đến chợ Tam Hà hoặc đi theo xa lộ Đại Hàn lên đến cầu vượt Bình Phước thì đã thấy từ xa một tòa tháp cao vượt lên các nhà chung quanh với một hoa sen đỏ nổi bật giữa đỉnh tháp. Đến chùa, chúng ta sẽ bước vào cổng Tam Quan mới được xây lại, cẩn đá xanh đủ kích cỡ với 3 lớp mái dán ngói men màu lục. Từ ngoài nhìn vào ai cũng ngỡ là chùa có rất nhiều tầng. Nhưng vào bên trong chỉ có một tầng. Dưới là thờ Tổ và trai đường, trên thờ Phật với chiều cao trên 20m. Nếu tham quan theo cầu thang nội bộ phía sau, thì chúng ta sẽ lên năm lớp cầu thang inox dẫn vào một mái đúc hình cong, mà phía dưới là bầu trời với trăng sao mây trắng trời xanh. Lên thêm một cầu thang sắt chúng ta sẽ bước vào phòng thờ Tây Phương Tam Thánh. Ra phía trước hành lang phóng tầm mắt nhìn khắp bốn phương chúng ta sẽ thấy các vùng phụ cận, nhất là thành phố


Hòa thượng tác lễ truyền giới Bát quan trai cho Phật tử mỗi nửa tháng

với những tòa nhà cao vượt lên. Lên thêm một cầu thang nữa, chúng ta sẽ bước vào phòng thờ Xá-lợi Phật với những bộ kinh quý hiếm được nghệ nhân viết trên các vật bé bằng ngà, với những chữ rất nhỏ phải dùng kính lúp mới thấy rõ nét. Đó là tổng thể chánh điện mới của chùa Vạn Đức. Để có được công trình này, chúng tôi đã trải qua một thời gian thi công rộng rã hơn hai năm trời với khoảng gần một trăm người thợ và công sức tài vật của không biết bao nhiêu Phật tử phát tâm.

Không giống như các chùa khác, trước khi xây dựng làm lễ đặt đá rất lớn, mời khách rất đông, chùa Vạn Đức khởi công có tính cách nội bộ nhưng không kém phần trang nghiêm thành kính. Đúng 06 giờ ngày 19 tháng 02 năm Giáp Thân (2004), chư Tăng Ni đạo tràng vân tập cùng một số Phật tử đạo tràng Bát quan trai, đạo tràng Pháp Hoa đối trước lễ đài tạm đặt giữa khu đất xây dựng tụng một thời kinh, cầu nguyện chư Phật Bồ-tát, Long Thiên Hộ Pháp gia hộ cho công trình được tiến hành tốt đẹp.

Để có được mặt bằng cho ngày khởi công, sau khi cúng rằm tháng giêng xong, chúng tôi nhờ nhóm công quả Châu Đốc do Hoằng Trương trưởng nhóm, đã cùng quý Thầy dời các tượng Phật an trí tạm trên hai lầu của hai dãy Tăng phòng. Bên trái thờ Phật, bên mặt thờ Tổ và làm trai đường. Tối 16 là chúng tôi đã có nơi tụng niệm mới không gián đoạn ngày nào. Một mặt cho tháo gỡ toàn bộ. Nhóm Châu Đốc đã làm việc cật lực, lớp tháo gỡ, lớp di chuyển. Sau cùng còn phần mặt dựng rất cao chúng tôi định nhờ đến xe cẩu tiếp sức. Nhưng sau đó họp ý chung, quyết định làm bằng sức người dưới sự chỉ đạo của thầy Hoằng Hiển. Thầy cột đầu dây cáp vào chốt cây đà sau lưng mặt dựng, đầu kia cột vào một dây sắt chịu vào các cọc sắt đóng sâu xuống chỗ cây si và được nối với cái balăng để chịu dây cho thẳng. Xong cho các anh em đục các chân cột khuyết một bên trong, vì bên trong đã có một khoảng trống lớn dư sức cho toàn bộ mặt dựng nằm xuống mà không vướng chướng ngại nào. Sau khi kiểm tra kỹ lưỡng các mối đục có thể kéo được, thầy Hiển quyết định cho kéo xuống bằng balăng. Không cần dùng sức nhiều, toàn bộ đã ngã xuống đúng hướng gây một tiếng động lớn như bom nổ, mọi người vui mừng nhẹ nhõm. Thế là chỉ còn dọn dẹp, đập các cây đà lớn để lấy sắt, di chuyển gạch và xà bần, chúng tôi đã có được mặt bằng trước ngày 19 tháng 02. Đồng thời trước đó, nhóm thợ của Phật tử Minh Thạnh (Công ty Hương Thiền) đã cho đúc những cọc để ép xuống làm móng. Ngày 18 tháng 02 xe cẩu đã vào sân, cẩu những khối bê tông trong tư thế chuẩn bị để sau khi đại chúng tụng kinh cầu nguyện xong sẽ sẵn sàng thi công ép chiếc cọc đầu tiên.

Về phần móng, theo bản vẽ của kỹ sư Đỗ Thành Phương (Kỹ sư Đỗ Thành Phương là bạn của thầy Hoằng Xưng lúc trước. Tất cả bản vẽ và kết cấu của công trình Vạn Linh đều nhờ anh giúp. Bản vẽ của chùa Vạn Đức cũng do anh vẽ và phần chi phí ký tên chịu trách nhiệm anh cũng bỏ ra cúng dường luôn. Coi như về bản vẽ chùa không tốn một khoảng chi phí nào) thì vùng đất của chùa Vạn Đức quá tốt, chỉ cần móng đơn là đủ lực rồi. Nhưng do xây dựng quá cao nên anh Minh Thạnh đề nghị với Hòa thượng nên ép cọc. Tuy chưa chứng kiến việc ép cọc, nhưng qua sự trình bày về nguyên tắc ép cọc nên Hòa thượng đã đồng ý. Ép cọc có nhiều lợi thế hơn là đào lỗ đặt móng. Đào lỗ đặt móng thì đất sẽ vung lên rất khó thao tác. Khi xuống vĩ đổ bê tông, đất cát có thể tuột xuống lẫn vào bê tông làm giảm bớt hiệu quả. Sau khi đúc cổ cột xong xuống đất lại sẽ không dễ dặt liền, làm ảnh hưởng về sau. Còn ép cọc thì để nguyên trạng. Cọc ép xuống, đất sẽ dễ dặt thêm. Ép xong đổ đầu trụ, đổ đà kiềng là có được một nền móng gọn gàng và chắc chắn. Nhưng ép cọc phải đòi hỏi có mặt bằng rộng để xe cẩu di chuyển các khối bê tông chồng lên làm sức nặng, dùng thủy lực ép lên đầu cọc. Nơi chật hẹp sẽ không thực hiện được phương pháp ép cọc này.

Đến 29 tháng 02 ép cọc xong, tuần lễ sau đổ đầu cọc và đà kiền. Về đà kiền, theo bản vẽ cũng bớt đi rất nhiều, nhưng theo ý kiến thống nhất Hòa thượng cho đổ hết không bỏ khoảng nào. Xong bắt đầu lên cột và xây vách, đóng cốt pha đổ sàng. Đến 13 tháng 03 là ngày đổ bê tông sàng. Đây là lần duy nhất của công trình sử dụng bê tông tươi do Công ty Hồng Hà cung cấp. Giờ khởi động hơi trễ, vì xe bơm bê tông không vào được do cổng thấp. Chúng tôi phải đào đất hạ đường đến hơn chín giờ sáng xe mới vào được. Tuy vậy, đến hơn ba giờ chiều cũng xong, gần đầy một trăm khối bê tông.

Trong quá trình xây dựng, mặc dầu chúng tôi đã có bản vẽ nhưng thực hiện hoàn toàn do sự chỉ đạo của Hòa thượng. Phải nói nhiều khi cũng rất bối rối trước sự chỉ đạo này, nhưng khi thực hiện rồi kết quả rất là hay. Chúng ta thật rất có phước, Hòa thượng tuy đã gần chín mươi tuổi nhưng trí tuệ rất sáng suốt và ghi nhớ những việc còn chi ly hơn chúng ta nhiều. Qua đó mình mới thấy, năng lực của người có thực tu khác hơn người thường.

Theo dự kiến ban đầu, nếu thực hiện đúng theo thì sẽ hoàn thành sớm như dự định là 1 năm. Nhưng trong thi công có thay đổi rất nhiều, tăng thêm tầng mái nên chiều cao tăng lên, do đó thời gian thi công cũng kéo dài hơn gấp đôi. Có những việc nan giải chúng tôi phải họp bàn với kỹ sư mới tìm ra giải pháp. Cho nên chúng tôi gần như thực hiện từng phần. Sự thi công của chúng tôi mặc dầu có thầu, nhưng do



Tượng Tổ Đạt-ma làm bằng đá cẩm thạch trắng



Đạo tràng Pháp Hoa tụng một ngày trọn bộ

chỗ thân tình nên cho mượn công, vì thế tất cả đều do chúng tôi chủ động. Có tất cả ba nhóm thợ, nhóm của anh Minh Thạnh cho mượn là đông nhất, có khi lên đến năm mươi người. Nhóm này là chủ lực cơ bản của công trình, có một cai thợ quản lý. Nhóm này được anh Hoằng Lược, Tổng giám đốc Công ty Hoa Sen đài thọ cho bữa ăn trưa và chiều không tính vào tiền lương. Còn ăn sáng và nửa buổi là do chùa lo. Một nhóm thợ theo thầy Hoằng Hiển lo đúc hoa văn điều từ công trình Vạn Linh về. Sau này điều thêm nhóm thợ sơn B của Vạn Linh. Hai nhóm thợ này khoảng ba mươi người hoàn toàn ăn nghỉ tại chùa.

Sau khi đổ bê tông sàn, chúng tôi tiếp tục đổ các tầng mái trên. Bê tông của các tầng mái này đều được trộn bằng máy tại chỗ và chuyền bằng sức người. Sau này lên cao quá, chuyền bằng hai cái tời, trong một cái và ngoài một cái. Mỗi lần đổ như vậy đều có Phật tử về rất đông và nòng cốt vẫn là nhóm Hoằng Trương, Châu Đốc.

Lần 01 ngày 12 tháng 05 âl, Giáp Thân
Lần 02 ngày 10 tháng 06 âl, Giáp Thân
Lần 03 ngày 27 tháng 07 âl, Giáp Thân
Lần 04 ngày 20 tháng 08 âl, Giáp Thân
Lần 05 ngày 18 tháng 09 âl, Giáp Thân
Lần 06 ngày 29 tháng 10 âl, Giáp Thân
Lần 07 ngày 14 tháng 11 âl, Giáp Thân
Lần 08 ngày 10 tháng 12 âl, Giáp Thân

Đây là những ngày đáng ghi nhớ những công sức đóng góp của tất cả Tăng Ni Phật tử. Còn ba mái nhỏ trên cùng



Phù điêu rồng 2 bên lầu chuông trống



Mái tôn đỏ trên khu Thất của Hòa thượng giữa cảnh quan xung quanh

không có tổ chức đông người nên không ghi ra đây.

Trước khi xây dựng, thầy Hoằng Kiến đã nương theo bản vẽ và những ý kiến mới của Hòa thượng, dùng những tấm phíp mỏng cắt theo tỉ lệ 01/30 dán ráp lại thành mô hình thu gọn. Thấy phía trước trống trải quá nên Thầy đề nghị làm thêm hai cái tháp nhỏ ba tầng để chồng lên hai bên góc mái lớn, được Hòa thượng đồng ý. Hai tháp đó có nhiều chi tiết, thầy Hoằng Hiển ngại làm trên cao nắng mưa cực nên cho làm phía dưới sau sẽ cẩu lên. Chừng thành phẩm rồi quá nặng tưởng cẩu không lên nổi. May nhờ hai cẩu lớn đưa lên an toàn, làm tăng thêm phần mỹ quan phía trước.

Sau khi phần xây dựng cơ bản xong, chúng tôi tập trung lo hoàn thiện và trang trí cũng như sơn B. Mặc dù phần hoa văn chúng tôi cho thực hiện song song với xây dựng, nhưng quan trọng nhất là cây Bồ-đề phải chờ đủ diện tích mới thực hiện được. Phần này do thầy Hoằng Hiển trực tiếp thi công cùng một số phụ trong đó có Hoằng Thời là chủ yếu. Lá đã được làm khuôn cho Phật tử công quả in ra gần mười ngàn lá vừa lớn vừa nhỏ. Sau khi đắp thân cây và nhánh, lá sẽ được gắn vào nơi phù hợp. Sở dĩ Hòa thượng cho xây phần chánh điện cao trên 20 m là muốn có đủ diện tích để cây Bồ-đề có đọt. Đa số các chùa trang trí cây Bồ-đề sau lưng đức Phật cũng chưa nơi nào có đọt. Cây Bồ-đề ở Vạn Đức chẳng những có đọt mà còn có cả một bầu trời trăng sao lồng lộng, khiến cho người nhìn vào rất sống động giống như cây thật.

Thêm một điều đặc biệt nữa là Hòa thượng cho thờ nhiều tượng Hộ Pháp vì Hòa thượng cho rằng chúng ta được an ổn tu hành là nhờ chư vị Hộ Pháp gia hộ. Mà các Ngài thì bàng bạc khắp nơi nếu có cảm tất có ứng. Vì thế, Hòa thượng cho an trí một biến thành hai, hai biến thành bốn, bốn biến thành tám để chỉ cho vô số. Và tất cả đều là hóa thân của đức Quán Âm nên tượng của Ngài ngồi trên cùng. Đó là những hình ảnh đặc biệt, những ý tưởng mà chỉ nơi đây có để chúng ta có ý thức luôn nhớ ơn đến chư vị Hộ Pháp.

Và một điều nữa, ai đến đây cũng đều phê bình việc dùng inox làm cửa. Đây cũng là một ý của Hòa thượng, chuộng sự bền chắc lâu dài nên dầu có rất nhiều ý kiến, Hòa thượng vẫn không thay đổi. Xin lưu ý một điều, sự xây dựng ở đây nhất nhất đều tuân theo sự chỉ đạo của Hòa thượng. Chúng tôi cũng được đóng góp ý kiến, nhưng nếu Hòa thượng không đồng ý thì không được làm khác.

Một điều nữa cũng nói lên tinh thần tôn trọng những gì mà thí chủ đã phát tâm, muốn cho cái phước ấy còn được nối tiếp mãi. Vì thế, khi trùng tu lần này, nghệ nhân Hoàng Hữu có cúng dường tượng đức Bổn sư bằng đá trắng cao 3m 2 nặng bảy tấn và tượng Tổ cao 2m 2, nhưng Hòa thượng vẫn cho thờ lại ba tượng của chánh điện cũ. Cả hai bức phù điêu Quan Âm, Địa Tạng do cha con ông Đốc Ý điêu khắc cũng được thờ lại, chỉ đắp thêm cho xứng với bệ thờ mới và thếp vàng lại.

Một đặc điểm nữa là toàn bộ vách chùa cả trong lẫn ngoài đều được dán bằng gạch bóng kiếng cạnh sáu tấc vuông. Nhất là vách bên ngoài của tầng trệt và chánh điện dán bằng gạch bể xin về được cắt lại, trông

cũng rất đẹp, không ai tưởng là gạch bể mà chỉ nghĩ là làm kiểu thôi. Còn phần mặt và vách các bệ thờ đều được dán bằng đá hoa cương lớn khổ. Cũng như trên nền, đá được cắt theo quy cách 70/80 là vừa đủ cho một người ngồi để kệ kinh phía trước. Như thế mỗi người một viên gạch là ngay hàng thẳng lối không cần phải sắp xếp. Đá hoa cương là loại đắc tiền nhất trong các loại gạch lót nền. Sở dĩ chúng tôi dám sử dụng không phải chùa nhiều tiền mà là vị Giám đốc của Công ty Hùng Đại Dương bán cho chúng tôi với nửa giá tiền, do Phật tử Chơn Nguyệt giới thiệu. Cho nên, khi nhìn vào bề thế và cách trang trí của chùa, mọi người đều cho rằng chắc kinh phí lớn lắm và cho rằng chắc của Phật tử nước ngoài đóng góp nhiều. Nhưng khi được chúng tôi cho biết khoảng trên dưới năm tỉ và phần lớn là của người trong nước, mọi người đều ngạc nhiên. Như anh Hoằng Lược là Tổng giám đốc Công ty Hoa Sen cúng mỗi tháng là 48 triệu đồng, ứng với bốn mươi tám điều nguyện của đức Phật A Di Đà và còn đài thọ cơm cho thợ cũng như phụ giúp những phương tiện khác trong khả năng sẵn có, cũng như toàn bộ gạch xây vách do gia đình Phật tử Thanh Nhu cúng dường (gia đình Phật tử Thanh Nhu là một gia đình lao động bình thường).

Qua gần hai năm thi công, mặc dù chưa xong hết nhưng đã tạm xong phần bên trong. Hòa thượng quyết định tổ chức lễ An vị nội bộ ngày Rước Chư Thiên 29 tháng Chạp vừa qua. Nhân ngày Đưa Chư Thiên 25 tháng Chạp theo truyền thống, các chùa tạm nghỉ tụng kinh, chúng tôi cho đưa các tượng Phật qua sắp đặt trang trí. Đúng 03 giờ 45 sáng ngày 29, Hòa thượng đã trực tiếp cử hành lễ An vị Phật, chánh thức cho đại chúng sinh hoạt tu tập tụng niệm trên chánh điện mới. Ngồi trong chánh điện cao rộng thoáng mát, ngước nhìn đức Phật uy nghiêm mỉm cười dưới cội Bồ-đề cao vút lên bầu trời lồng lộng trăng sao, tâm bỗng nhẹ nhàng thanh thoát.

Chùa sẽ tổ chức lễ An vị chính thức từ mùng 04 tháng tư vía đức Văn-thù Sư-lợi Bồ-tát đến mùng 10 tháng 04 năm Bính Tuất (2006). Trong tuần lễ này, Hòa thượng cho đại chúng luân phiên niệm Phật suốt ngày đêm để hồi hướng công đức đến các thí chủ đã góp công góp của cho công trình sớm hoàn mãn. Buổi lễ sẽ kết thúc vào chiều ngày mùng 10 sau khi hoàn kinh Pháp Hoa mà đại chúng đã tụng trong ngày đó.

Việc xây dựng xong, Hòa thượng đã giúp chúng ta một cơ ngơi rộng rãi với hoài bão cho tứ chúng có phương tiện tu tập. Chúng ta muốn đền đáp công ơn sâu dầy của Ngài không gì hơn là tinh tấn tụng kinh niệm Phật, nương theo lời dạy của Ngài mà hành trì cho đắc lực. Đem kết quả một đời này được vãng sanh Cực Lạc dâng lên cúng dường. Đó mới gọi là đền đáp được ơn lớn của Hòa thượng. Cầu Tam Bảo gia hộ cho Hòa thượng trụ thế dài lâu, chùa Vạn Đức được trường tồn, tứ chúng đều nhất tâm tinh tấn.

Ngày 19-02-Bính Tuất
Đại chúng chùa Vạn Đức



Công tháp "Phù Thi" do Hòa thượng chỉ đạo xây dựng 1993



VÀI NÉT VỀ TIỂU SỬ

CHÙA VẠN LINH

Núi Cấm có tên là Thiên Cẩm Sơn (núi đẹp như gấm trời), là ngọn núi hùng vĩ nhất trong dãy Thất Sơn. Sở dĩ có tên là núi Cấm do vì khi vua Gia Long thất trận nên rút lên đây ẩn náu, sợ lộ tung tích nên cấm không cho dân chúng lên. Mọi người gọi là Ông Cấm, tức là Vua Cấm. Sáu núi còn lại là:

01. Anh Vũ Sơn (núi Két)
02. Ngũ Hồ Sơn (núi Dài năm giếng)
03. Liên Hoa Sơn (núi Tượng)
04. Thủy Đài Sơn (núi Nước)
05. Ngọa Long Sơn (núi Dài)
06. Phụng Hoàng Sơn (núi Cô Tô)

Tuy liệt kê như vậy, nhưng trong vùng bảy núi nầy còn có núi Trà Sư, núi Bà Đội Om v.v… và những núi nhỏ khác nằm rải rác. Dân gian thường gọi "năm non bảy núi". Non là những vồ đá lớn nằm cao lên trơ trọi một mình. Năm non thường gọi đều nằm trên núi Cấm là:

01. Vồ Bồ Hông (cao nhất, là đỉnh của núi Cấm)
02. Vồ Bà



Chùa Lá được nới rộng thêm để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt

03. Vồ Ông Bướm

04. Vồ Đầu (Vồ Trăm Họ)

05. Vồ Thiên Tuế (có rất nhiều cây Thiên Tuế)

Núi Cấm thuộc địa phận xã An Hảo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Từ Long Xuyên nếu đi ngã Châu Đốc thì phải 89km, còn đi ngã Lộ Tẻ Tri Tôn thì chỉ có 60km đường xe. Núi cao 716m so với mặt nước biển, chiều dài 7km 500, ngang 6km 800. Được thiên nhiên ưu đãi nên khí hậu ôn hòa mát mẻ quanh năm, nhiệt độ trung bình từ 25 độ đến 28 độ C. Đất đai lại mầu mỡ, cây trái xanh tươi, có nước quanh năm. Điều kiện sinh sống tương đối dễ dàng nên dân chúng về ở rất đông. Hiện nay, có trên dưới ba ngàn người.

Chùa Vạn Linh nằm dưới chân Vồ Bồ Hông độ cao 535m so với mặt nước biển. Không liệt vào hàng chùa cổ, vì chưa tròn 80 tuổi, vậy mà đã trải qua bao nỗi thăng trầm, thịnh suy biến hoại.

Năm 1927, sau mùa An cư, Hòa thượng Khai Sơn thượng Thiện hạ Quang, húy Hồng Xưng xin với Tổ Phi Lai lên núi Cấm ẩn tu. Được Tổ chấp thuận.

Ngài lên núi dạo xem khắp nơi, cuối cùng chọn nơi đây, cách chùa Phật Lớn không bao xa, lập am tranh tu hành.

Đối với tín ngưỡng dân gian, núi Cấm là một vùng đất linh thiêng huyền bí với những huyền thoại ly kỳ hấp dẫn, lại cảnh vật xinh tươi, gió reo suối chảy, chim kêu vượn hú làm tăng thêm phần u tịch.

Sau khi ổn định nơi ăn chốn ở, Ngài tu hành miên mật, trì chú Đại Bi và niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm đắc lực cho đến khi ngủ vẫn niệm, nhờ đó phát sanh trí huệ. Ngài vốn rành y thuật lại thêm trên núi rất nhiều cây thuốc quý. Nhân duyên đưa đẩy, những người bị bệnh không đường chạy chữa đã tìm tới Ngài cứu giúp. Ngài chữa đủ mọi cách tùy theo căn bệnh. Khi thì hốt thuốc, khi thì dùng nước lạnh. Có bệnh Ngài chỉ chú nguyện, vậy mà bệnh nào cũng khỏi. Tiếng lành đồn xa, người tìm tới ngày càng đông. Có người ở lại xin công quả, có người mến đức xin xuất gia tu học. Am tranh chật chội nên Ngài cho làm chánh điện, Tăng phòng, nhà bếp riêng để có thể đáp ứng nhu cầu. Chùa Vạn Linh được hình thành từ đó. Chính nơi đây vào năm 1937, Hòa thượng Vạn Đức đã đủ nhân duyên xuất gia tu học với Ngài. Từ cái nôi đó, Hòa thượng Vạn Đức đã tinh cần tu học trở thành bậc danh Tăng và đã đem trí huệ của mình làm cho giáo nghĩa kinh điển Đại thừa được lưu thông, khiến cho đại chúng được vô cùng lợi ích. Đến năm 1941, Ngài khởi công trùng tu chánh điện khang trang hơn, mái lợp ngói. Đến năm 1943 mới xong, có thể nói là chùa có bề thế nhất núi lúc bấy giờ.

Năm 1945, chiến tranh bùng nổ, để đảm bảo an ninh khu vực, chính quyền Pháp ra lệnh không cho dân ở trên núi, Hòa thượng cùng Tăng chúng xuống núi. Thấy không yên, Ngài bèn về chùa Linh Bửu ở Cầu Bông Sài Gòn. Đến năm 1953, Ngài viên tịch.

Năm 1954 ký hiệp định, đất nước tạm yên. Trưởng tử của Hòa thượng Khai Sơn là Hòa thượng Thiện Thành lúc bấy giờ đang ở núi Kỳ Hương gần Tổ đình Phi Lai, Thầy và một số Tăng chúng cùng nhau về núi. Mười năm vắng bóng người, cây rừng rậm rịt che chắn lối đi. Đến nơi thì than ôi! Cảnh cũ còn đây mà ngôi chùa ngày nào bây giờ không còn thấy nữa, chỉ còn là một đống vụn hoang tàn đổ nát, ai đó đã đang tâm phá hoại ngôi chùa. Nghĩ đến công ơn Thầy Tổ đã dầy công xây dựng, Thầy không nở đứng nhìn, Thầy bắt tay vào việc

dọn dẹp và dựng tạm lại ngôi chùa lá với Tăng phòng nhà bếp cho Tăng chúng ổn định tu hành.

Đến năm 1958, nhờ một số Phật tử Thành phố phát tâm ủng hộ vật tư, Thầy khởi công trùng tu kiên cố. Tuy không lớn lắm nhưng được cột bê tông tường xây, mái đúc dán ngói, đến năm 1960 hoàn thành. Chùa Vạn Linh bắt đầu khởi sắc trở lại. Tăng chúng tăng thêm, Phật tử vãng lai ngày càng đông đúc.

Chẳng bao lâu, chiến tranh lại có mòi nhen nhúm. Núi cấm lại là nơi hiểm địa rất có vị trí chiến lược về mặt quân sự. Vì thế, một lần nữa, dân núi lại một phen gồng gánh xuống núi theo lệnh của Mỹ và chính quyền cũ vào năm 1967. Thầy Thiện Thành cùng Tăng chúng đành phải về Tổ đình Phi Lai nương náo, để chờ chấm dứt chiến tranh. Đến năm 1970, Thầy được chư Tôn đức trong vùng cũng như tông môn Tổ đình Phi Lai cung thỉnh Thầy giữ chức Trụ trì. Thầy chấp nhận và lại phải một phen trùng tu sửa chữa. Dù trụ nơi Tổ đình rộng lớn nhưng Thầy luôn hoài vọng về Vạn Linh, núi Cấm và lo sợ khi thấy chiến tranh ngày càng ác liệt. Nỗi lo của Thầy trở thành sự thật. Sau một trận dội bom càn quét như rải thảm của B52 vào năm 1972, chùa Vạn Linh nằm trong tọa độ nên bị san bằng, chỉ còn là đống gạch vụn.

Tháng 04 năm 1975, chiến tranh kết thúc, thống nhất đất nước. Thầy về núi thăm lại chùa xưa, cảm cảnh hoang tàn đổ nát, Ngài rất đau xót, phát tâm tìm cách xây dựng lại. Nhưng lúc ấy tình hình còn rất phức tạp, nhất là trên núi, chính quyền còn không cho ở huống nữa là xây dựng. Thầy đành ẩn nhẫn chờ thời, mọi việc giao cho ông Hai xử lý. Đến năm 1992, sau cơn đau nhẹ, Ngài an lành thị tịch, mang theo hoài bão chưa thực hiện được.

Xin nhắc lại ông Hai, tên là Lâm Cáo Kía, pháp danh Thiện Thới, là đệ tử Cư sĩ của Hòa thượng Khai Sơn. Khi chùa trùng tu năm 1941, ông là thợ mộc chính, công quả xây dựng cho chùa. Khi hoàn thành, ông ở lại chùa và được Hòa thượng giao coi việc tu sửa. Lúc đó, ông thường theo hầu Hòa thượng, được nghe lời huyền ký về chùa Vạn Linh có thời gian bị hủy hoại nhưng sau nầy sẽ phục hồi lại to đẹp hơn xưa. Vì thế, sau ngày giải phóng, ông lên núi dựng tạm lại ngôi chùa lá đơn sơ, thờ lại các tượng Phật không toàn vẹn. Từ đó, chùa được mọi người đặt tên là chùa Lá. Và ông Hai tranh thủ liên hệ chính quyền để xin phép. Nhưng vì ông Hai lớn tuổi không rành thủ tục đơn từ, lại trong hình thức Cư sĩ không đủ tư cách pháp nhân. Cộng thêm An Giang là một địa bàn phức tạp về tín ngưỡng, nhất là vùng núi nên đã trải qua hơn mười năm mà không đi đến đâu. Đến năm 1993, thấy mình đã gần 90 tuổi, mặc dù còn khỏe mạnh nhưng không biết còn sống được bao lâu nên ông về thỉnh cầu Hòa thượng Vạn Đức. Ứng với điềm chiêm bao nên Hòa thượng Vạn Đức nhận lời. Đầu năm 1994, Hòa thượng đã cử Thầy Hoằng Tri xuống liên hệ lo thủ tục xin phép. Lúc đầu cũng rất vất vả khó khăn, nhưng cũng nhờ Ban Trị Sự Tỉnh Hội đã hết lòng giúp đỡ



Ông Hai, người khởi xướng trong việc xây dựng lại Chùa Vạn Linh, lại cũng là người có công lớn trong hai lần xây dựng trước

nên đầu năm 1995 đã nhận được quyết định cho phép xây dựng lại chùa Vạn Linh. Mùng 06 tháng 08 ngày vía Tổ Huệ Viễn, Thầy Hoằng Tri cùng các huynh đệ và một số công quả bắt đầu mở màn cho một công trình gạch nối giữa hai thế kỷ. Trải qua hơn 10 năm nỗ lực, vừa xây dựng vừa tu tập, đến nay chùa mới hoàn thành được các công trình chính, phải trải qua thời gian nữa mới hoàn thiện. Thật là nhờ Tam Bảo gia hộ. Kết quả đạt được ngoài ước muốn. Ứng với lời huyền ký của Hòa thượng Khai Sơn và chứng thật lời dạy của Hòa thượng Vạn Đức, là làm bất cứ việc gì bằng tất cả tâm thành, hết lòng vì Tam Bảo thì đều có chư Thiên Hộ Pháp gia hộ và đều được thành tựu.

Thế là, sau thời gian dài bị hư hoại những tưởng đã chìm sâu vào quên lãng, chùa Vạn Linh giờ đây đã phục hồi xứng với tâm nguyện của Tổ Sư. Điều đáng nói ở đây là những người thừa kế làm sao phát huy được tinh thần tu học của tiền nhân, truyền bá chánh pháp, đem kết quả tu tập dâng lên cúng dường, mới mong phần nào đền đáp được thâm ân của Tổ Sư đã dầy công tạo dựng.

QUÁ TRÌNH TRÙNG TU CHÙA VẠN LINH LẦN THỨ BA

Cuối tháng 04 năm 1975, chiến tranh chấm dứt, thống nhất đất nước. Hòa thượng Thiện Thành cùng ông Hai và một số bổn đạo lên núi tìm về Tổ đình Vạn Linh với một hy vọng mỏng manh mặc dù có nghe tin chùa đã bị bom sập hoàn toàn. Đến nơi, sự thật đau lòng hiện ra trước mắt. Ngôi chùa không còn nữa, chỉ còn là một đóng gạch vụn bị lao sặc, cỏ dại phủ kín. Trên đường xuống núi, không ai nói một lời nào, cùng chung một nỗi niềm thương cảm. Hòa thượng Thiện Thành hiện đang Trụ trì Tổ đình Phi Lai, công việc trùng tu còn đang bề bộn. Những khó khăn trong những năm đầu sau giải phóng chồng chất thêm. Mặc dù lúc nào cũng tâm niệm hướng về Vạn Linh, Thầy cũng đành phải ngậm ngùi chờ đợi. Ông Hai là người đã hai lần đóng góp sức lực và tài vật xây dựng chùa, xót xa biết bao trước cảnh hoang tàn đổ nát nầy. Ông nhớ tới Hòa thượng Bổn sư (HT. Khai Sơn) mà ông hết lòng kính mến. Nhờ Ngài mà ông còn sống đến ngày hôm nay, biết được Phật Pháp tu hành. Ân đức cao dày ấy biết làm thế nào đền trả được. Ông chợt nhớ đến một hôm nào ông vào thất hầu Hòa thượng. Nhân lúc ông khen ngợi về sự hưng thịnh của núi Cấm lúc bấy giờ. Hòa thượng huyền ký: "Bây giờ, chùa chiền am cốc đông đúc như vầy mà sau nầy chỉ còn mỗi một chùa Vạn Linh thôi". Nhớ đến đây, người ông như được tiếp sức, một tia hy vọng rọi vào. Ông tự nhận cho mình một trọng trách, tìm mọi cách xây dựng lại chùa Vạn Linh. Về nhà, ông bàn với gia đình cùng các bổn đạo thân quen tổ chức lên núi xây dựng lại chùa. Thực tế không dễ dàng. Thời gian đầu giải phóng còn quá nhiều phức tạp, nhất là vùng núi. Cách mạng còn đang dần dần ổn định, còn chưa cho lên núi huống chi là xây dựng. Đến năm 1976, ông lại thu xếp lên. Thời gian đầu, chính quyền không cho ở lại. Lần hồi thấy ông lớn tuổi nên cũng dễ giãi. Ông lên xuống dọn dẹp nhiều lần.



Dọn nền chùa lấy đất đắp nền nhà bếp

Đến cuối năm 1976, ông lên dựng tạm một túp lá làm nơi thờ phượng để giữ gìn di tích. Từ đó về sau, dân núi mới lên lập nghiệp, không rõ nguồn gốc nên gọi tên mộc mạc là chùa Lá. Và tên đó một thời gian đã đi vào ký ức của nhiều người viếng núi (và chính cái tên đó đã có một giai thoại gây rắc rối cho Thầy Hoằng Tri trong thời gian xin giấy phép, sẽ nhắc lại sau). Dựng xong, ông nhờ người tới lui dòm ngó. Ông cũng đi đi về về. Thường thì gần đến mùa mưa ông lên trồng thêm ít cây trái, rồi liên hệ chính quyền xin phép xây dựng. Nhiều lần vẫn không được.

Đến năm 1983, ông Hai cùng Hòa thượng Thiện Thành muốn sớm đưa linh cốt Hòa thượng Khai Sơn lên núi nên đồng về thưa với Hòa thượng Vạn Đức. Hòa thượng Vạn Đức không đồng tình nhưng ông Hai và Hòa thượng Thiện Thành chủ quan vẫn tiến hành. Mặc dù đã có xin phép địa phương, nhưng chính quyền huyện đã ách lại, bắt đưa xuống núi và trả về chỗ cũ. Chừng đó mới thỉnh ý Hòa thượng Vạn Đức. Hòa thượng dạy đưa vào lò thiêu ở An Dưỡng Địa và thờ hủ cốt trên Tháp Phổ Đồng của chùa Huệ Nghiêm.

Mặc dù ông đã hết sức cố gắng trong việc xin phép xây dựng, nhưng vì lớn tuổi, thủ tục đơn từ không rành lại không đủ tư cách pháp nhân nên không được chấp thuận. Đến năm 1993, ông đã gần 90 tuổi.

Nhà bếp tạm được làm trước để chuyển công quả và bếp núc xuống.





Đá cát được tập trung gom về để đổ móng.

Nhận biết mình không còn sống bao lâu mà việc xin phép dường như không thể nào thực hiện được, nhân ông về Thành phố lo đám tang cho người con trai thứ ba là người luôn sát cánh cùng ông trong các Phật sự, xong ông lên chùa Vạn Đức thỉnh cầu Hòa thượng đứng ra lo việc xây dựng lại chùa Vạn Linh. Ông xin giao lại hết tất cả những giấy tờ có liên quan đến chùa. Lần nầy, Sư ông chấp nhận. Ông Hai ra về mà lòng hết sức vui mừng, nhẹ nhàng như trút được gánh nặng và ông hứa sẽ hết sức làm được những gì trong khả năng nếu như chùa được xây dựng lại. Hòa thượng Vạn Đức có kể lại, sở dĩ lần nầy Hòa thượng nhận lời là trùng hợp với một điềm chiêm bao xảy ra cách đó mấy hôm. Hòa thượng nói từ lâu Hòa thượng không bao giờ mơ thấy Hòa thượng Khai Sơn, mà hôm đó trong giấc ngủ chập chờn Hòa thượng thấy Hòa thượng Khai Sơn về. Ngài vội lật đật vào lấy y áo mặc vào để ra đảnh lễ. Vừa cúi xuống lạy thì Hòa thượng Khai Sơn cũng cúi xuống và hai Thầy trò lạy nhau ba lạy, rồi Hòa thượng Khai Sơn quay lưng đi ra không nói lời nào. Thức dậy, Hòa thượng Vạn Đức không biết ý chỉ gì trong giấc mơ đó. Thế rồi mấy hôm sau, ông Hai lên thưa lại việc trên nên Hòa thượng trực nhớ đến điềm chiêm bao, nghĩ rằng chắc Thầy về dạy mình đã đến lúc xây dựng lại Tổ đình. Vì thế, khi ông Hai thưa xong, thấy trùng hợp nên Hòa thượng Vạn Đức nhận lời liền. Sau mùa Hạ năm 1993, Hòa thượng cử Thầy Hoằng Tri về núi lo thủ tục xin phép.

Năm sau 1994, nhân giỗ Tổ Phi Lai 15 tháng 02 âm lịch, Thầy Hoằng Tri tổ chức

một chuyến về nguồn. Sau khi dự giỗ, mọi người lên xe hướng về núi Cấm. Hơn 15 phút xe đã đến núi, mọi người bắt đầu đăng sơn. Lúc bấy giờ chỉ có một cách duy nhất là đi bộ. Người nào đi không nổi chỉ có nước mướn người võng lên. Ai nấy đều hăng hái. Ban đầu còn hồ hởi phấn khởi, dần dần lên cao dốc đứng, mồ hôi ướt áo, hơi thở dồn dập, đi một chập lại nghỉ. Mệt mà vui. Qua khỏi dốc Bốn Ngàn, đường tương đối bằng phẳng. Có chỗ tưởng chừng như đồng bằng, lại thêm gió thổi mát, mọi người khỏe ra bước nhanh hơn, cuối cùng rồi cũng đến. Theo lối đường mòn lòn dưới những dàn su kéo bằng kẽm gai, phải cúi đầu mà đi. Lên đến ngọn đồi, trước mặt hiện ra một ngôi chùa Lá xiêu vẹo trống trước trống sau. Vào bên trong, phía trước trên bệ thờ chỉ vỏn vẹn tượng đức Thích-ca bằng giấy đã ngã màu cùng các tượng bị sức tay gãy gọng mà ông Hai lượm lại trong đống gạch vụn. Phía sau thờ khuôn hình Hòa thượng Khai Sơn cũ kỹ. Trên bàn đầy bụi, ván nhện giăng cùng. Chùa Vạn Linh (chùa Lá) lúc đó là như thế. Sau khi quét dọn, lên nhang đèn thì trời nhá nhem tối. Trong không khí trang nghiêm ấm áp, những người con xa xứ trở về quỳ dưới bệ thờ mà hoài niệm về một thời vàng son, thắm thía định luật vô thường với một ước nguyện chung, mong sớm có ngày chùa được phục hồi lại. Đảnh lễ xong, chúng tôi quay qua nhà trọ. Ngồi quay quần trên tấm vạc tre dài trải đệm, những câu chuyện ly kỳ huyền bí về Thất Sơn, những huyền thoại về Sư cố tức Hòa thượng Khai Sơn được những người biết chuyện kể lại. Những câu chuyện được tiếp diễn đến hơn mười giờ mới đi nghỉ. Đến tháng 07 âl 1994, sau khi mãn hạ, nhân đi giỗ Sư bà Vạn Thành, chúng tôi lại tổ chức thêm một chuyến nữa. Nghỉ đêm ở núi Sam, sáng sớm lên núi Cấm, đến chùa khoảng 08-09 giờ. Chúng tôi ăn một bữa cơm trưa ngoài trời với cơm nóng canh chua chuối cây tại chỗ thật ngon miệng. Đó là những bước chuẩn bị làm quen với vùng đất xa lạ, nơi mà khi được phép xây dựng chúng tôi sẽ bám trụ lâu dài.



Lời kinh tiếng kệ được vang vọng hằng đêm, chùa Lá được hồi sinh lại

Xin nhắc lại việc xin phép. Sau khi nhận được sự chỉ đạo của Hòa thượng, Thầy Hoằng Tri nhờ anh Minh Thạnh vẽ giúp bản vẽ với kết cấu sườn sắt lợp tol, xuống văn phòng 2 xin giấy giới thiệu, tập hợp một số giấy tờ cần thiết có liên quan rồi đáp xe đò đi Châu Đốc. Thường thì hay ở nhà Hoằng Trương. Ban ngày mượn xe Honda đi liên hệ các nơi, tối về đó nghỉ. Trong thời gian nầy, ông Hai ra ngoài nhà một người con nuôi ở Vĩnh Trung để chờ đón tin tức. Chiều Thầy Hoằng Tri về ghé báo cáo cho ông hay. Lúc nào cũng thấy ông ngồi trước cửa chờ, có lẽ ông nóng ruột lắm. Ngày lại ngày qua, tháng tháng tiếp nối, nay bổ sung cái nầy, mai bổ sung cái kia, đi lên đi xuống không biết bao nhiêu lần, thấy không có dấu hiệu gì khả quan nên đến mùa Hạ năm 1994, về An cư rồi không xuống nữa. Trong thời gian đi xin phép, dù thế nào, đến Sám hối và Bố tát Thầy cũng về Vạn Đức. Xong rồi xuống, không kỳ nào vắng mặt.

Đầu năm 1995, vào dịp Tết Nguyên



Lễ cài bông hồng trong chùa Lá nhân dịp lễ Vu Lan.

Đán, một số lãnh đạo Trung Ương lên chúc Tết Hòa thượng. Hòa thượng đã nói việc xin phép xây dựng chùa Vạn Linh đã lâu rồi mà chưa thấy được cho quý vị nầy nghe. Quý vị nầy đã hứa với Hòa thượng sẽ chỉ đạo với chính quyền tỉnh An Giang về việc nầy. Sau đó không bao lâu, Ban Trị Sự báo tin lên là có quyết định rồi, nhắn Thầy Hoằng Tri xuống lấy. Thầy Hoằng Tri xuống thì quả là có giấy của Tỉnh đồng ý cho nhưng cần phải bổ sung thêm ít giấy tờ nữa. Trong khi chờ đợi giấy phép chính thức, Thầy Hoằng Tri muốn làm một cái gì đó để lên tinh thần nên tổ chức một chuyến đi làm cỏ. Cùng một vài huynh đệ và một số công quả nam có sức khỏe hợp đồng một chiếc xe 12 chỗ ở lại một tuần. Đến Châu Đốc ghé văn phòng Ban Trị Sự xin giấy giới thiệu để lên ở một tuần lễ làm cỏ. Trong khi viết giấy, Thầy thư ký ghi nơi đến là chùa Vạn Linh rồi quay qua hỏi chùa Vạn Linh ở trên núi thường gọi tên gì? Thầy Hoằng Tri đang lúng túng vì không biết. Thầy thư ký nói luôn phải chùa Phật Nhỏ không. Thầy Hoằng Tri nghĩ rằng bên kia là chùa Phật Lớn thì bên đây là chùa Phật Nhỏ phải rồi bèn gật đầu. Thế là Thầy thư ký mở ngoặc (chùa Phật Nhỏ). Rắc rối xảy ra từ cái mở ngoặc đó. Chúng tôi lên đến núi hơi xế chiều, hỏi thăm tìm đến Văn phòng Ban Tự Quản (Ban Ấp) để trình giấy. Coi giấy xong, vị phụ trách đồng ý. Chúng tôi thấy nhẹ nhàng bước ra. Mới được vài bước thì có một vị lãnh đạo ở xã đi công tác trên núi ghé vào và hỏi Ban Tự Quản về chúng tôi. Vị phụ trách đưa giấy giới thiệu. Vị ấy xem qua rồi yêu cầu chúng tôi quay lại. Vị ấy nói giấy nầy là ở Tỉnh cho phép làm chùa Phật Nhỏ chứ không phải chùa Lá. Chừng đó chúng tôi mới biết chùa Vạn Linh được dân núi gọi là chùa Lá. Và vị ấy dứt khoát không cho chúng tôi ở bên đó và yêu cầu chúng tôi ở nhà trọ chờ điều chỉnh lại. Sáng hôm sau, Thầy Hoằng Tri ra Châu Đốc xin Ban Trị Sự điều chỉnh lại xong đem về xã trình lại. Gặp vị ngày hôm qua là trưởng Công an xã. Đưa giấy đã điều chỉnh cho anh coi nhưng anh cũng nhất quyết không cho, bảo rằng chừng nào có giấy phép chính thức mới cho làm. Năn nỉ

mãi không được, chúng tôi nghĩ có lẽ phải nhờ lãnh đạo ở huyện can thiệp thì ở xã mới cho. Thế rồi lại ra Ban Trị Sự để xin giấy liên hệ chính quyền huyện. Chính quyền huyện lúc đó đang lo giải quyết việc đất đai của người dân tộc rất bận rộn nên gặp lãnh đạo cũng khó, nhưng cuối cùng cũng được. Về trình lại xã mặc dù đã có ý kiến của huyện, nhưng vị phụ trách ở xã dứt khoát không cho, bảo rằng chừng nào có giấy phép chánh thức mới cho. Toi công ba bốn ngày đi tới đi lui mà chưa làm được gì, chúng tôi đành xuống núi đi về mà lòng chán nản vô vùng. Định đi làm cỏ để lấy tinh thần, rốt cuộc làm cho xuống tinh thần. Tốn tiền xe và ăn ở mấy ngày không làm được gì cả. Mãi đến Hạ năm 1995, chúng tôi mới có giấy phép chính thức. Hòa thượng chỉ đạo chúng tôi sau khi ra Hạ, chuẩn bị lên đường bắt tay vào việc xây dựng. Chúng tôi quyết định đi ngày mùng 04 tháng 08 để lấy ngày mùng 06 tháng 08 vía Tổ Huệ Viễn, là ngày đáng ghi nhớ cho khởi đầu việc trùng tu xây dựng Vạn Linh lần thứ ba.



Trước ngày lên đường, Hòa thượng gọi Thầy Hoằng Tri ra thất đưa cho 15 triệu đồng và dạy: "Số tiền Sư ông cho không nhiều, chỉ nương đức của Sư ông mà làm Phật sự. Sư ông dặn dò ba điều:

- Không kêu gọi quyên góp dưới bất kỳ hình thức nào, chỉ tùy hỉ theo sự phát tâm mà thôi.

- Tuy bản vẽ đơn sơ, tường gạch lợp tol nhưng nên làm móng bằng bê tông cốt thép, biết đâu nhân duyên thuận lợi có thay đổi kết cấu kiên cố không cần phải làm móng lại.

- Làm bất cứ Phật sự gì mà hết lòng vì Tam Bảo thì chư vị Hộ Pháp gia hộ, chắc chắn kết quả tốt đẹp".

Ghi nhớ lời Hòa thượng dạy, Thầy Hoằng Tri sắm sửa một ít dụng cụ thi công cùng Hoằng Huệ, Hoằng Thanh, Thiện Lạc, chú Hoàng v.v... đáp xe đò trực chỉ núi Cấm. Mãi đến 02 giờ mới đến. Chúng tôi có ghé Long Xuyên đón một người đệ tử Cư sĩ của Thầy Thiện Trí ở Linh Sơn Vọng Thê, pháp danh là Cần Độ cùng đi lên công quả. Sau nầy xuất gia là Thầy Hoằng Thạnh. Lên núi, mỗi người mang được thứ gì thì mang vì chưa quen gánh, còn lại bao nhiêu nhờ ông Hai kêu người gánh lên. Đường xa, núi cao lại không quen mang vác, chẳng mấy chốc cả đoàn rơi rụng lần lần theo từng chiếc võng mắc theo các quán ven đường. Duy chỉ có nhóm Thầy Tri, Thầy Huệ, Hoằng Thanh, Thiện Lạc, Cần Độ và chú Hoàng là không nghỉ mà chạng vạng mới đến. Phần còn lại nhờ nhóm đệ tử của ông Hai xuống tiếp sức, đến tối mịch mới lên hết.

Chỗ ở của chúng tôi là ngôi chùa lá, vuông vức mỗi cạnh khoảng 06 mét. Khi chúng tôi lên thì trong đó đã có mặt bốn người, là ông Hai, cô Sáu Rạch Giá, Thọ con cô Sáu và Út là đệ tử học thuốc với ông Hai. Nhóm chúng tôi hơn mười người nữa.

Bồn nước được quan tâm xây dựng trước, sau khi làm xong nhà bếp

Ông Hai thì ngủ trong hang bàn Phật. Còn tất cả đều ngủ trên một vạt tre dài. Nữ nằm sát góc phải dưới. Nam thì khúc giữa. Quý Thầy thì nằm góc trên. Bếp thì kê ở góc trái dưới. Dọn ăn ở góc trái trên. Ngồi chồm hổm chứ ngồi xếp bằng không đủ chỗ. Ít lâu sau có anh Tư thợ mộc (Hoằng Kiến) đến công quả, đóng cho một cái bàn dài thấp, chúng tôi mới có chỗ ngồi ăn tươm tất hơn. Bắt đầu từ đó, đầu hôm sớm mai, tiếng tụng kinh hòa với tiếng chuông tiếng mỏ làm núi rừng tỉnh dậy. Một thứ âm thanh đã từ lâu rồi không còn vang vọng nữa. Bàn Phật đã được trang hoàng các tượng thờ cũng được sáng sủa hơn. Đặc biệt là cái mõ từ lâu đánh không kêu, định đem lên để cho có hình thức vì bên ngoài chạm trổ khá đẹp. Thế mà lên đó tự nhiên lại kêu tiếng rất hay. Có lẽ cái mõ nầy cũng nằm chờ đợi, cho đúng thời đúng chỗ, mới thể hiện công năng. Hôm sau, chúng tôi đi quan sát khu đất, thấy phía trước là một khu đất hơi bằng rồi chúi rất sâu về phía trước đường suối. Ngay giữa chỗ sâu nhất gần sát đường suối có dấu tích của cái giếng khi xưa của chùa Vạn Linh. Sau lưng chùa là một khu đất tương đối trống vì không có cây lớn nhưng cũng rậm ri bởi cỏ dại và cây sặt lún phún nằm thoai thoải càng lên càng dốc về sau. Đó là khu nền chùa mà ông Hai cho dọn trước đây. Phía sau là rừng cây tai tượng, cũng là đất chùa nhưng vì bỏ trống nên ban Ấp đã trồng theo chương trình phủ kín đồi trọc của tổ chức môi trường thế giới. Sau nầy, chúng tôi phải trả tiền lao động mới giữ lại miếng đất nầy. Bên mặt là một đường trũng sâu chạy dài ra trước, cuối đường trũng là hai hầm nước. Phía sau đường trũng có khu đất cao, là nơi Phương trượng của Hòa thượng Khai Sơn lúc trước và có một kim tỉnh là nơi mà Hòa thượng Thiện Thành và ông Hai định đưa nhục thân của Hòa thượng Khai Sơn về cải táng nhưng không thành. Nói đường trũng chứ sự thật là một miếng đất khá lớn nằm dưới sâu hai bên bờ cao. Khi bổ túc hồ sơ, thầy Tấn đã được chính quyền xã An Hảo lên đo đất có luôn phần đất nầy. Khi đó, có mời các chủ giáp



Bồn được xây thêm 5 tấc để chứa nhiều nước hơn

ranh để xác nhận. Thế nhưng, khi lên thì đã có người giăng dàn su hết khu đất ấy. Người ấy cũng không ai xa lạ mà là đệ tử của Hòa thượng Thiện Thành. Anh nói với Thầy Tấn là anh kéo giàn su để giữ đất dùm chùa, khi nào chùa lên xây dựng sẽ trả lại. Thế mà trông mãi cũng không thấy anh trả. Chùa lên tiếng thì anh lại nói đất của anh. Thấy tranh chấp cũng khó trong khi mình chân ướt chân ráo nên sau đó, chùa đã thương lượng mua hết phần đất của anh, trong đó gồm luôn cả miếng nầy. Phía trái ngang chùa cũng có một miếng đất chúi sâu xuống, sau nầy làm khu vệ sinh, nhưng tới phía trước gần sát đường suối thì miếng đất nầy chạy dọc theo suối khá bằng. Miếng nầy khi chúng tôi lên thì thuộc người khác. Nguyên do là lúc trước ông Hai sợ mất đất nên kêu cho những người quen trồng trọt để giữ đất. Người đó làm thời gian rồi lại sang tay cho người khác. Người khác lại sang tay cho người thứ ba và người nầy cho đất ấy là của họ mua của người kia chứ không phải đất chùa. Thế là chùa phải thương lượng và trả số tiền tương đối cũng cao so với thời buổi đó. Chúng tôi biết được lúc trước chùa có khoảng sáu, bảy mẫu đất nhưng khi lên thì chỉ còn không đến một mẫu. Đến bây giờ chúng tôi chuộc lại lần lần cũng gần đủ số.

Nghỉ ngơi lấy sức một ngày cũng như sắp xếp lại đồ đạc, hôm sau mùng 06 tháng 08 âl 1995 ngày vía Tổ Huệ Viễn, chúng tôi bắt đầu làm việc. Khi nghe tin chúng tôi sẽ lên, trước đó ông Hai đã cùng một số con cháu và đệ tử dọn dẹp phần

nền. Nói dọn dẹp chứ thực sự là phát cỏ. Phát cỏ trên núi là dùng cây quéo, giống như cây rựa cán dài mà trên đầu có cù quéo và phát ngang đầu còn cách đất khoảng một tấc. Một là vì nếu phát sát đất dễ trúng đá, hai là đất núi không bằng nếu làm sát dễ bị trôi đất. Ở trên núi có rất nhiều cây sặc. Nó giống như cây sậy nhưng nhỏ hơn, lại cứng và đặt ruột. Cho nên, phát ngang đầu còn ló lên một tấc như cây chông dựng đứng. Có người đã bị nó đâm lủng qua dép, đâm luôn lên chân rất sâu. Chúng tôi chia làm hai nhóm. Một nhóm dọn nền nhà bếp. Vì Thầy Hoằng Tri nhận thấy rằng nơi chùa Lá quá chật chội, công quả sẽ càng ngày càng đông không đủ chỗ ngủ. Vả lại, ở chùa mà ngủ lộn xộn như thế coi không được nên phải gấp rút làm nhà bếp để sinh hoạt nấu nướng dưới đó, đồng thời chuyển số công quả ở riêng. Chỉ chư Tăng ở trên chùa mà thôi. Một nhóm đi gánh đá gom lại một chỗ để đập. Đá nầy được gom lại nhiều đống nhỏ để ở rải rác khắp nơi do những người trồng trọt trước đây gom lại cho dễ cuốc. Lần đầu dọn nền trên núi không thể dùng mắt mà nhận xét được. Có khi nhìn tưởng là tương đối bằng nhưng khi cân thủy lại thì còn chênh lệch cả năm tấc. Trong khi chúng tôi dọn nền, ông Hai đi đặt tranh cho người ta đánh. Lúc đó ở núi, người ta cất nhà rất sơ sài, phần đông lợp bằng tranh hoặc bằng tấm bạt nhựa, vách thì vừng cây sặt đan khít lại, hoặc cũng dùng tấm bạt nhựa luôn, ít nhà nào có cửa. Tranh là sản phẩm của núi. Người ta lựa chỗ nào tranh mọc cao, cắt về rồi bện thành từng tấm như người ta bện lá dừa nước. Đồng thời, ông Hai đi xin tre để làm kèo cột. Ở trên núi có rất nhiều tre Mạnh Tông. Nghe những người kỳ cựu trên núi nói lúc mới lên lập nghiệp, đất bao la mạnh ai nấy khẩn và trồng tre làm ranh, đồng thời trồng chuối với mít làm huê lợi vì mấy thứ nầy rất dễ phát triển không cần



Xẩn đất dọn nền chùa lấy đất đắp đường.

Phật tử công quả rửa cát

săn sóc phân bón gì cả. Đúng ra, tre là loại nhảy con mà đem trồng ranh thì đâu chính xác. Nhưng lúc trước đất quá rộng không ai tranh chấp điều nầy. Bây giờ, tấc đất tấc vàng, chắc chắn không thể dùng tre làm ranh được. Tre nầy đặc biệt măng rất ngon như tre tàu, thân cây cao lớn rất cứng, có cây dài gần 20 mét và rất thẳng cho nên làm nhà rất tiện. Gốc làm cột, thân làm kèo, đòn tay và chẻ ra từng miếng nhỏ làm rui mè. Cất xong nhà bếp, chúng tôi chuyển toàn bộ công quả xuống. Phần trong cùng là bếp thông ra phía sau sàn nước. Kế đó là công quả nữ, phía ngoài là công quả nam có ngăn bởi miếng vách. Phần công quả nam chiếm hơn nữa cái nhà. Có ba dãy để nằm nghỉ đóng bằng nẹp tre, hai dãy dọc và một dãy ngang trên đầu. Ba dãy nầy khi không có khách thì công quả nam nằm rải rác. Nhưng khi có khách thì nằm chung lại, chừa một hoặc hai dãy cho khách nằm tùy nhiều hay ít. Ở giữa kê một bàn dài mà thấp để dọn ăn. Ban đầu, quý Thầy cũng xuống đó ăn. Sau nầy có xuất gia thêm nên chúng tôi lập quả đường và cử hành nghi lễ giống như ở Vạn Đức. Khi chuyển công quả xuống dưới, chúng tôi cũng còn nghỉ trên tấm vạt dài trên chùa Lá. Ít lúc sau Thầy Hoằng Tri cho chuyển một số giường ở Vạn Đức lên. Thế là chúng tôi cho tháo bộ vạt ra, nới rộng bốn mặt chùa cho diện tích rộng hơn để đặt giường cho quý Thầy, mỗi người một giường và thiết lập quả đường. Thời Tịnh độ, chúng tôi thường tụng kinh Pháp Hoa. Thời gian ban đầu chỉ sử dụng đèn dầu. Nhiều khi đang tụng gió thổi mạnh, đèn tắc ngúm hết phải gián đoạn giây lát, chờ đốt đèn mới tiếp tục được. Sau nầy có đèn măng sông sáng sủa hơn. Lần lần có đèn bình và sau nầy khi làm nhà bếp xong, che thêm cái cháy ngoài sau để lắp đặt máy phát điện. Từ khi có máy phát điện, đèn đuốc sáng rực ngôi chùa Lá và hào quang trong khung đức Bổn sư chuyển động rất đẹp. Ngôi chùa Lá tuy thô sơ rách mướp, nhưng trên bàn Phật và bàn Tổ được sửa soạn, bày biện lại trông rất trang nghiêm. Mỗi tối, ngoài quý Thầy ra còn có công quả và một số dân núi cùng tụng Kinh rất đông, súm sít ngồi chật cả chung quanh. Như đã nói ở trước, vì vách chùa Lá được đan bằng cây sặt nên cách nền đất khoảng một tấc. Sau nầy được chèn thêm bằng bao xi măng nối lại cho kín gió. Nhiều khi đang tụng kinh, một con rắn bò thẳng vào rồi bò tuốt ra ngoài sau. Mọi người đang chăm chú tụng Kinh cũng không kịp có phản ứng gì. Có lần, một con rít bò vào y của Thầy Hoằng Tri hồi lâu rồi lại bò ra. Chừng xuống Kinh nói lại cho Thầy biết, Thầy mới nói hèn chi lúc nãy có nghe cái gì hơi rần rần ngoài sau lưng, thì ra là con rít bò lên. Thời chúng tôi ở chùa Lá, có những kỷ niệm vui buồn như thế.

Sau khi làm xong nhà bếp, chúng tôi bắt tay vào việc làm bồn nước. Vì trên núi nước rất quan trọng. Tuy nói núi Cấm có nước quanh năm nhưng không phải miếng đất nào cũng có nước. Đất nào nằm trên đường nước thoát đi từ trên đỉnh xuống thì đào mới ra nước. Chùa có được một chỗ ngay mạch nước nhưng lại nằm dưới thấp, muốn sử dụng phải gánh lên hoặc dùng máy bơm. Hồi chưa xây giếng, chúng tôi có hai ao nước (phần đông các ao nước trên núi là lổ bôm để lại. Lỗ nào ngay đường nước thì thành ao nước. Còn không ngay, dù rất sâu nhưng cũng không có nước). Một ao nhỏ ở trên dùng để uống và một ao lớn phía dưới để tắm giặt. Ban đầu ít người, chúng tôi chưa làm nhà tắm. Một ngày lao động đến chiều tối xuống suối tắm. Mùa nóng thì mát vô cùng, mùa lạnh thì rất lạnh nhưng mới lao động còn nóng người nên có thể chịu được. Nhưng đang tắm mà có gió là không chịu nổi. Có lần, Thầy Hoằng Tri (thường gọi là Thầy Tấn) xuống tắm, vừa chà xà bông xong gió thổi đến bắt rùng mình ớn lạnh, đánh bỏ cạp không cách nào tiếp tục xối nước được nữa, đành để xà bông chạy lên lao khô thay đồ. Vì thế, việc xây bồn dự trữ nước rất cần thiết. Chúng tôi cho đào phía sau nhà bếp, lọt lòng ngang 3m, dài 6m, sâu xuống cũng 3m. Làm vĩ sắt đỗ đáy và ghép ván đổ vách chứ không xây (vì chưa có chẻ đá). Lúc đó chưa kêu thợ, có chú Sáu Beo và chú Tư ở Rạch Giá cũng là



Đẩy xe rùa chuyển đất khu sau nhà bếp để lấp đường trũng.



Đẩy xe rùa bê tông đổ đế cột.

thợ hồ lên làm công quả. Đổ xong đến mặt đất, thấy tiếc nên chúng tôi cho đổ thêm lên năm tấc nữa rồi đổ nắp và dán gạch bể trên mặt nên rất sạch sẽ, có thể nằm nghỉ được. Bồn chứa được trên 60m khối nước.

Xong bồn nước, chúng tôi tập trung hoàn thành nền chánh điện. Vì lúc trước trong khi làm nền nhà bếp, chúng tôi cũng đã ban sơ sơ và lấy đất dư để đắp nền nhà bếp. Bây giờ tiếp tục lấy thêm cho bằng, đất đem đổ để đắp con đường lên chùa. Con đường nầy lúc trước rất sâu và nhỏ khó đi. Ban đầu chưa có phương tiện, chỉ bưng hoặc gánh bằng ky. Sau nầy, mượn được chiếc xe của chú Chín Em, thùng đóng bằng cây, chứa được nhiều đất nhưng bánh bằng sắt lại nhỏ nên đẩy rất nặng, nhất là khi mưa. Sau nầy, chúng tôi cho đem xe rùa ở Vạn Đức lên nên làm tiện lợi hơn. Như chúng ta đã thấy, ở trên núi không chỗ nào là bằng phẳng. Nhiều chỗ nhìn tưởng bằng nhưng thật sự cũng chênh lệch nhau nhiều tấc. Vì thế, việc san lấp là công tác hàng đầu. Thầy Tấn, chú Hoằng Thanh và sau nầy có thêm Khánh, là những tài xế chuyên nghiệp. Đẩy một xe đất đầy xuống dốc tương đối là khỏe. Nhưng đẩy xe không lên dốc thì mệt ơi là mệt. Dân núi phục sát đất về việc đẩy xe rùa của chùa. Vì xe rùa của chùa do Thầy Hiển chế. Thùng rất lớn chứa nhiều đất, bánh thì dùng bánh hơi cũ của xe lam và đặt gần giữa thùng xe nên rất nhẹ đẩy, trái lại rất dễ lật. Dân núi thấy chúng tôi đẩy sao nhẹ nhàng quá nên muốn đẩy thử. Phần đông, vừa dở xe lên là lật. Đẩy xe trên đường bằng là việc bình thường. Đẩy xe xuống dốc trong rừng vừa xuống dốc tốc độ nhanh, vừa lạng lách mà không trúng cây, và không lật xe mới lấy được bằng lái xe một bánh! Chùa Vạn Linh có rất nhiều tài xế có bằng lái loại nầy.

Từ lúc làm hồ nước trở đi, bắt đầu sử dụng sắt xi măng nên chúng tôi hợp đồng xe tải cho chở sắt và một số vật dụng cần thiết như giường sắt, xe rùa v.v... Sở dĩ chúng tôi phải mua sắt của Thành phố vì có nhiều chỗ quen, giá tương đối, sắt chất lượng. Còn mua ở dưới giá cao hơn, cũng phải kêu xe chở và phần nhiều là sắt gia công. Chúng tôi tính tiền sắt cộng tiền vận chuyển vẫn còn rẻ hơn là mua dưới ấy. Vì thế, chỉ có xi măng là chúng tôi mua dưới đó còn phần đông các vật tư khác đều mua từ Thành phố chở xuống. Lúc đầu, mỗi chuyến xe tải như thế, chúng tôi cùng một số công quả đi theo. Vì không đủ chỗ ngồi nên giăng võng phía sau thùng tải. Về sau bị phạt một lần nên chúng tôi không đi theo đông nữa. Vì muốn tiết kiệm tiền xe nên sẵn xe tải quá giang luôn, vừa đỡ tốn tiền, vừa có người phụ xuống đồ. Mỗi chuyến xe như vậy khoảng mười tấn đồ. Nói đến đây chúng tôi xin thành tâm biết ơn một gia đình, tuy là theo công giáo nhưng rất nhiệt tâm giúp đỡ cho chúng tôi gởi và cân đo ghi chép cho người gánh lên. Đó là gia đình cô Hai Mới. Nhà cô bán tạp hóa, có được sân sau rộng. Mỗi lần xe về, chúng tôi tập trung đồ vào trong sân, thứ nào cần để trong nhà thì cô


Cát được vớt theo đường suối.

dọn chỗ cho chúng tôi để. Luôn mấy năm như vậy. Ban đầu, chúng tôi còn sáng xuống để cân và ghi chép đến chiều mới về. Sau nầy anh Hoàng là rễ cô Hai giúp luôn phần nầy, đỡ cực chúng tôi khỏi lên xuống. Và mỗi lần như vậy phải gánh ba, bốn ngày, có khi 10 ngày tùy theo người nhiều ít mới hết đồ. Cho đến khi chúng tôi mở đường để đưa Phật lên, có xe chuyển đồ mới không còn gởi ở cô nữa. Từ đó, đồ lại được chuyển gởi nhà chú Út vì thuận đường xe chạy lên núi. Hiện nay, đường xe thuận tiện hơn, đồ được gởi ở quán Ngọc Thành. Những người ở đây cũng rất nhiệt tình dù đêm hôm khuya khoắc. Chúng tôi xin cảm ơn những ân nhân đã giúp chúng tôi trong những giai đoạn nầy.

Phần vật tư tại chỗ là cát và đá, là những thứ chúng tôi phải thường xuyên tìm kiếm và tích trữ. Phần đá 1x2, ngoài số công quả đập, chúng tôi có mướn những người chuyên nghiệp đập thêm cho đủ nhu cầu. Đá 4x6 thì quý Thầy khỏe và công quả đập đủ sức dùng. Duy chỉ có đá chẻ, chúng tôi nhờ ông Hai kêu người làm suốt để có đủ đá theo yêu cầu. Ban đầu thì có anh Minh, sau là anh Bàng đều ứng tiền trước quá nhiều mà làm không đủ số rồi nghỉ ngang. Sau nầy chúng tôi gặp được anh Hùng làm tương đối tốt và bền bỉ cho đến nay. Anh xin cất cái nhà tạm để ở hẳn nơi chùa trong thời gian chẻ đá. Trước còn làm ăn sản phẩm, sau nầy làm công nhật như những thợ khác. Anh có người vợ đập đá 1x2 rất giỏi, nhưng chị đập công quả thôi chứ không lấy tiền. Tiếc rằng chị bị bệnh ngặt mất sớm.

Về phần cát cũng hao công lao động rất nhiều. Ban đầu còn vớt theo đường suối mỗi khi mưa, sau không còn nữa phải đi xa hơn, có lúc đi đến động Thủy Liêm. Gom được nhiều, chúng tôi vô bao để chuyển về. Mỗi lần chuyển cát, chúng tôi huy động toàn bộ lực lượng lao động và đứng cách nhau vừa phải để chuyền vai cho nhau. Nhiều nơi xa phải chia làm nhiều đoạn. Có khi qua ngày sau cát mới về đến chùa. Chỗ nào tương đối bằng thì chúng tôi dùng xe rùa. Dốc quá thì phải vác chuyền vai. Đem về bao nhiêu xài hết bấy nhiêu. Vì ngoài việc đổ bê tông hồ nước, chúng tôi còn phải in gạch hằng ngày để đến khi xây có đủ gạch. Nếu mua gạch gánh lên thì công gánh mắc hơn viên gạch nên chúng tôi quyết định in gạch bloc. Về Thành phố tìm mua được hai khuôn in gạch. Cho hai người in ngày nầy qua ngày khác. Rất may là đến lúc chúng tôi cần sử dụng cát nhiều thì lúc đó đã có xe máy cày. Chúng tôi không đi vớt cát nữa mà xin đất của vùng đất có lộn cát nhiều, cho xe chở về và làm máng rửa.


Cát được chuyền từ vai người này sang vai người kia

Xúc cát vào máng, cho vòi nước dội phía trên, đất theo nước chảy xuống. Cát nằm lại và đất theo nước trôi luôn. Như thế, cát dư làm và dự trữ để khi mùa nắng, không có nước rửa vẫn có cát để xài.

Thời gian thấm thoát trôi qua, thế mà đã hơn một tháng chúng tôi ở núi, cũng quen dần với sinh hoạt ở đây. Qua tháng 09, chúng tôi có thêm được Thầy Hoằng Xưng lên phụ. Thầy đang làm thị giả cho Sư ông nên không lên trước được vì chưa có người thế. Thầy khi chưa xuất gia có học về xây dựng và làm cai thợ cho ông Dượng nên rất rành về kỹ thuật, xem được bản vẽ và có nhiều kinh nghiệm về xây dựng. Đến 19 tháng 09, chúng tôi làm lễ khởi công đơn sơ nhưng không kém phần trang nghiêm và thành kính. Sau khi đại chúng tụng thời kinh Phổ Môn cầu nguyện xong, Thầy Tấn ra cuốc ba cuốc tượng trưng rồi bắt đầu ra áo làm luôn.

Ra hạ năm 1996, chúng tôi lại có thêm Thầy Hoằng Hiển, là Thầy hiện đang phụ trách phần hoa văn trang trí. Lúc trước, Thầy chưa từng làm qua việc nầy nhưng Thầy rất có khiếu về mọi mặt. Và lúc chưa xuất gia, Thầy làm nghề thợ bạc nên khi vào chùa, làm qua phần hoa văn rất sắc sảo như một thợ lành nghề. Nhất là đắp phù điêu cây Bồ-đề. Cây Bồ-đề ở Vạn Linh đã là đẹp rồi, còn cây Bồ-đề ở Vạn Đức có đủ chiều cao lên tới đọt nên ai đến xem cũng đều giật mình cho là như cây thật. Và dần dần số người đến công quả cũng đông, số phát tâm xuất gia cũng nhiều. Mỗi người đều tận tâm tận lực. Thật là Tam Bảo cảm ứng như lời Sư ông dạy, hễ hết lòng vì Tam Bảo thì có Hộ Pháp gia hộ.

Theo như lời Sư ông đã dạy, mặc dù nền đất núi rất tốt và kết cấu sườn sắt lợp tol không cần phải đúc móng, nhưng chúng tôi vẫn làm như móng nhà đúc. Chúng tôi cho đào lỗ lớn và sâu, chia ra mỗi người một lỗ và đào thi đua, ai xong nghỉ sớm. Những người nhằm lỗ không có đá thì đào rất nhanh, lỗ có đá chậm lại chưa được phân nữa. Thế là người rồi trước qua phụ những lỗ chưa rồi. Nói là nói để thi đua chứ ai nỡ ngồi không nhìn người khác làm. Trước khi làm lễ khởi công, chúng tôi được người quen giới thiệu một anh thợ hồ từng lãnh làm nhiều công trình ở Long Xuyên, Châu Đốc. Anh tên là Hoàn, theo đạo Hòa Hảo có đầu tóc. Anh kêu một người thợ lớn tuổi cùng lên đóng gabary và định vị cho chúng tôi đào lỗ. Đào lỗ xong, anh cho làm vĩ đổ chân cột, đi đà kiền và bắt đầu lên cột để xây vách. Rất may là anh rất bận công việc dưới núi, làm được vài ngày anh lại xuống núi. Vì thế, chúng tôi cũng có đủ thời gian để lo vật tư. Vì đổ móng và đà kiền đòi hỏi nhiều cát và đá 1x2 cũng như đá 5x7 lót đáy. Xong phần nầy không biết sao lâu quá không thấy anh lên, cho người tìm hỏi thăm thì anh trả lời vì lãnh nhiều công trình quá nên không thể tiếp tục nữa được.

Sẵn lúc đó, có nhóm thợ hồ ở Rạch Giá và anh Tư (Hoằng Kiến) đến công quả nên chùa bố trí cho xây vách. Đồng thời, chú Hoằng Khởi ở Thủ Đức lên cũng từng là cai thợ nên cho chú xây khu vệ sinh. Vì theo bản vẽ sườn sắt lợp tôn, nên chúng tôi cho xây tường mười thôi. Trong khi xây gần xong thì nhân duyên lành đến, Phật tử Diệu Nghĩa Việt Kiều Úc đến viếng Vạn Đức, nghe đang xây dựng chùa ở núi Cấm nên phát tâm cúng một số tịnh tài khá lớn. Thầy Trụ trì quyết định đúc mái. Vì thế, cho anh Tư xây tường thêm một mươi nữa. Đáng lý chúng tôi phải đổ mái hành lang trước vì thấp hơn. Hành lang theo bản vẽ thì chỉ 1m 50. Sau nầy, Hòa thượng chỉ đạo thêm hai bên thì 3m 3, còn trước và sau đều 4m. Chúng tôi chưa biết là đủ sức đúc luôn mái hành lang không. Trước mắt, đúc mái chánh điện nhà Tổ được là mừng rồi. Vì thế, chúng tôi cho chừa sắt râu và lo tập trung để đổ mái chánh điện. Anh Tư là thợ khá, nhưng chưa từng đóng cốt pha mái cong nên nếu có ai đóng qua một lần, anh nhìn thấy là làm được. Vì thế, Thầy Trụ trì cho nhóm thợ anh Út Phách (nhóm thợ thường làm ở Vạn Đức) lên đóng cốt pha mái chánh điện. Chúng tôi cũng theo cách tiết kiệm của Hòa thượng, lót tol thay ván. Chúng tôi có mua một số tol cũ dầy, quét vôi lên để dễ



Đang lên cột và làm sắt đổ tiếp tục.



Đang đổ mái chánh điện



Gạch được in liên tục để có đủ xây vách.



Chư Ni trong đạo tràng Vạn Đức và Phật tử lên thăm trong khi bắt đầu xây vách



Lỗ cột được chia ra để đào thi công

tháo ra. Lên cô Sáu Hường xin tre để làm cây chống, chuyển cát đá tập trung và cho người gánh xi măng chuẩn bị. Một tuần lễ sau, khoảng giữa tháng 08 năm 1996, chúng tôi đổ bê tông lần đầu tiên. Lần đổ nầy, ngoài số công quả thợ Thầy, ở chùa còn có nhóm công quả ở Rạch Giá, dân Núi và nhóm Hoằng Trương Châu Đốc. Sau khi đổ xong, nhóm anh Út về vì chịu lạnh không nổi. Anh Tư tiếp tục công trình. Sau khi nhìn thấy cách đóng và bố trí sắt, anh đã nắm vững và đóng cốt pha mái nhà Tổ hài hòa hơn, mái cong dịu dàng hơn. Khoảng hai tháng sau, chúng tôi đổ tiếp mái nhà Tổ thành công tốt đẹp.

Trong thời gian nầy, chúng tôi vừa trải qua một mùa Hạ đầu tiên trên núi. Một số Phật tử ở Vạn Đức về tùng Hạ đông vui. Bên xuất gia cũng có thêm một vài Thầy. Đúng giờ, chúng tôi cũng làm lễ tác bạch nương theo đạo tràng Vạn Đức, danh sách cũng được chư Tăng Vạn Đức tác bạch cùng Hòa thượng, để đại chúng Vạn Linh được nương đức Hòa thượng tu tập. Thời khóa ban ngày không thực hiện vì bận lao tác, nhưng bắt đầu cho công phu chiều và cúng nghi thức quá đường. Còn tối thì đầy đủ như trên Vạn Đức, nhưng thời tọa thiền niệm Phật phải ngồi trong mùng vì nhiều muỗi. Dần dần sinh hoạt tu tập của chúng tôi được tương đối đầy đủ. Vía đức Quan Âm trong mùa Hạ nầy, tập sự được xét xuất gia cũng như số phát tâm quy y theo Thầy Trụ trì về Vạn Đức làm lễ. Và gần như thành lệ, gần tới vía đức Quán Âm là xét người được xuất gia và cho một số công quả mới được quy y. Ra Hạ, Thầy Hoằng Hiển theo Thầy Trụ trì lên. Thầy rất khéo tay, nhiều sáng kiến và biết đủ nghề. Thầy tạo mẫu bao lam hành lang và làm khuôn cho công quả đổ. Thầy là người rất giỏi về máy móc. Làm công trình lớn như thế nầy mà không có cơ giới phụ trợ thì rất chậm. Mỗi khi có nhu cầu phải mang xuống núi thì rất mất thời gian. Vì thế, từ khi có Thầy lên, chùa

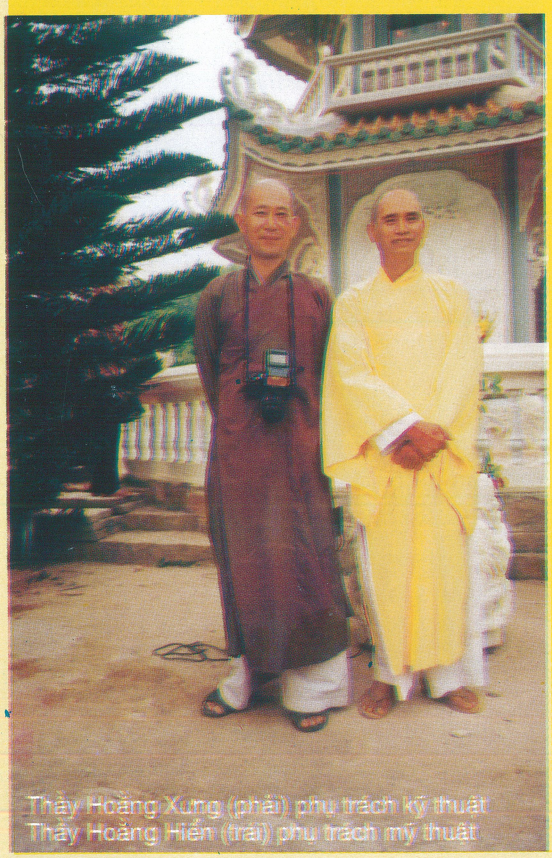
sắm thêm máy hàn rồi lần đến máy phát điện. Có trục trặc hư hao gì, Thầy chế biến sửa tại chỗ không cần đem xuống núi. Dần dần, dân núi nghe tiếng, khi có nhu cầu sửa máy hay hàn xì thay vì phải gánh xuống núi, họ đến chùa nhờ Thầy. Có khi Thầy đến nhà sửa hoặc có khi họ gánh máy đến chùa. Vì thế, Thầy rất có cảm tình đối với dân núi.

Cũng trong thời gian nầy, Thầy Hoằng Tất cũng hay về núi ở lại chơi vài tuần, thấy việc liên lạc rất khó khăn nên Thầy đề nghị cúng cho chùa chi phí để lắp đặt điện thoại. Lúc ấy, cả vùng núi chỉ có một điện thoại công cộng của anh Hưng nằm hơi xa. Vì chưa có dây nên lắp đặt chế biến theo kiểu mẹ con liên lạc tầm xa, phải có ăng ten tiếp sóng, nhưng cũng hay bị trục trặc hoài mà chi phí lắp đặt rất cao. Dù sao cũng giúp cho sự liên lạc được thuận tiện.

Gần cuối năm, số công quả thanh niên các nơi lên rất đông và làm rất tích cực, nhà bếp cũng được tăng cường. Nhưng



Thầy Hoằng Trí đang được Sư Ông chỉ đạo công việc



Thầy Hoằng Xưng (phải) phụ trách kỹ thuật
Thầy Hoằng Hiển (trái) phụ trách mỹ thuật

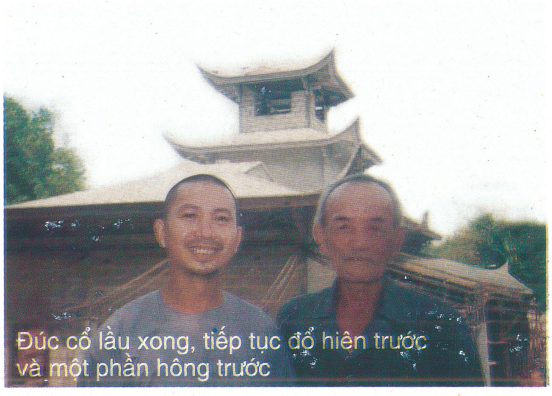
phần đông, đến Tết họ đều về nhà. Thầy Trụ trì cùng một số công quả ở Thành phố cũng về. Chùa lại trải qua một mùa Tết vắng vẻ. Chỉ có Thầy Xưng, Thầy Hiển cùng một số quý Thầy mới và một ít công quả. Đêm giao thừa không có ai đến, chỉ có anh Quang Đạo là người lúc trước ông Hai nhờ coi chùa, luôn hay say xỉn. Tối đó anh cũng xỉn, vào chùa quậy đã đời rồi chui vào hang bàn Phật ngủ mới yên. Tối đó, ông Hai cũng đã về quê nên trong hang không có ai. Qua mùng 02, Thầy Xưng tổ chức đi dạo núi, thủ theo mấy đòn bánh tét, đi khắp các điện, các vồ cùng hang động. Điện hang ở đây rất nhỏ vì đá núi là loại đá cứng nên không bị xâm thực như các núi đá vôi ở Bắc, hang động rất rộng và có nhiều hình thù rất đẹp. Đến qua rằm tháng giêng, Thầy Trụ trì lên mang theo bánh mứt lủ khủ. Đến tối, sau thời kinh, ngồi quay quần uống trà ăn mứt nói chuyện Tết. Lúc đó, chùa mới thực sự hưởng hương vị Tết muộn. Nhưng dù sao, có còn hơn không.


Thầy Hoằng Xứng
đang được Sư Ông chỉ đạo công việc

Qua mùa Tết 1997, chùa lại tất bật đi đốn tre chuẩn bị cốt pha để đổ mái hành lang trước và một bên hông vào ngày mùng 02 tháng 04 âl. Lần nầy, Thầy Trụ trì có tổ chức cho Phật tử Thành phố lên phụ khá đông nên rất nhanh, nhưng lần nào nồng cốt vẫn là nhóm của Hoằng Trương, Châu Đốc. Thời gian nầy có chú Mơn (Hoằng Thời) lên công quả. Chú là thợ giỏi nhưng khiêm tốn không cho biết. Ban đầu làm các việc do chùa phân công một cách rất tích cực. Sau nầy mới biết là thợ và đưa qua chuyên về phần hồ. Chính một mình Hoằng Thời đã lợp hết ngói tất cả công trình ở Vạn Linh và là người đắc lực cùng Thầy Hiển đắp cây Bồ-đề, làm các hoa văn. Đến ngày 03 tháng 05 âl năm 1997, chúng tôi đổ mái hiên sau và phần còn lại. Cũng có Phật tử các nơi về phụ nên xong sớm. Trước đó, chính quyền địa phương đã lên lập biên bản cho rằng chùa vi phạm, xây dựng không đúng bản vẽ. Thầy Trụ trì giải thích, chùa không thể tiên liệu được sự khó khăn ở đây, nên không dám xin phép kiên cố sợ thực hiện không nổi. Nay gặp thuận duyên làm cho chắc chắn, vừa đẹp cho chùa, đồng thời cũng đẹp cho núi, cho địa phương. Cuối cùng, chính quyền cũng thông cảm và để cho chùa làm tiếp tục. Thời gian đầu, chúng tôi cũng gặp rất nhiều khó khăn về việc tạm trú. Vì cả chùa chỉ có mỗi một Hoằng Thạnh là có hộ khẩu. Theo yêu cầu của Ban Tôn Giáo tỉnh, Thầy Hoằng Tri phải chuyển hộ khẩu về. Hòa thượng Viện Chủ không đồng ý nên Ban Tôn giáo cũng chìu theo ý Hòa thượng, nhưng yêu cầu người phó phải là người địa phương An Giang. Vì thế, Hoằng Thạnh là người xuất gia đầu tiên, lại hộ khẩu ở An Giang nên cho Hoằng Thạnh làm phó để đứng tên hộ khẩu. Dần dần thấy sinh hoạt của chùa cũng tốt, gắn bó với địa phương nên chính quyền cũng tạo điều kiện cho nhập thêm hộ khẩu và dễ dãi trong việc tạm trú.

Vía đức Quán Âm 19 tháng 06 âl 1997, trong mùa Hạ năm nay có thêm một số lớn tập sự được xuất gia, khiến cho chư Tăng đông thêm.

Đổ xong hành lang, công việc bắt đầu nhiều như gắn hoa văn, tô vách, dán gạch v.v... nên anh Tư đề nghị tăng cường thợ. Anh giới thiệu Hà là em ruột của anh đang là cai thợ ở Tiền Giang. Thầy Trụ trì đồng ý và khoảng tháng 09 năm 1997, nhóm Hà đã lên xúc tiến công trình tiếp tục để hoàn thiện khu chánh điện. Đến cuối năm, Thầy Trụ trì cho ban đất khởi công nhà bếp. Trong việc san lấp làm nền, chỉ có khu bếp là cực nhất vì như một khối đá lớn, chúng tôi phải tách ra nậy đi từng phần. Và rồi một


Đúc cổ lầu xong, tiếp tục đổ hiên trước
và một phần hông trước

năm nữa đã trôi qua, chúng tôi lại tiếp tục đón Tết 1998 trong êm đềm vắng vẻ. Đầu năm, chính quyền xã đã lên lập biên bản, bắt tạm ngưng công trình khu bếp vì chưa xin phép và báo sẽ có một đoàn thanh tra ở Tỉnh lên làm việc với chúng tôi về việc xây dựng. Trong khi đó, có nhóm thợ của ông Hai Phước khoảng mười người lên công quả tô vách chánh điện trong vòng một tuần lễ. Đến cuối tháng giêng âl 1998, đoàn thanh tra ở Tỉnh đã lên làm việc với hai nội dung: chánh điện làm sai bản vẽ và làm khu bếp chưa xin phép. Thầy Hoằng Xưng trình bày: chùa chỉ nghĩ đơn giản là chính quyền đã cho phép làm chánh điện thì đương nhiên cũng cho phép làm Tăng Phòng, nhà bếp, thư viện, giảng đường v.v... Vì không thể chỉ có chánh điện không thì làm sao hình thành một ngôi chùa được. Vả lại, trên núi điều kiện khó khăn, phương tiện hạn chế, nhất là tài chánh khiêm tốn không quyên tới ai, chỉ tùy hỷ theo sự phát tâm nên không tiên liệu được khả năng, duyên đến đâu thì làm đến đó. Một là cũng muốn làm đẹp và chắc cho chùa. Hai là cũng muốn góp phần tạo một nét đẹp văn hóa chung cho địa phương, mong quý vị lãnh đạo hết sức thông cảm và tận tình giúp đỡ. Sau khi nghe Thầy Hoằng Xưng trình bày, đoàn đã cởi mở và quyết định cho chúng tôi tiếp tục thi công, nhưng phải bổ sung bản vẽ tổng thể các hạng mục công trình gởi về huyện, rồi cứ y như thế mà làm khỏi xin phép nữa. Thành ra khó lại hóa dễ, âu cũng là sự gia hộ của chư vị Hộ Pháp. Sau nầy, chính quyền Tỉnh cũng thường xuyên lên tham quan và khuyến khích chúng tôi làm đẹp chừng nào tốt chừng nấy.

Như thế là xong phần cơ bản. Chúng tôi lo việc hoàn thiện và nhất là việc thỉnh tượng thờ. Một duyên lành lại đến khiến chúng tôi không còn cách chọn lựa. Vì trước đây định làm tượng xi măng, đang phân vân là đặt ở Thành phố đem lên hay là làm tại chỗ. Nguyên Phật tử Diệu Nghĩa sau khi cúng cho chùa một số tịnh tài lớn phụ trong việc xây dựng, khiến cho chùa quyết định thay đổi kết cấu. Và nhân khi đặt các đồ đá để cúng chùa Ân Phước nơi chị quy y, chị đã đặt hai bức phù điêu Quan Âm, Địa Tạng cúng cho chùa Vạn Linh. Nhìn nét chạm trổ tinh xảo trên đá mà như chạm gỗ, Thầy Hoằng Tri rất đỗi ngạc nhiên, vì từ giờ chưa nhìn thấy tác phẩm nào bằng đá mà đẹp như vậy. Duyên như thế, hai bên phù điêu Quan Âm, Địa Tạng đã bằng đá, chẳng lẽ tượng Phật ở chánh giữa lại bằng xi măng. Cho nên, chúng tôi quyết định làm cho được tượng Phật bằng đá. Chúng tôi tìm đến cơ sở Hoàng Hữu, là nơi tạc hai bức phù điêu hỏi thăm giá cả. Tượng Phật cao 1m 40, tòa sen 5 tấc bằng với tượng Phật cũ của Vạn Đức, được Hoàng Hữu trả lời một câu thẳng thừng là 25 triệu. Chúng tôi xin giảm còn 20 triệu, Hữu không đồng ý. Chúng tôi ra về, Hữu cũng không buồn gọi lại. Hơi thất vọng vì giá quá cao, mặc dù đã có người phát tâm cúng, nhưng lúc đó chúng tôi cũng chưa biết nhiều về giá trị của đá, nên thôi có ý tìm nơi khác. Tình cờ, Thầy Hiển có một người quen chạy xe cẩu cho biết, anh hay cẩu đá cho cơ sở làm tượng. Chúng tôi tìm đến cơ sở đó thì thấy họ đang tạc tượng ngay Nhà Văn hóa (nhà Chú Hỏa lúc trước) cho trụ sở Nhà Hát Lớn. Thấy có thể đặt niềm tin (trước đó chúng tôi cũng đến một cơ sở đá khác và đã đồng ý giá 20 triệu. Sắp đặt tiền cọc thì có người cho biết là cơ sở đó sắp dẹp tiệm vì chính người đó cũng có đặt hàng đã lâu mà không thấy làm đành bỏ cọc, nên chúng tôi rút lui) chúng tôi hỏi giá thì được trả lời là 15 triệu. Quá mừng trước một giá quá rẻ như vậy nên đồng ý liền và yêu cầu họ làm rỗng để bớt trọng lượng có thể khiên lên núi được. Song họ chỉ đục rỗng tòa sen chứ không đục rỗng tượng được sợ dễ bể. Hẹn tới hẹn lui mấy lần, cuối cùng cũng đến ngày giao. Lên thấy tượng Phật, chúng tôi không hoan hỉ chút nào. Đá thì xấu, mà thân thì không cân đối, đầu và mặt cũng vậy. Lỡ rồi đành chở về nhưng trong ý không muốn đem lên Vạn Linh. Và chúng tôi đã cúng Tượng lại cho một chùa khác. Lúc nầy, chúng tôi đã quen với Hữu nhiều. Hữu rất mến chúng tôi, nhất là biết Thầy Hiển cũng có khiếu về


Đổ tiếp phần sau và phần hông còn lại

điêu khắc. Thế là chúng tôi gợi ý với Hữu là phải làm một tượng Phật để đền lại cho chùa vì lúc trước không biết giá trị đã đặt lầm, và yêu cầu Hữu chỉ lấy giá 15 triệu thôi vì chúng tôi đã mất hết 15 triệu rồi. Hữu đồng ý. Hữu có tâm sự vì đã mến quý Thầy nên giá nào cũng làm. Hữu cho biết rằng đá trắng có rất nhiều thứ, tiền nào của nấy. Đá mà Hữu làm cho chùa là đá rất tốt, giá 15 triệu là không đủ tiền đá nhưng Hữu chấp nhận. Tạc xong với mắt chúng tôi là thấy quá đẹp rồi nhưng với mắt nhà nghề của Thầy Hiển, Thầy chưa chịu. Thầy làm một tượng mẫu bằng xi măng đem qua cho Hữu sửa lại. Hữu cũng vui vẻ sửa lại theo tượng mẫu đó và khỏi phải nói, ai thấy tượng Phật cũng đều hoan hỉ.

Khi đặt tượng Phật bằng đá, chúng tôi chỉ nghĩ đơn giản là họ sẽ đục rỗng được để giảm trọng lượng có khiên lên núi được. Bây giờ thực tế là tượng không đã 1 tấn 5 không kể tòa sen. Như thế không cách gì khiêng được. Chúng tôi nghĩ đến phương tiện máy bay, bèn liên hệ thì được biết rất nhiều tiền và điều khó nhất là phải bảo đảm an toàn nơi đáp. Thế là chịu phép.

Nhưng lỡ đã làm rồi, chúng tôi phải tìm đủ mọi cách để đem tượng lên. Nghe nói lúc xưa có con đường xe lên núi, từ khi bị đá chày bỏ hoang luôn đến bây giờ. Chúng tôi cũng nghe chính quyền cũng định phục hồi lại nhưng chưa đủ điều kiện. Chúng tôi đi tham quan thử thì thấy thực là khó. Nhiều nơi sát vách núi và sâu xuống. Có nơi đá lớn lăn chắn ngang con đường. Có những đoạn dài sạt lở đi bộ còn khó huống là xe. Có một số Phật tử ở Châu Đốc hứa với chúng tôi, chỗ nào không qua được sẽ làm cầu treo. Khó thì thật là khó đó, nhưng một lòng quyết muốn đem cho bằng được tượng


Chư Tôn Đức tụng kinh cầu nguyện trong chùa Lá



Phù điêu đức Quán Âm đứng đầu rồng được tạc bằng đá cẩm thạch trắng.

Phù điêu đức Địa Tạng cưỡi Đề Thính cũng được tạc bằng đá.

Phật bằng đá lên núi, chúng tôi hạ quyết tâm đi làm đường. Việc không đơn giản, không phải muốn làm là làm. Chúng tôi nghĩ chỉ báo với Ban Ấp là được. Nhưng không phải thế. Vì làm đường trên núi nó ảnh hưởng về nhiều mặt như quốc phòng, sạt lở, môi trường, cháy rừng v.v... Vì thế, yêu cầu chúng tôi phải làm đơn để được xét duyệt. Chúng tôi làm đơn xuống xã, xã chuyển ra huyện, huyện hỏi ý kiến tỉnh, cuối cùng cũng được. Trước khi thi công, xã cử một cán bộ đi cùng Thầy Trụ trì suốt con đường và trình bày cách xử lý những nơi khó khăn, ghi vào một biên bản để nghiên cứu xem có ảnh hưởng về mặt nào không và đã chấp thuận cho chùa làm. Chúng tôi còn lên xuống nhiều lần nghiên cứu và liên hệ những chủ đất đoạn đường sẽ xuyên qua, vì có đoạn quá xấu không thể thi công được. Sau khi thỏa thuận các nơi, chúng tôi chọn ngày vía đức Phổ Hiền khởi công. Cúng vía xong, 02 giờ 30 chiều 21 tháng 02 âl 1998, chúng tôi bắt đầu từ dốc chùa Phật Lớn. Chúng tôi chọn phương án của Thầy Trụ trì là làm từ trên xuống thì mỗi ngày mình sẽ là người đầu tiên đi trên những con đường được tưới bằng mồ hôi của mình. Công việc ban đầu tưởng là phức tạp, nhưng khi thi công nhiều sáng kiến được áp dụng. Con đường như thế cứ mỗi ngày một dài ra. Dân núi nghe mở đường rước Phật lên cũng đồng tình ủng hộ và giúp đỡ rất nhiều. Đến dốc Bốn Ngàn, tiến độ khựng lại thấy rõ. Nhìn cái dốc thẳng đứng lôm chôm đá đâm thẳng vào một quán cất ngang đường, chúng tôi tưởng chừng như không cách gì xe qua được. Chúng tôi phải vạt những tảng đá nhô lên cao, sắp lại những tảng đá nằm khơi trên đất, chỉ cần những xúc chạm hơi mạnh sẽ lăn xuống dốc. Những nơi nầy, chúng tôi phải trộn bê tông đổ để giữ đá lại. Từ đó trở

xuống gặp rất nhiều khó khăn, phải cần đến sự chẻ đá. Vì có nhiều đá lớn lăn chắn ngang đường. Hoằng Chánh phụ trách khâu nầy vì trước đã có từng làm qua. Chính nơi đoạn dốc nầy, Thầy Hoằng Xưng xém bị đá lăn trúng. Thầy đang xuống dốc phía trước, đá bị động lăn sau lưng nhưng gần đến Thầy lại quẹo qua hướng khác. Đục đá xong, có nơi lăn xuống được, có nơi không dám lăn vì sẽ đi tuốt xuống nhà dân. Chúng tôi phải dùng đến hai ba lăng để đưa đá xuống rồi dùng đá chêm cho đứng lại. Hoằng Kim đã phụ trách phần nầy rất tích cực. Nói chung, mọi người đều tận tâm tận lực. Mặc dù

chuyển xuống nhà Chú 5 Vệ. Năm nay hạn, nên vấn đề nước rất khó khăn. Chiều nghỉ, đi tắm cách đó 1 km. Tắm về mỗi người phải xách một can nước để có xài. Chú 5 Vệ đã giúp chúng tôi rất nhiều. Rảnh chú vác cuốc phụ chúng tôi, thím thì phụ nấu nướng với Ban Hậu Cần. Có lúc chú dùng xe chở nước cung cấp cho chúng tôi. Cuối cùng rồi chúng tôi cũng nối được với đường thông ra lộ.

Khi bắt đầu thi công con đường, Thầy Hoằng Tri đã nhờ mua một chiếc máy cày nhỏ hai cầu và đặt làm một cái rờ mọt để khi đường xong sẽ sẵn sàng thử nghiệm. Chiều nào chúng tôi cũng về chùa (nhóm



Xe cải tiến đưa Hòa Thượng xuống núi.
Dãy nhà sau lưng xe là khu bếp vừa hoàn thành

dưới sức nắng rất gay gắt của tháng 03 tháng 04, nhiều nơi không chỗ trú nắng phải ăn nửa buổi giữa đường. Bắt đầu từ dốc Bốn Ngàn, đã cách khá xa chùa nên chúng tôi cho một số ở lại quán để đỡ mất thời gian. Rồi thì mọi khó khăn đều được khắc phục, chúng tôi tiến dần đến quán Cô Đơn, thác Ba tầng, dốc Cây Cờ, hang Ông Hổ, dốc 2000, trạm Kiểm Lâm (Chú 5 Vệ). Từ dốc 2000, số ở lại và Tổ Hậu Cần

đi về). Đường tuy xa và lên dốc nhưng so với cái mệt của đưa cuốc lên, hạ cuốc xuống, xúc đất, khiên đá thì quá là nhàn nhã. Trên con đường về giờ đây phẳng phiu uốn lượn theo vách núi. Bên đường, từng chùm hoa đỏ chói của cây dong trên cành trụi lá làm nổi bật hẳn giữa một vùng rừng cây xơ xác dưới sức nóng thiêu đốt của mặt trời mùa hạ như nói lên một điều: thành quả nào đạt được cũng phải trải qua nhiều gian nan thử thách, kiên trì. Và trong

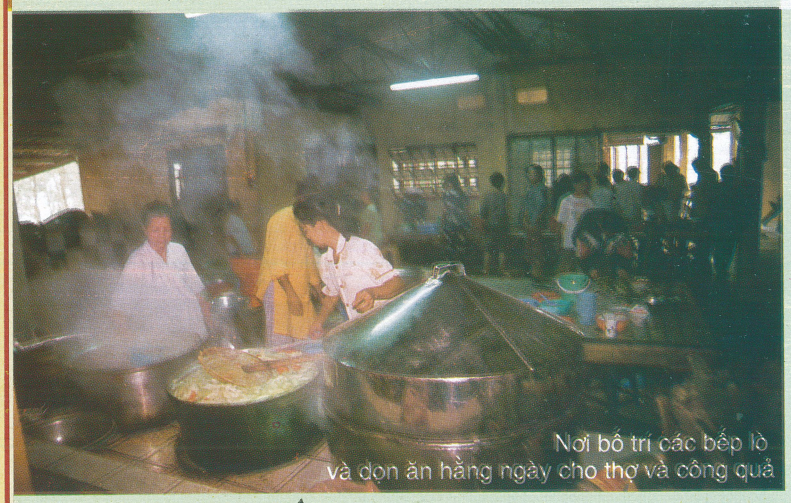


Kho nhà bếp có các dãy kệ và bộ sạp

tận cùng của sự hủy diệt, vẫn còn mầm sống và sẵn sàng nở hoa. Lòng nhẹ nhàng trào dâng niềm hỉ lạc, cảm nhận được sự vi diệu của Phật Pháp.

Và rồi màu xanh của sự sống, như chiếc áo mới phủ lên núi rừng sau những cơn mưa đầu mùa, khiến cho mọi người cảm thấy tươi mát lên và tràn đầy hi vọng. Ngày mong đợi cũng đã đến.

Trưa ngày 16 tháng 04 âl 1998, một chiếc xe tải lớn đưa vật liệu xây dựng, một xe máy cày nhỏ và rờ mọt cùng hai bức



Nơi bố trí các bếp lò và dọn ăn hằng ngày cho thợ và công quả

phù điêu Quán Âm, Địa Tạng bằng đá. Thầy Hoằng Hiển đã xuống ráp xe, móc rờ mọt vào chạy thử. Do đầu xe quá nhỏ, mà rờ mọt lớn và nặng nên chạy đất bằng thì được, còn bắt đầu lên dốc nó chỉ cất đầu lên chứ không chạy được. Đó chỉ là rờ mọt không chưa nói đến có đồ. Mặc dù không sử dụng được như ý định nhưng chúng tôi cũng tận dụng phương tiện. Vì nhận thấy rằng sở dĩ xe cất đầu là vì không cân bằng. Trước quá nhẹ mà sau thì cồng kềnh trong khi đang lên dốc. Nên Thầy Hoằng Hiển liền hàn nối ráp tạo cho xe một thùng phía trước và một thùng phía sau. Chúng tôi thử tải người trước, lớp đứng lớp đeo trước 7, 8 người, sau 7, 8 người và chạy thử thì thấy đạt yêu cầu. Vì thế, chúng tôi cho chất một số bao xi măng phía trước tương đương sức nặng của bức phù điêu và để nó phía sau. Xe bắt đầu chạy và lên đến chùa an toàn.



Khu nhà ăn dọn cho khách mới làm thêm sau này

Đó là sáng ngày 20 tháng 04 âl 1998. Đây là chuyến xe đầu tiên đã tải phù điêu đức Quán Âm lên chùa, mở màn một tương lai cho vùng núi có phương tiện cơ giới. Hôm đó thực sự như là một ngày lễ hội, Phật tử và dân chúng theo ủng hộ rất đông. Hai bên đường và đủ loại hoa rừng như bằng lăng, hoàng yến được mọi người hái cắm đầy xe. Xe cứ từ từ vượt dốc lên núi. Tiếng gầm của máy xe hòa lẫn với tiếng niệm danh hiệu Bồ-tát vang động cả núi rừng. Như vậy là sau hai tháng thi công, con đường coi như đã hoàn thành cơ bản, có khả năng chuyển tượng Phật lên. Vấn đề được quan tâm bây giờ là làm sao phải tìm một chiếc xe cải tiến hai cầu có số mạnh, trọng tải khoảng hai tấn mới có khả năng đưa tượng lên vào dịp giỗ Tổ 23-24 tháng 11 âl 1998 nầy. Chúng tôi liên hệ với anh Minh cơ khí ở giồng Ông Tố đặt làm một xe



Đức Phật được tạc theo mẫu thầy Hoằng Hiển

cải tiến với yêu cầu trên. Anh đã mua một sườn xe ô oát cũ và tiến hành lắp đặt.

Trở lại vấn đề xây dựng. Đầu tháng 05 âl 1998, chúng tôi khởi công ban đất khu đồi bên hông chánh điện để làm Tăng xá. Đồng thời đến 21 tháng 05 âl 1998, khởi công xây dựng Tháp Tổ. Đến vía đức Quán Âm 19 tháng 06 âl 1998 là ngày hoàn thành khu nhà bếp đưa vào sử dụng. Cũng nhân dịp vía nầy, số tập sự được xuất gia đến bảy người, đông nhất trong các kỳ cho xuất gia trước và sau nầy. Công việc ngày càng bề bộn từ đây đến giỗ Tổ. Nào là xin phép tổ chức giỗ rước Phật lên, lo chỗ ăn ở của khách trong những ngày đó vì tiên liệu sẽ rất đông; nào là phải thi công gấp rút cho xong phần cơ bản Tháp Tổ để đưa linh cốt Hòa thượng Khai Sơn về nhập Tháp. Nào là phải tìm người thân của Sư cố ở Bến Tre để viết chính xác tiểu sử của Hòa thượng Khai Sơn; nào là phải mở rộng và sửa chữa lại con đường sau một mùa mưa bị trôi hết đất v.v... đủ thứ chuyện. Chúng tôi chia ra từng nhóm để phụ trách từng khâu. Nhất là khâu làm đường. Lúc trước vì làm cho xe máy cày nhỏ chạy nên đường hẹp. Bây giờ xe cải tiến chắc chắn là phải lớn hơn, cao hơn. Vì thế phải nới đường rộng ra thêm. Thương lượng với các quán giữa đường, quán nào có khoảng cách cột hẹp quá xin nới ra và xà ngang thấp quá xin dời lên cao.

Đầu tháng 10 âl 1998, xe cải tiến làm xong, được xe tải chở lên đến chân núi cùng với bức phù điêu khắc hình Sư cố dựa theo cảnh Tổ Huệ Viễn. Bức phù điêu nầy nặng hơn đức Phật. Vì thế, chúng tôi cho chở thử lên trước. Nếu chở bức nầy lên nổi thì đức Phật coi như nhẹ nhàng. Thực sự thì



Đức Phật ngồi trang nghiêm dưới cội Bồ-đề, hào quang rực rỡ

xe rất yếu nhưng cũng đi được, đến mấy dốc cao thì như bò không nổi phải phụ dây kéo và sức người đẩy. Đến dốc Bốn Ngàn thì không sao lên nổi. Chúng tôi phải đưa máy cày xuống kéo dây phụ, ì ạch lắm mới lên được, rồi bò từ từ cũng đến chùa. Lên đến chùa là hư luôn không chạy được nữa. Thầy Hiển lo phụ đưa bức phù điêu Sư cố lên vách Tháp mấy ngày sau mới xong. Thầy dùng xe máy cày nhỏ kéo xe ra Vĩnh Trung, chỗ Chú Hai vá vỏ để làm lại. Tìm mua thêm hộp số mạnh, xả các bộ phận ra, rồi ráp lại có thêm hộp số mạnh đó. Vừa xong là đến đúng ngày giỗ. Đem xe vào nhà chú Út chỗ để tượng Phật đã được đưa lên trước. Thỉnh Phật lên xe sẵn


Phù điêu tạc hình HT. Khai Sơn theo cảnh Tổ Huệ Viễn

sàng và chờ đoàn xe thỉnh linh cốt Hòa thượng Khai Sơn đến là bắt đầu lăn bánh.

Thầy Trụ trì hướng dẫn đoàn xe khởi hành từ chùa Vạn Đức, ghé vào chùa Huệ Nghiêm ở An Dưỡng Địa để cung thỉnh linh cốt của Hòa thượng Khai Sơn chùa Vạn Linh. Hòa thượng Vạn Đức đi trước hai ngày đã căn dặn Thầy Trụ trì rất kỹ là đem theo một cái đãi dư để khi vào thỉnh hũ cốt


Hòa thượng lên trước đang đi dạo vườn sầu riêng gần giếng nước mới

xong để vào bị và luôn luôn đeo vào cổ cho đến khi đặt lên bàn thờ. Vì Hòa thượng sợ chúng tôi đi đêm buồn ngủ hay lơ đễnh có thể làm rơi bể thì quả là không hay chút nào. Đeo vào cổ là chắc cú và Thầy Hoằng Tri đã làm đúng y như vậy.

Chúng tôi đi sau, khoảng 05 giờ sáng ngày 23 tháng 11 âl 1998, các đoàn xe lần lượt đến điểm. Có xe không biết đã chạy vào đường đi bộ lên nấc thang. Ổn định xong đúng 06 giờ, xe chở Phật bắt đầu nổ máy, các hoa rừng đã được chú 5 Vệ và các em nhỏ cắm đầy xe và bắt đầu chuyển bánh.


Hòa thượng đi bộ lên trước 2 ngày, vẫn còn khỏe đi dạo vườn



Xe vượt dốc đá lổm chổm



Hoa rừng được cắm lên đầy xe để bày tỏ lòng chân thành của người dân núi rừng



Xe trèo hết dốc này đến dốc khác



Đoàn người theo sau rất đông



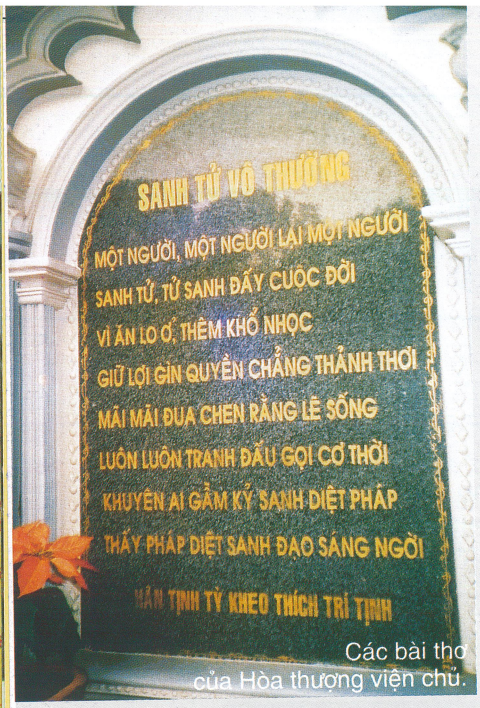
Đông đảo Phật tử và dân núi đứng trên bờ đất chờ đón Phật về

Thầy Trụ trì đeo bị hũ cốt đi theo sau, đoàn người nối đuôi theo dài dài và rớt lại lần lần. Tiếng niệm danh hiệu đức Bổn sư râm ran. Ban đầu còn vang dậy, lần lần yếu dần, càng lên dốc càng mệt, càng thở không còn sức niệm nữa. Hoa được các em hái dọc theo đường cắm thêm vào. Mấy anh quay phim nhiếp ảnh chạy lên trước, thỉnh thoảng ánh đèn máy ảnh lại chớp lên. Cứ thế, xe từ từ tiến lên qua dốc Bốn Ngàn, qua đến khu dân cư. Mọi người đứng hai bên đường đông nghẹt chấp tay thành kính. Có nơi lập bàn hương án, đèn nhang hoa quả cúng dường. Nhất là gia



Thầy Hoằng Tri đeo hũ cốt HT. Khai Sơn theo sau xe như lời Hòa thượng dạy

đình chú Năm Chuột, áo dài khăn đóng chỉnh tề cùng vợ con quỳ lạy trước bàn hương án khói hương nghi ngút. Qua khỏi đó một chút, xe có trục trặc. Hoằng Chánh lái xe tránh một cục đá nhưng tay lái không ăn lắm vẫn leo lên đá. Xe dừng lại kiểm tra không thấy dấu hiệu gì nên lên xe chạy tiếp. Về đến chùa an toàn. Số người đứng trên bờ đất trước chùa đón Phật về đông nghịt. Sau khi đưa Phật xuống trước hiên chùa, chúng tôi kiểm tra lại xe thì phát giác ra sáu bù lon bánh trước đã bức đi năm



Các bài thơ của Hòa thượng viện chủ.

con chỉ còn một. Thật là nhờ Tam Bảo gia hộ tượng Phật về đến nơi an toàn. Thầy Hoằng Tri thỉnh hủ cốt để lên bàn thờ xong đãnh lễ rồi lui xuống. Mọi người tạm nghỉ ngơi dùng cơm vì cũng đã gần mười một giờ rồi. Số người rơi lại phía sau cũng lần lượt đến đông ngoài mức dự định.

Ba giờ rưỡi chiều, chư Tăng làm lễ khai kinh cầu nguyện. Buổi lễ hiện diện đông đảo chư Tôn túc. Thật ra, vì xây dựng chưa hoàn chỉnh, chỗ nơi còn chật hẹp nên chúng tôi không dám cung thỉnh quý Ngài. Nhưng do cảm đức Hòa thượng nên quý Ngài tự động đăng sơn tham dự thật là đông đảo. Nhất là Hòa thượng An Phước, trưởng Ban Trị Sự Tỉnh đã chín mươi tuổi mà Ngài cũng nhất quyết đi bộ không chịu võng. Thượng tọa Minh Thành, Nhựt Quang, Minh Cảnh, Chơn Lạc, Thiện Nhơn, Thiện Trung v.v... đã xếp lại Phật sự của mình chịu khó leo núi về đây dự lễ. Tám giờ sáng hôm sau, lễ chính thức bắt đầu. Trong ngôi chùa Lá ộp ẹp, chư Tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa thành kính niệm hương đảnh lễ xong, hủ cốt được đưa vào Tháp hoa do Thầy Trụ trì bưng thỉnh từ chùa Lá ra Tháp Tổ và đưa lên an trí trên bệ thờ tầng giữa của Tháp. Tầng trên hết là thờ Phật, dưới cùng là dành cho chư Tăng trong chùa. Sau khi an trí hủ cốt, Hòa thượng Vạn Đức đích thân nguyện hương bằng những lời chân thành tha thiết như sau:


Tầng trên cùng của tháp thờ đức Thích-ca bằng đá

Nam mô Khai Sơn Viện Chủ Vạn Linh Tự Đại Lão Hòa thượng thượng THIỆN hạ QUANG, húy HỒNG XƯNG, linh giác thùy từ chiếu giám.

Hôm nay, hàng đệ tử đệ tôn của Đại Lão Hòa thượng trùng hưng Vạn Linh Tự, xây dựng Bảo Tháp cung thỉnh linh cốt của Đại Lão Hòa thượng về an trí tại đây. Ngưỡng mong linh giác Hòa thượng thùy từ chiếu giám cho lòng thành của hàng đệ tử đệ tôn của Lão Hòa thượng. Ngưỡng mong linh giác Đại Lão Hòa thượng gia hộ cho hàng đệ tử đệ tôn cũng như tất cả thiện nam tín nữ, mọi người đều được chướng nạn tiêu trừ, thiện căn công đức mỗi ngày một tăng trưởng. Đạo tâm của tất cả mọi người càng ngày càng kiên cố, vững bước trên đường đạo, chánh pháp được trường tồn.

Ngưỡng mong linh giác Đại Lão Hòa thượng thùy từ chứng giám!

Ngưỡng mong linh giác Đại Lão Hòa thượng thùy từ chứng giám!

Ngưỡng mong linh giác Đại Lão Hòa thượng thùy từ chứng giám!

Hòa thượng đảnh lễ rồi lui ra. Chư Tăng tụng thời kinh ngắn niệm Phật nhiễu Tháp và hồi hướng. Sau đó, Thượng tọa Minh Cảnh thay mặt chư Tăng đọc lại tiểu sử của Hòa thượng Khai Sơn (tiểu sử nầy đã được bổ sung đầy đủ sau khi Thầy Trụ trì đã đi Bến Tre tìm gặp được người con của Hòa thượng, người con nầy với các cháu có lên dự giỗ). Cuối cùng, Thầy Trụ trì thay mặt bổn tự đọc lời cảm tạ. Lời văn mộc mạc chân thành, làm cảm động lòng mọi


Tầng giữa của tháp là nơi an trí linh cốt của HT. Khai Sơn

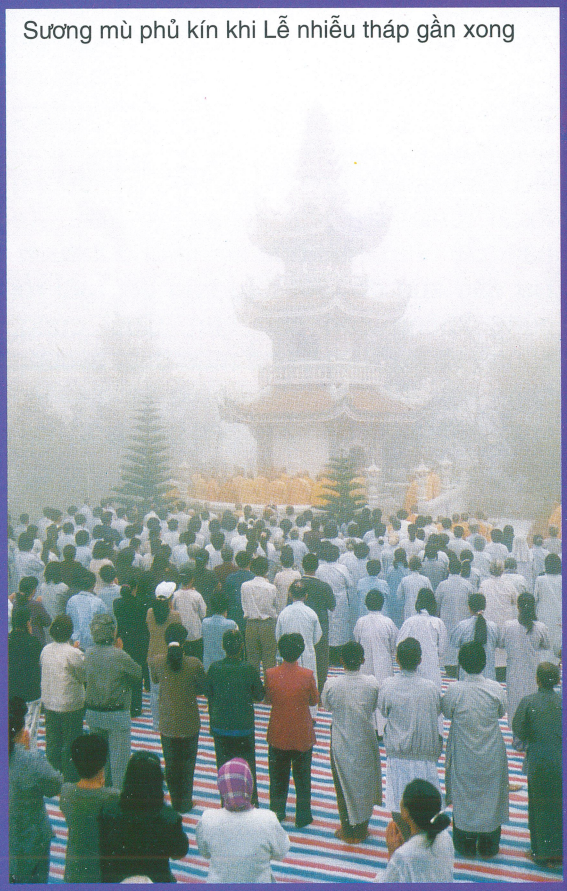


Thiết Mộc Lan trổ hoa đúng ngày giỗ Tổ

người khiến cho buổi lễ dù có nhiều khiếm khuyết đều biến thành hoan hỉ cảm thông. Một bức ảnh kỷ niệm được chụp chung hai vị Hòa thượng và chư Tăng Ni hiện diện. Buổi lễ quá trang nghiêm thành kính, cảm đến trời đất. Lễ vừa xong, bỗng chốc sương mù từ bốn phương kéo đến giăng kín không gian, đứng cách vài mét không nhìn thấy rõ. Cả đến cảnh vật cũng nghiêng mình chuyển biến. Nguyên hàng cây Thiết Mộc Lan (Phát Tài) trồng dọc theo đường đều trổ hoa ngay ngày giỗ, cả đến cây nhỏ và cây trong chậu cũng thế. Tối đến, mùi hương thơm ngát cả một vùng. Buổi lễ tuy đã trôi qua, nhưng đã để lại trong lòng mọi người một ấn tượng khó phai. Thế là sau bốn mươi lăm năm rời núi, linh cốt Hòa thượng Khai Sơn mới được chính thức trở về nơi chùa xưa đất cũ, đánh dấu một bước ngoặc mới: chùa được trùng hưng ứng với lời huyền ký, nay đã thành hiện thực. Mọi người xuống núi ra về, lòng tràn đầy hỷ lạc.

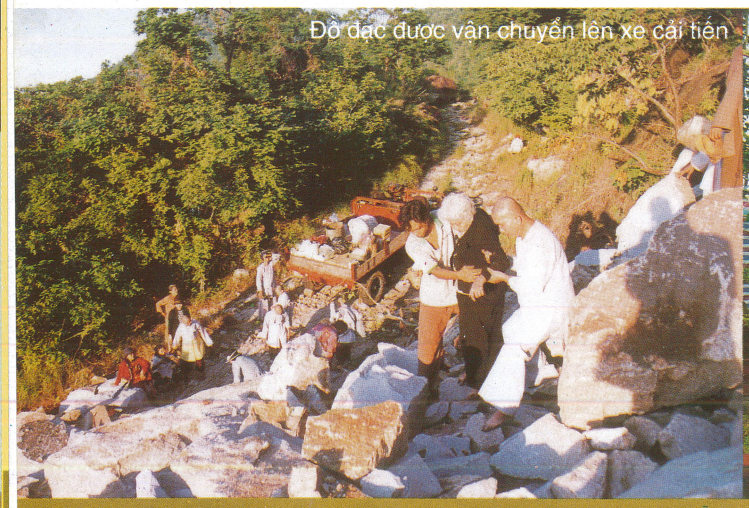
Lại một năm nữa đã đi qua với Tết núi lặng lẽ. Đầu năm 1999, vấn đề vận chuyển vật tư và thực phẩm ngày một dễ dàng hơn. Đá hoa cương được xe máy cày chuyển lên để lót khu chánh điện nhà Tổ thay cho gạch Thạch Anh vàng đã gánh lên trước. Gạch Thạch Anh đã được chuyển ra lót hành lang. Nương theo đường xe chùa chạy, những chuyến xe ôm của dân núi bắt đầu lăn bánh. Ban đầu còn ít, từ từ đông lên, phải sắp tài. Nhưng họ chỉ chạy được từ dốc Bốn Ngàn đổ lên chứ khúc dưới không cách gì chạy được vì đá rất lôm chôm. Ai đã từng đi xe cải tiến của chùa thuở ấy cũng phải sửng sốt. Khi xe bắt đầu thực sự vào đường núi họ đã buột miệng nói: "Như vầy là đường sao!". Ấy vậy mà chiếc xe cứ từ từ chồm lên bò hết cục đá nầy đến cục đá khác. Nhất là khi đến cái quán đầu tiên ngay dốc Bốn Ngàn, cái quán nầy chắn ngang đường. Tưởng có đường vòng nào khác. Nhưng lại gần thì một bên là vách núi, một bên là vực thẳm. Xe chạy thẳng vào quán chui qua bếp lấy hết lái qua trái

Sương mù phủ kín khi Lễ nhiễu tháp gần xong



rồi trả lại hết bên mặt ra khỏi quán và bắt đầu lao dốc mệnh danh là dốc Bốn Ngàn (cách đường lộ xe 4.000m), là dốc thẳng đứng nhất. Lên hết dốc, mọi người mới hoàn hồn. Tài xế chỉ cần sai lệch một chút là sẽ cọ vào cột nhà. Mà các quán nầy chỉ cất tạm bợ, nếu xe cọ vào có thể mang nợ: sập nhà. Lên đã như thế xuống còn ớn lạnh hơn. Vì khi lên, dù rất dốc nhưng chưa có ấn tượng lắm. Khi đỗ dốc chúng ta mới cảm nhận hết độ trút xuống của nó. Đã vậy lại đâm thẳng vào quán. Vừa gài số mạnh kềm lại, vừa đạp thắng xe từ từ xuống lượn qua lượn lại trong quán và ra ngoài rất xít xao. Ai đã đi qua thật thấy thương chiếc xe vô cùng và nể phục tài xế không bằng lái sát đất. Sau nầy, chúng tôi có sắm thêm một chiếc máy cày lớn hơn cũng thiết kế như xe nhỏ để chở đồ. Còn chiếc xe cải tiến đi được một vài chuyến nữa cũng nằm ì luôn không sử dụng được nữa. Dường như nó chỉ có trách nhiệm đưa Phật lên là rồi. Sau nầy, chúng tôi tìm mua được xác một chiếc xe tải hiệu IFA hai cầu máy xăng đã bỏ mấy năm không sử dụng, phải nhờ xe kéo về chùa Vạn Đức để làm lại. Chúng tôi đổi máy dầu và tu sửa lại rồi đưa lên núi chạy rất tốt. Nhưng do đường quá xấu, cứ qua một mùa mưa, đá lại lồi lên lổm chổm hơn. Vì không có đường thoát nước nên phá đường rất mau. Xe nay gãy nhíp, mai bức láp, mốt đứt sườn. Hư đâu sửa đó, đứt đâu hàn đó, mãi rồi cũng không còn chỗ hàn. Cuối cùng, chúng tôi về Thành phố mua thiết bị cứng chắc hơn làm lại toàn bộ xe và đưa lên chạy tương đối bền cho đến bây giờ. Việc tu sửa nầy hoàn toàn do Hoằng Chánh trực tiếp làm tại chùa. Vì lúc trước đã từng có kinh nghiệm qua, nên làm không thua bất cứ người thợ giỏi nào. Thêm vào đó, tự mình đích thân sử dụng nên trải qua mọi tình huống, rút thêm nhiều kinh nghiệm thực tế, nên làm xe đạt yêu cầu. Mọi người nhìn thấy chiếc xe thô sơ cõng một số vật tư hai ba tấn chạy trên đường dốc lôm chôm không khỏi lắc đầu thán phục. Còn con đường do xe Honda chạy càng ngày càng nhiều, nên những chủ đất trước đây cho chùa tạm làm đường chạy qua, sợ sau nầy đất của mình thành đường công cộng nên không cho sử dụng nữa. Chúng tôi phải mất một thời gian đi mở lại đúng theo dấu đường cũ. Do lúc trước thấy quá khó nên tạm nhờ đất tư nhân. Và con đường đó bây giờ đã được nhà nước làm lại to rộng hơn, qui mô nhưng đến nay đã trên sáu năm rồi mà còn chưa hoàn thiện. Nếu theo tiến độ như hiện nay, có lẽ cuối năm nay sẽ đưa vào sử dụng.

Vía đức Quán Âm 19 tháng 06 âl 1999 năm nay, Ban Trị Sự Tỉnh có mở Giới Đàn. Chùa cho mười lăm huynh được thọ giới Sa-di và cho một số tập sự về làm lễ xuất gia với Hòa thượng. Sau khi thọ giới, chúng tôi đã thỉnh Thầy Hoằng Triệu mỗi tháng lên năm ba ngày để dạy luật cho các huynh. Đồng thời do chúng đông nhiều phức tạp nên cuối năm, chùa soạn Thanh Quy trình lên Hòa thượng xét duyệt và áp dụng lễ Thỉnh nguyện mỗi nửa tháng. Nhờ thế khắc phục được những tệ hại vừa phát sinh. Mãn Hạ năm nay, chùa có cho một số huynh đệ về Vạn Đức dự học các lớp Phật học. Chúng tôi nhận thấy rằng sự học hiện nay chưa tổ



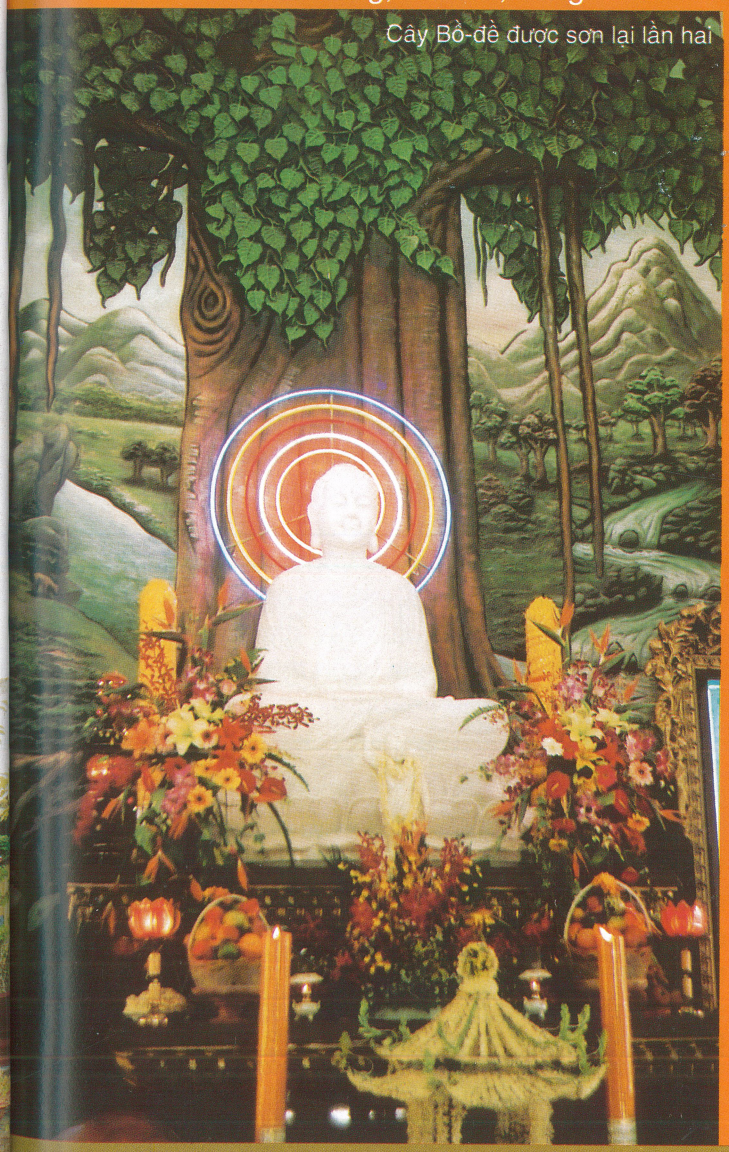
Đồ đạc được vận chuyển lên xe cải tiến



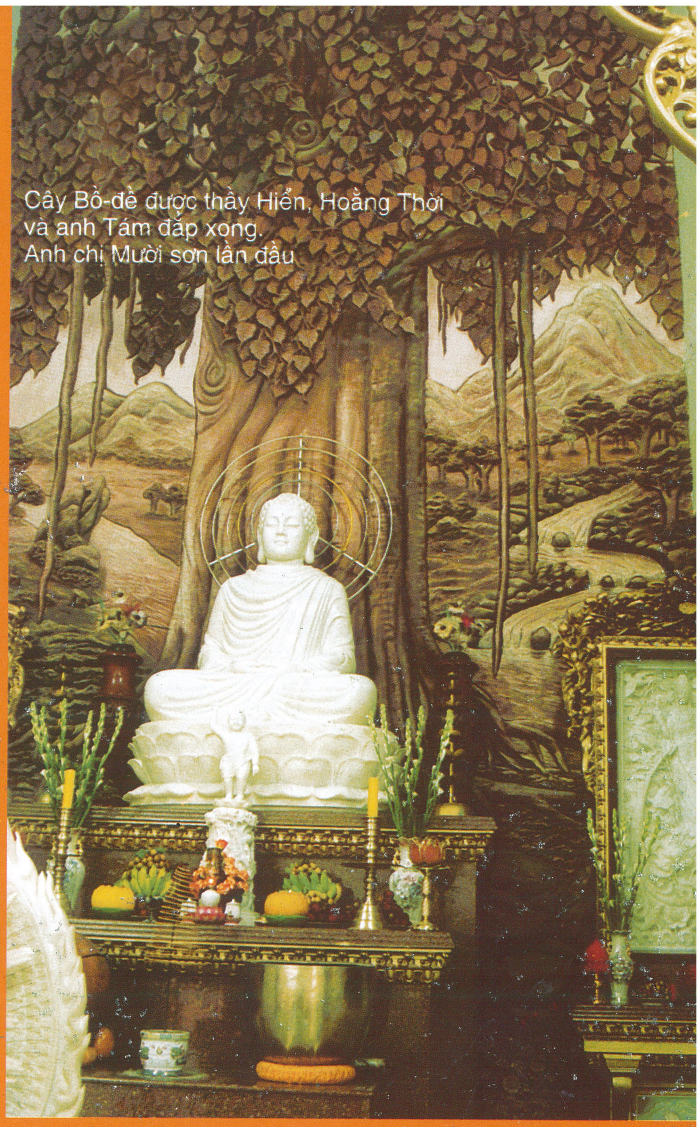
Đại chúng Vạn Linh có 15 vị được cho phép thọ Sa-di tại Đại giới đàn chùa An Phước

chức được nội trú nên hiệu quả chưa tốt. Đến trường thì chùa không kiểm soát được. Về chùa thì trường không kiểm soát được. Vì thế, thu thập cái tốt thì ít, mà nhiễm cái xấu lại nhiều nên sau nầy, chúng tôi chủ trương cho chúng học tại chỗ, không cho về Thành phố nữa.

Về phần trang trí, Thầy Hiển dồn nỗ lực cùng anh Tám và Hoằng Thời hoàn thiện cây Bồ-đề vào cuối năm 1998. Đầu năm 1999, vợ chồng anh Mười họa sĩ lên sơn. Ban đầu, vì là tác phẩm phù điêu nên chúng tôi muốn sơn nghệ thuật một màu, chỉ chấm phá đậm nhạt thôi. Chúng tôi chọn màu nâu. Sau nầy, Hòa thượng lên xem không đồng ý nên nhờ anh sơn lại màu đúng với thực tế như hiện nay. Bên cạnh đó, các hoa văn hành lang, các đầu đao mái cong, consol, rồng v.v... nói



Cây Bồ-đề được sơn lại lần hai



Cây Bồ-đề được thầy Hiển, Hoằng Thời và anh Tám đắp xong. Anh chị Mười sơn lần đầu

chung những tác phẩm về trang trí lần lượt được Thầy Hiển thực hiện. Cái nào nhiều thì làm khuôn cho thợ hay công quả đổ ra, cái nào ít thì đắp tại chỗ. Thầy còn đắp một bao lam lớn trước bàn Phật, đường nét tinh xảo như gỗ, nhìn vào không ai biết là xi măng. Đến 19 tháng 03 âl 1999, Thầy làm dàn giáo đưa Phật lên bệ thờ an toàn. Xong, nhóm thợ lo việc dán các tấm đá lớn vào các mặt bàn thờ, còn Thầy Hiển làm các hoa văn chung quanh.

Mặt khác, trên nóc có Thầy Ngữ chỉ huy công việc dán ngói cũng được tiến hành. Một mình Hoằng Thời đã lợp xong hết các mái, chỉ còn sơn B nữa là xong.

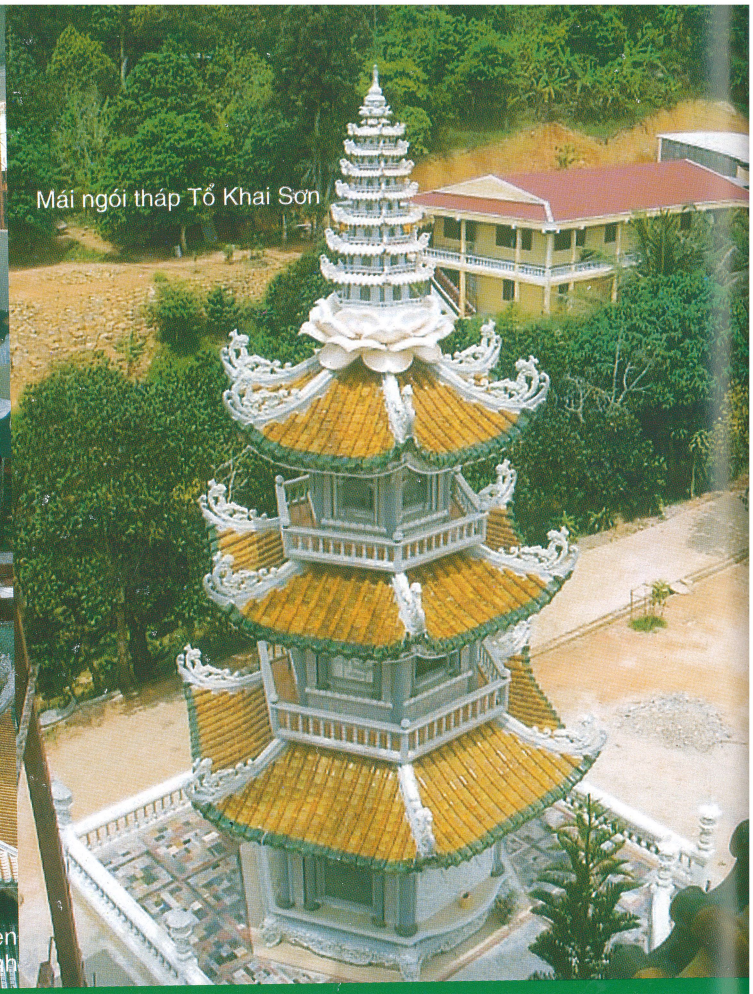
Mãn Hạ năm 1999, nhà Tăng đã hoàn thành. Tăng chúng được chuyển lên chỗ mới rộng rãi thoải mái hơn, chia tay với ngôi chùa Lá thân thương đã đùm bọc chúng tôi qua bao mùa mưa nắng. Trong thời gian nầy, trước đó tuần lễ vào ngày 13



Bạc làm trước chánh điện được thầy Hiển đặt



Mái ngói chánh điện chùa Vạn Linh

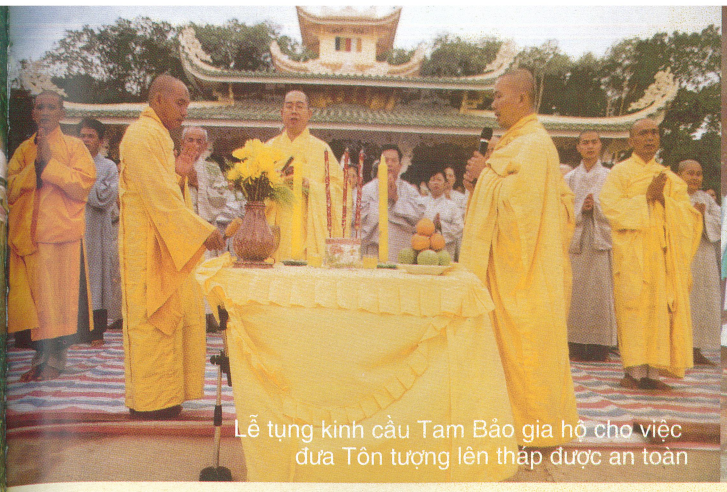


Mái ngói tháp Tổ Khai Sơn

tháng 07 âl 1999 vía đức Đại Thế Chí, ông Hải sau cơn bệnh nhẹ đã đột ngột từ trần. Thi hài ông được quàng và an táng tại nhà mồ mà lúc trước, ông đã xin với Hòa thượng để xây dựng trước. Đám tang ông cũng rất đặc biệt. Từ khi liệm, quàng lại và khi hạ xuống cũng chỉ có chỗ đó mà thôi, không dời nơi khác. Thế là ông đã được mãn nguyện. Mặc dù không được sống tới ngày An vị chính thức, nhưng ông đã thấy được ngôi chùa hình thành đồ sộ nguy nga ngoài sự mong ước, cũng như hủ cốt của Hòa thượng Khai Sơn đã đưa về nhập Tháp. Đó là hai điều hoài bão của ông nay đã thành hiện thực, không uổng công giữ đất bấy lâu nay. Công đức của ông sẽ được Tam Bảo chứng minh. Cầu nguyện ông được sinh về Cực Lạc mà hầu cận Hòa thượng Khai Sơn như thuở nào.

Đến ngày mùng 03 tháng 10 âl 1999, giỗ Sư bác Thiện Thành, Trụ trì đời thứ hai chùa Vạn Linh. Khu chánh điện đã được hoàn thành. Lễ An vị Phật được tổ chức đơn giản dưới sự chứng minh của Hòa thượng viện chủ chùa Thiền Tôn cùng sự tham dự của chư Tôn đức và Phật tử ở Thường Chiếu, Long Xuyên, Vạn Đức, Vạn Linh. Tuy đơn sơ nhưng rất trang nghiêm thành kính. Sinh hoạt tu tập tụng niệm hằng ngày của đại chúng chính thức được chuyển lên chánh điện mới. Chiều đó, ngôi chùa Lá được dở ra để làm mặt bằng cho sân trước chánh điện. Thế là qua hơn hai mươi năm tồn tại, ngôi chùa Lá mặc dù không còn hiện diện, nhưng vẫn sống mãi trong lòng mỗi chúng tôi, những người đã gắn bó từ những buổi đầu đầy gian khổ, biết bao nhiêu kỷ niệm vui buồn mà chúng tôi không bao giờ quên được.

Lễ giỗ xong, Hòa thượng gọi Thầy Hoằng Tri vào chỉ đạo: "Phía trước chùa làm cho Sư ông Tháp thờ Phật mười ba tầng cao khoảng 50m". Chúng tôi thật sự lo lắng về sự chỉ đạo nầy, vì công trình quá vĩ đại ngoài khả năng của chúng tôi. Chúng tôi đã có dự trù trong bản vẽ tổng thể một điện Quan Âm tương đương như trên Vạn Đức là cũng thấy lớn lao quá rồi. Bây giờ,



Lễ tụng kinh cầu Tam Bảo gia hộ cho việc đưa Tôn tượng lên tháp được an toàn



Đại chúng cúng thí thực trước bàn thờ ông Tiêu

Sư ông chỉ đạo như vậy làm sao không khỏi lo lắng được. Chúng tôi bàn với nhau rồi vào thưa xin Sư ông giảm bớt lại. Cuối cùng, Sư ông điều chỉnh lại thành Bảo Các Quán Âm bảy tầng không kể trệt và nóc, cao khoảng 40m. Giả sử như Hòa thượng không đổi ý, chúng tôi cũng phải thực hiện. Nhận xét công trình sau tuy kém hơn công trình trước (Tháp13 tầng), nhưng không phải là nhỏ. Vì thế, chúng tôi một mặt lo vận chuyển sắt thép, một mặt lo tập trung cát đá, một mặt nhờ Phương lên bản vẽ để tính kết cấu gấp (Phương là kỹ sư xây dựng, bạn của Thầy Hoằng Xưng lúc trước. Tất cả bản vẽ và tính kết cấu đều do kỹ sư Phương giúp, không tốn một khoản chi phí nào).



Hoa văn ở các bệ thờ nhà Tổ

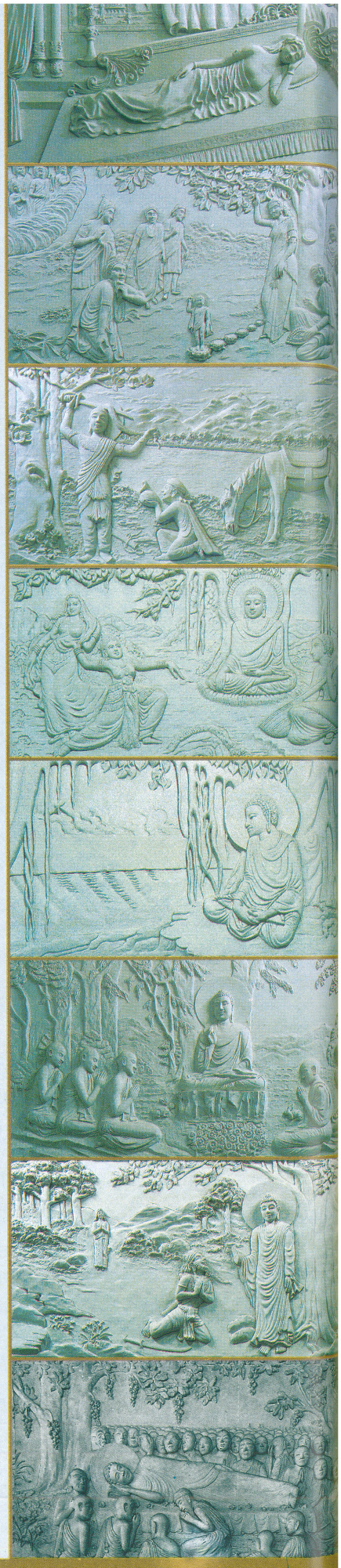
Chẳng bao lâu lại đến giỗ. Đặc biệt, năm nay do ảnh hưởng lời đồn đãi năm 2000 tận thế và ngày 24 âl lại ngay ngày 31 Tây. Có nghĩa là khuya nay là giao thừa bước qua năm 2000. Ban đầu, số người đăng ký dự giỗ khá đông, sau hồi lại chỉ còn một xe, họ sợ lên núi rồi tận thế không về được. Thành ra, giỗ năm nay hơi vắng, mọi người như đang chờ đợi một điều gì sắp xảy ra. Họ đồn đủ thứ: nào cúp điện, nào có tiếng nổ… Rồi họ dự trữ đèn cầy, đồ khô, mì gói v.v… Tuy biết rằng mọi việc đều có nhân duyên, cái gì đến sẽ đến, nhưng thấy mọi người lo lắng quá mình cũng hơi nao núng.

Chiều 23 tháng 11 âl 1999, có khóa lễ quy y. Đây là khóa lễ quy y đầu tiên do Hòa thượng viện chủ truyền tại Vạn Linh và thành lệ. Từ đó về sau, cứ đến ngày giỗ là có khóa lễ Quy y. Như thế, một năm có bốn lần Hòa thượng truyền Tam quy Ngũ giới. Ba lần vào dịp vía đức Quán Thế Âm tại Vạn Đức và một lần vào dịp giỗ Tổ ở Vạn Linh.

Giỗ xong, chúng tôi xuống núi về, xe chạy bình thường cũng chưa thấy dấu hiệu gì. Đến khoảng tám giờ tối, xe ghé quán ăn cơm, thấy truyền hình chiếu chương trình giao thừa của Úc là nước đi trước chúng ta bốn tiếng đồng hồ. Thấy họ đốt pháo bông đón giao thừa ì xèo đâu có việc gì xảy ra. Hay ông Trời tận thế theo giờ Việt Nam. Xe chạy về đến chùa đúng mười hai giờ. Mọi người xuống xe cũng mất năm, mười phút, đèn đường cũng vẫn sáng choang không có việc gì xảy ra. Và cho đến nay đã 2006. Thật là sự mê muội của con người ta, đến lúc gặp việc mới thể hiện rõ ràng. Qua Tết Tây, họ còn cho rằng đến tết ta. Vì thế, Tết năm nay dân núi đến chùa tụng kinh đón



Phù điêu tượng Hộ Pháp



Các bức phù điêu
(tám tướng thành đạo)
được hoàn thiện trước ngày An vị

giao thừa khá đông. Các tệ nạn bài bạc rượu chè giảm hẳn. Con người đứng trước một sự kiện trọng đại cũng có sự hồi tâm. Họ lên chùa tụng kinh mong có chút phước để hi vọng rằng nếu có tận thế, nhờ chút phước ấy mà gặp may mắn. Qua việc rồi, từ từ họ lại như cũ.

Qua tết, chúng tôi một mặt tiếp tục tập trung vật tư, một mặt dọn nền phía trước, để kịp đến vía đức Quán Âm 19 tháng 02 âl 2000 là khởi công.

Thật sự, chúng tôi rất lấy làm lo lắng trước công trình nầy. Tất cả những gì chúng tôi làm trước đây, dù lớn dù nhiều bất quá chỉ là thời gian và sự kiên trì thôi. Còn công trình nầy đòi hỏi một kỹ thuật cao. Lại vị trí nằm chỗ rất cheo leo: phía trước là vực sâu. Trước một sự kiện trọng đại như vậy, không gì hơn là nương vào lực của Tam Bảo gia trì. Chúng tôi thỉnh được Hòa thượng Từ Quang về chứng minh hộ niệm cho chúng tôi khởi công, nương sức Tam Bảo mà làm. Chiều 17 tháng 02 âl 2000, đoàn của Thầy Trụ trì thỉnh Hòa thượng Từ Quang được xe cải tiến đưa lên tới chùa. Chiều 18 tháng 02, có đoàn Phật tử Thủ Đức lên thiết lễ Trai Tăng cầu siêu 49 ngày cho mẫu thân.



Đại chúng được tác lễ
trên chánh điện mới sau khi An vị



Bảo các gồm 9 tầng

Sau thời kinh tối, Thầy Hoằng Xưng, Hoằng Cần và Hoằng Kiệt phát tâm đốt một lóng tay để cúng dường hồi hướng cầu nguyện cho Phật sự lớn lao nầy chóng được thành tựu. Ánh lửa rực lên. Tiếng niệm Phật hộ niệm của đại chúng rền vang dưới sự chứng minh của Hòa thượng Từ Quang, chắc chắn cảm ứng đến chư Phật Bồ-tát, Hộ Pháp lòng thành kính cúng dường của những người con Phật. Như Phẩm Dược Vương trong kinh Pháp Hoa nói: "Đó là Pháp cúng dường hơn hết".

Sáng hôm 19 tháng 02 âl 2000, sau thời kinh Phổ Môn, Hòa thượng Từ Quang cùng đại chúng cử hành lễ động thổ khởi công xây dựng Bảo Các Quan Âm. Sau đó, cung thỉnh Hòa thượng sái tịnh khắp ranh đất, cầu chư Hộ Pháp gia hộ cho Đại giới chùa Vạn Linh, thay cho lễ Kiết giới.

Hôm nay, cũng là ngày rước tượng Quán Âm lên. Do vì xe tải lên trễ nên Hoằng Chánh đưa tượng lên đến chùa khoảng 10 giờ 30. Tượng được an trí tạm trước sân chánh điện. Tượng tạc đức Quán Âm đứng trên đầu rồng, bình nước cam lồ trút xuống thành một cuộn nước uốn lượn chung quanh. Khuôn mặt của Ngài rất đẹp. Nhiều người đã nhận định chưa thấy tượng nào khuôn mặt đẹp như tượng nầy.

Chiều hôm đó, công trình bắt đầu khởi động, sắt thép được chuyển liên tục. Xe cải tiến phải chạy ngày ba ca mới cung ứng đủ cát đá cho công trình. Lăm le mặt bằng phía trước sân chùa để có chỗ trộn bê tông. Cất một láng trại cạnh Tháp Sư cố để chứa xi măng và vật tư. Tu sửa lại máy phát điện để phục vụ cho công trình như hàn cắt, mài, bơm nước. Lúc trước, chúng tôi phát điện bằng máy nổ D12 với Dynamo 5K chỉ dùng cho thắp sáng và chút ít máy móc nhỏ, sau thêm máy phát của Liên Xô 15K mới đủ sức cho mỏ hàn. Máy nầy hơi hao dầu. Sau chúng tôi sắm thêm máy lớn có thùng, phát điện 20K, có điện ba pha. Sau Công ty Hoa Sen của anh Hoằng Lược cúng thêm một máy 4 phát được 25K để thay đổi lẫn nhau, hư cái nầy có cái kia.

Tiến độ công trình nhanh thấy rõ. Móng được kết cấu bằng mười tấn sắt 20 đương thành vĩ cách mười phân và làm hai lớp cách nhau sáu tấc. Tất cả đều chấm hàn chứ không cột bằng kẽm. Đến mùng 04 tháng 04 âl 2000, ngày vía Văn-thù, là ngày đổ bê tông móng. Một trăm hai chục



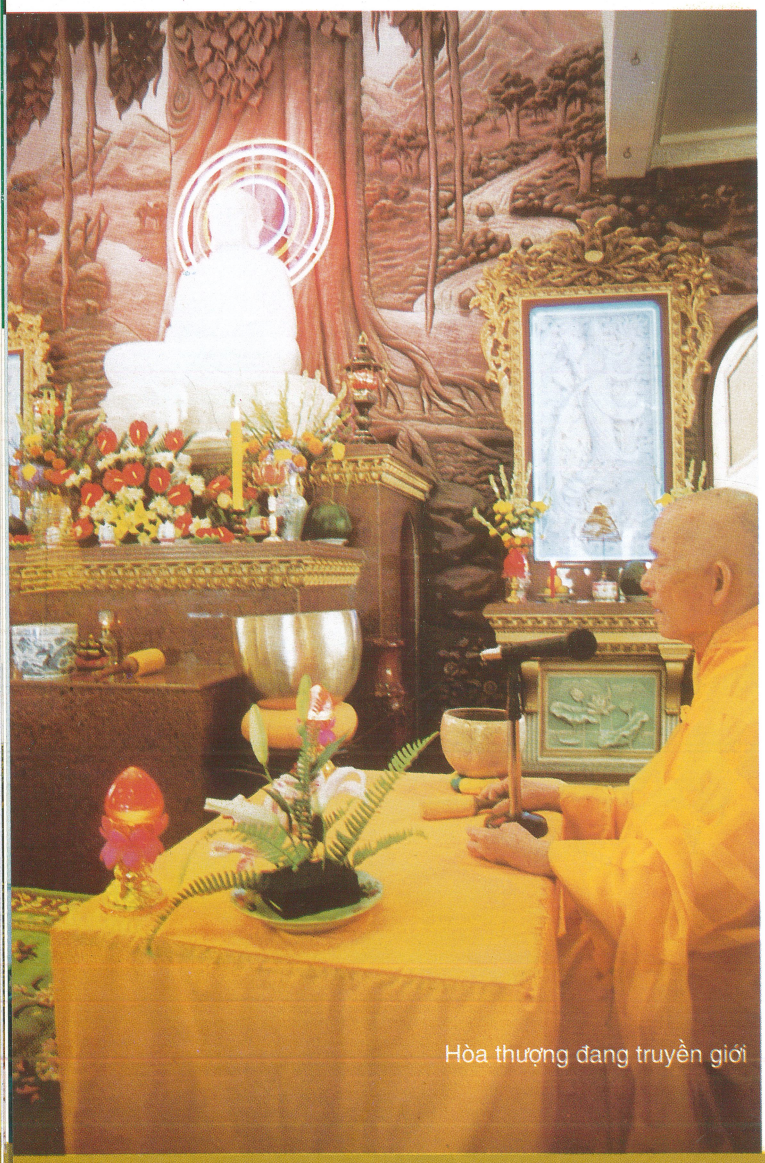
Kỹ sư Đỗ Thành Phương người thiết kế bản vẽ và tính kế cấu toàn bộ các công trình



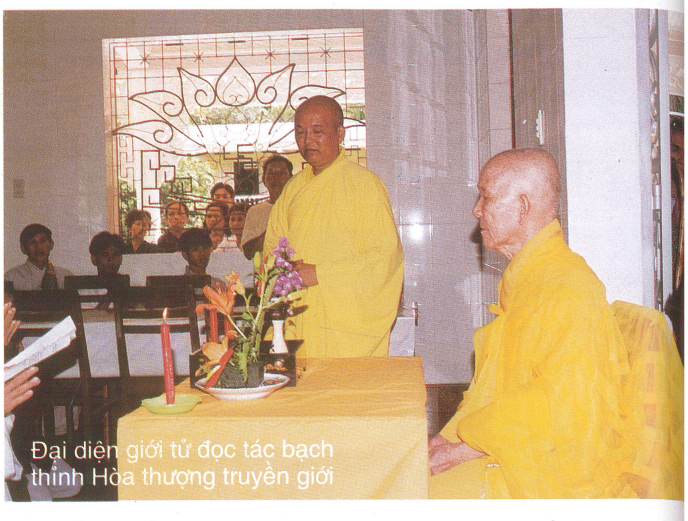
Cung thỉnh Hòa thượng đăng đàn truyền Tam quy Ngũ giới

đống đá cát đã được đong ngày hôm qua khúm khúm đều đều, chụp hình từ trên cao giống như những cái bánh khổng lồ...

6 giờ sáng, chúng tôi bắt đầu trộn bê tông. Dĩ nhiên là có lực lượng của Hoằng Trương. Chúng tôi đổ rất nhanh. Vì móng Tháp quá lớn nên phần đông chúng tôi dùng xe rùa để đổ giáp vòng. Phía giữa xe rùa không vào được, chúng tôi phải bắt cầu và làm cái máng lớn để trút xuống nơi



Hòa thượng đang truyền giới



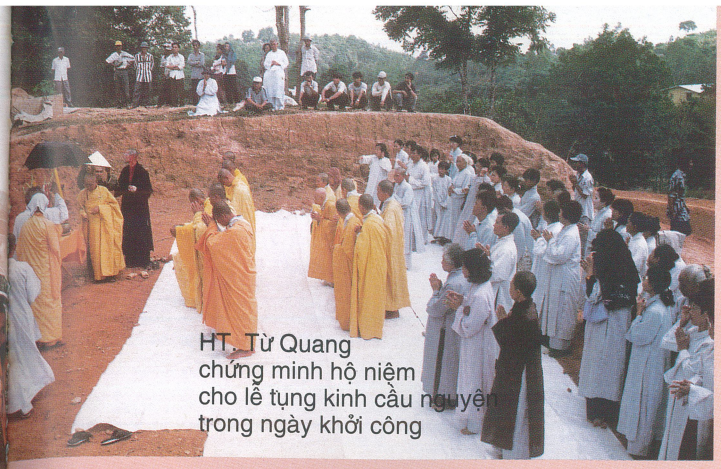
Đại diện giới tử đọc tác bạch thỉnh Hòa thượng truyền giới

nào cần. Đến khoảng 11 giờ là chúng tôi đổ xong, 60 khối bê tông, 420 bao xi măng.

Vạn sự khởi đầu nan. Phần móng xong chúng tôi nhẹ được đôi phần. Lên cột, đóng cốt pha đà kiền chéo và vòng tròn hành lang đến 27 tháng 04 âl 2000, chúng tôi đổ lần hai. Lại lên cột cao trên 5m, đóng cốt pha sàn vòng tròn tầng thứ nhất đến 22 tháng 05 âl 2000, chúng tôi đổ bê tông phần nầy. Trong thời gian nầy, để tiến độ nhanh gọn, chúng tôi mua sắt tấm dầy hai ly đem lên để anh Tư làm hai bộ cốt pha giống nhau. Vì từ đó trở đi các tầng đều bằng nhau. Đóng bộ nầy cho đổ bê tông. Xong lên cột (cột cũng có khuôn riêng), rồi đóng tiếp bộ thứ hai và cho đổ. Đổ xong, lên cột và cho tháo bộ kia đóng tiếp. Như thế, xoay vần cứ hai mươi mốt ngày là chúng tôi có đổ một lần. Mỗi lần đổ như vậy, ngoài nhóm Hoằng Trương, dân núi công quả và quý Thầy, còn có nhóm ở Thành phố hai xe do Thầy Trụ trì tổ chức dẫn lên, thường thì ngày chủ nhật. Cứ tối thứ sáu đi đến núi, khoảng 5 giờ sáng lội lên chùa,



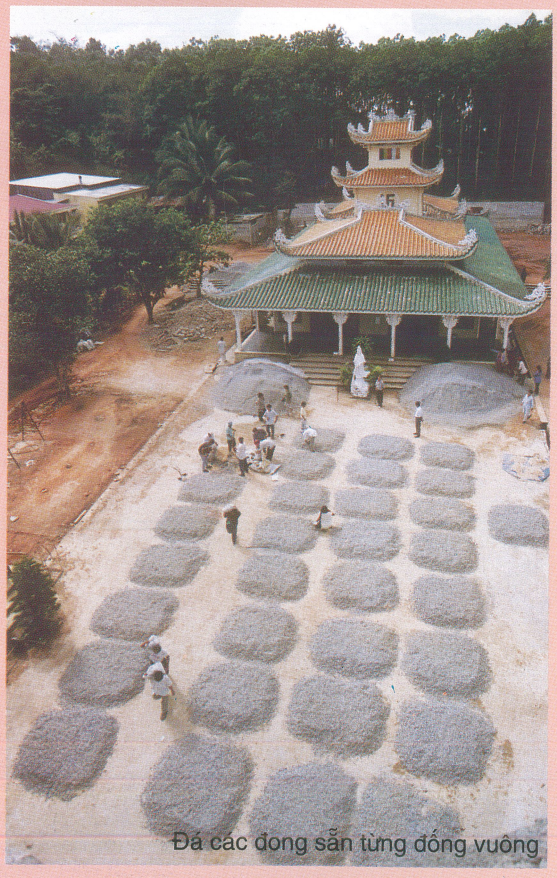
Thầy Hoằng Xưng, Hoằng Cần và Hoằng Kiệt cúng dường lòng tay để cầu nguyện cho Phật sự xây dựng Bảo Các Quan Âm được thành tựu



HT. Từ Quang chứng minh hộ niệm cho lễ tụng kinh cầu nguyện trong ngày khởi công

khoảng 07-08 giờ đến. Nghỉ ngơi nguyên ngày thứ bảy. Khuya 03 giờ 30 sáng, chạy máy đèn bắt đầu ra trộn. 05 giờ 30 nghỉ ăn sáng một chút rồi tiếp tục đến khoảng đến 08-09 giờ là xong, lo tắm rửa ăn uống rồi tuột xuống núi về. Đều đều như vậy cứ hai mươi mốt ngày một lần. Mọi người đi rất tích cực và hoan hỷ. Một chuyến đi có ý nghĩa vừa tham quan vừa góp phần nhỏ công sức của mình vào công trình.

Trong các lần đổ bê tông nầy, có một lần chúng tôi đáng ghi nhớ nhất là lần đổ tầng thứ ba. Lần nầy không ngay ngày chủ nhật. Nhân dịp về dự giỗ Sư bà Vạn Thành ở Sa Đéc 25 tháng 07 âl 2000 hằng năm rồi lên Vạn Linh tham gia đổ bê tông luôn.



Đá các dong sẵn từng đống vuông

Thời điểm nầy đang diễn ra cơn bão ở miền Tây. Trên đường từ Thành phố xuống, xe đã chạy trong mưa gió lúc tạnh lúc mưa. Ngay khúc Cai Lậy Cái Bè chúng tôi đã chứng kiến một cơn lốc vừa đi ngang. Nhà cửa sập hay xiêu vẹo dài dài hai bên đường. Tôn bị gió bốc đi bay dính vào đường dây điện. Đến Vạn Thành cúng giỗ cũng vẫn như thế. Bầu trời lúc nào cũng bao phủ một màu đen. Mặt trời không ló ra nổi, lâu lâu chợt lóe lên rồi lại bị mây đen che mất. Trên đường đến Vạn Linh, chúng tôi nghĩ rằng chắc là đi tham quan thôi chứ không đổ bê tông được mặc dù mọi việc đã chuẩn bị sẵn sàng. May mắn thay, chúng tôi vừa lên đến Vạn Linh thì bầu trời đã có chuyển biến khác, trong sáng hơn và ánh mặt trời đã ló dạng. Tuy không chói chang như bình thường nhưng có dấu hiệu cho thấy rất khả quan, không mưa nữa. Tối đến vẫn yên ả, không có dấu hiệu gì. Đến giờ tụng kinh, chúng tôi thông báo cùng tất cả đại chúng nhất tâm cầu nguyện cho ngày mai trời tốt để chúng ta đổ bê tông được tốt đẹp. Thật là chư vị Hộ Pháp gia hộ. Nguyên đêm đó



Tượng Quan Thế Âm bằng đá cẩm thạch trắng sẽ được an trí nơi Bảo Các Quan Âm

yên ả không có một hạt mưa. Ba giờ rưỡi dậy, thấy không có dấu hiệu gì, chúng tôi quyết định tiến hành. Ánh đèn khu sân hồ sáng lên, mọi người phấn khởi trộn bê tông rào rào và chuyền hồ lên sàng. Cũng như mọi khi, khoảng 08 giờ 30 là xong. Bỗng trời hơi tối xuống, một vệt mây đen xuất hiện. Chúng tôi đem các tấm bạt cho thợ đậy kỹ. Xong lo ăn uống và gấp rút xuống núi. Đến hơn nửa đường núi trời mưa xối xả, tức là sau khi đổ xong một tiếng đồng hồ. Chúng tôi thở phào nhẹ nhõm. Thật là chư vị Hộ Pháp dành cho chúng tôi một thời gian vừa vặn, cho chúng tôi có đủ niềm tin để thực hiện. Nếu lên đến núi trời vẫn còn mưa hoặc khuya dậy mà trời không tốt chúng tôi cũng không dám tiến hành. Và suốt thời gian diễn ra những lần đổ bê tông Tháp đều nằm trong thời điểm của mùa mưa. Chỉ lần sau cùng qua tháng 11 là hết mưa hẳn. Thế mà không lần nào bị mưa. Chỉ có lần đó là chúng tôi làm trong hồi hộp lo âu, thời gian vừa vặn an toàn không trễ nải công việc. Chúng tôi thầm biết ơn chư vị Hộ Pháp. Công việc vẫn tiến hành đều đặn, chỉ còn một tầng mái nữa là đến tầng nóc. Theo bản vẽ thiết kế thì trên nóc đổ hai lớp mái nữa là xong phần cơ bản. Nhưng Hòa thượng gọi chúng tôi về chỉ đạo là Hòa thượng muốn làm Tháp Bồ-đề đạo tràng trên nóc, giống như hình dạng của Tháp Bồ-đề đạo tràng bên Ấn Độ. Chúng tôi thật là bối rối. Thầy Trụ trì, Thầy Hoằng Xưng, Thầy Hoằng Hiển và anh Tư họp bàn phát họa. Sau đó, Thầy Trụ trì và Thầy Hoằng Xưng về Thành phố gặp kỹ sư Phương để bàn thống nhất phương án thực hiện. Chúng tôi đưa hình Bồ-đề đạo tràng cho Phương xem. Khó ở chỗ là Bảo Các đang hình lục giác mà Bồ-đề đạo tràng lại hình vuông. Cuối cùng kỹ sư Phương cũng phát thảo được bản vẽ trông cũng hài hòa, thu nhỏ Tháp Bồ-đề đạo tràng lại 1/8 đưa vào Bảo Các là vừa cân đối. Tức là chiều cao của Bồ-đề đạo tràng Ấn Độ là 67m. Ở đây chúng tôi thực hiện 8m. Đưa bản phát thảo về trình Hòa thượng. Hòa thượng rất hoan hỉ. Thế là Phương gấp rút vẽ kỹ lại. Trước mắt là gia cố tầng cuối cùng đỡ móng Tháp và tính kết cấu để chúng tôi chuẩn bị. Anh Tư coi theo hình thù hoa văn trên hình của Tháp Bồ-đề đạo tràng tạo mẫu rồi làm khuôn để đúc. Bây giờ, chúng tôi đã tiến bộ một bước là làm khuôn bằng poli chứ không làm xi măng như trước rất nặng. Anh Tư lại là người có tài. Những hình ảnh vuông tròn đều được anh tạo mẫu khá chính xác. Tháp lớn chính giữa thì anh làm nhiều miếng ráp lại, còn Tháp nhỏ thì chỉ một miếng một mặt, bốn mặt ráp lại là thành hình. Khi còn dàn giáo, chúng tôi đứng ngoài dàn chụp vào lấy toàn bộ Tháp. Nhìn hình ai cũng tưởng là đi Ấn Độ chụp đem về. Như thế, quý vị cũng biết độ chính xác như thế nào.

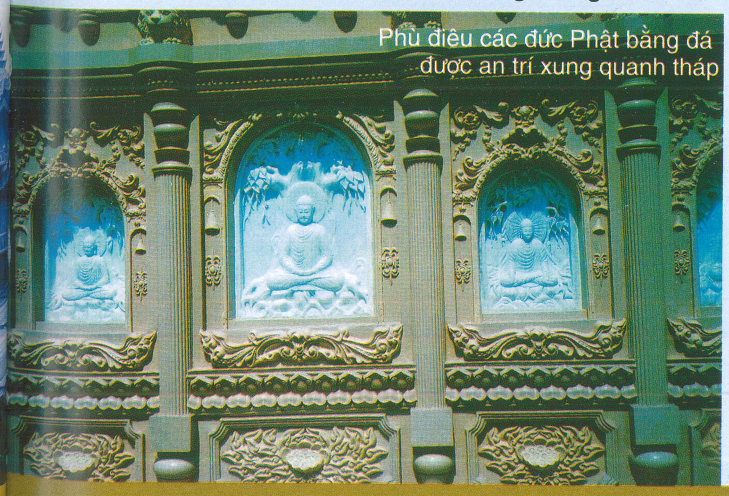
Trong khi đang thi công thì chúng tôi đã đặt Hoằng Hữu làm các tượng để an trí trong Bảo Các. Theo trong kinh diễn tả thì Tháp từ một đến ba tầng là dành cho Nhân vương đến Chuyển Luân Thánh Vương. Từ bốn đến bảy là Tháp A-la-hán. Từ bảy đến mười hai là Tháp Bồ-tát. Chỉ có Phật là Tháp 13 tầng. Kiến trúc của chúng tôi nếu kể luôn tầng trệt và tầng nóc là chín tầng, được liệt vào Tháp Bồ-tát. Mà ở đây tôn Bồ-tát Quán Âm là chủ chánh nên có hai tượng của Ngài một đứng một ngồi. Kiến trúc nầy sở dĩ Hòa thượng không gọi là Tháp vì các tầng bằng nhau. Cho nên, Hòa thượng đặt là Bảo Các Quán Âm. Vì các tầng bằng nhau nên cầu thang dẫn lên không bị hạn chế. Người lên người xuống không trở ngại và không khom đầu. Hòa thượng cho thờ các vị Bồ-tát tiêu biểu cho các đức của Ngài. Như ngài Di-lặc tiêu biểu cho đại từ, ngài Địa Tạng đại nguyện, ngài Văn-thù đại trí, ngài Phổ Hiền đại hạnh, ngài Quán Âm đại bi, ngài Thế Chí đại lực. Trên cùng là đức Bổn sư Thích-ca trong tư thế đang thuyết pháp. Trên Tháp Bồ-đề đạo tràng, chung quanh an trí 104 bức phù điêu đức Thích-ca ngồi theo nhiều tư thế. Bên trong Tháp có hai phần. Phần dưới thờ Xá-lợi của các vị đại đệ tử Phật, phần trên thờ Xá-lợi Phật. Muốn vào bên trong phải qua một cửa bằng bê tông kéo ra trên hai đường ray, đóng vào khít khao không để ý không biết



đó là cửa. Toàn bộ lan cang được làm bằng inox do một gia đình Phật tử phát tâm cúng.

Khi Tháp hoàn thành phần cơ bản, chúng tôi lo trang trí các hoa văn, dán ngói, lót gạch, lang cang chung quanh và cầu thang, điện đèn v.v... Đồng thời, mỗi tầng đều có một Bảo cái làm bằng poli cho nhẹ, che trên đầu các tượng.

Từ năm 2000 trở đi, người tham dự giỗ Hòa thượng Khai Sơn rất đông. Nội ở Vạn Đức không đã trên mười xe. Các nơi tổ chức về, chung cả trên ngàn người. Chùa



Phù điêu các đức Phật bằng đá được an trí xung quanh tháp



Tháp được xây theo kiểu Bồ-đề-đạo-tràng





Tầng trệt được An trí đức Quan Âm đứng trên đầu rồng



Tầng tròn thứ nhất An vị ngài Di-lặc, biểu trưng cho đức Đại từ

cũng sắp xếp chỗ nghỉ mùng mền cho khách cũng tương đối đầy đủ, có phần hơi chật chội. Chiều 23, Hòa thượng cũng có truyền Tam quy Ngũ giới như năm rồi. Giỗ đặt trọng tâm vào lễ Nhiễu Tháp. Sân chùa chưa được cán sạn, chúng tôi cho trải bạt khắp sân và đánh dấu. Chư Tôn túc ở trên Tháp. Tăng Ni và Phật tử thì đứng ở dưới ngay vị trí đánh dấu là ngay hàng thẳng lối. Sau khi tụng Đại Bi, Bát-nhã đến phần niệm Phật là đại chúng bắt đầu đi nhiễu. Chư Tôn túc đi phía trên không biết bao nhiêu vòng, chỉ tùy thuộc vào đại chúng đi cho được một vòng lớn ở dưới trở vào vị trí hết, ở trên mới vào và chuyển sang tứ thánh hồi hướng.

Nhiễu Tháp xong, nghỉ một chút là đến khóa lễ tụng kinh cúng ngọ. Xong là đến lễ tiến linh. Trước khi tiến linh, chúng tôi tuyên đọc lại tiểu sử của Hòa thượng Khai Sơn. Sau đó, toàn thể đại chúng quỳ xuống nguyện hương đảnh lễ Tổ và đồng thinh phúng tụng kinh chú cầu nguyện. Cuối cùng là thọ trai, xong xuống núi ra về.

Mùng 08 tháng 07 âl năm 2001, khởi công làm Tháp Chuông. Tháp nầy được làm theo hình bát giác đứng đối diện với Tháp Tổ. Chân Tháp nằm gần sát bên ngoài mà chân đất chỗ đó rất sâu đã được san lấp nên phần đất trên là đất mới. Vì thế, chúng tôi phải đào rất sâu mới đến chân đất cũ để làm móng, đưa cổ cột lên đến mặt đất mới. Chúng tôi cho đúc thành chung quanh tạo thế bọng từ mặt đất lên mặt sàng khoảng hơn 1m, để khi chuông treo phía trên, đóng vào tiếng đi xuống nơi bọng đó theo ống dẫn ra ngoài dội đi khắp bốn phương, giúp cho tiếng ngân của chuông được vang xa. Tháp nầy cũng có hai phần. Phần dưới treo chuông và phía trước thờ tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn bằng đá và phía trên là thờ đức Phật A Di Đà. Mái cũng tạo hai lớp và đều được dán ngói men vàng. Giữa chót là bình chứa nước cam lồ. Tháp chuông nầy cũng được trang trí song song với Bảo Các để kịp làm lễ An vị vào dịp giỗ Tổ năm 2003. Đến vía đức Quán Âm 19 tháng 02 năm 2003, mọi việc đã tạm ổn. Các tượng đã được chuyển lên núi. Dàn giáo do Công ty Hoa Sen của anh Hoằng Lược tài trợ đã được lắp đặt với cái tời sức kéo trọng lượng năm tấn do anh Tốt cho mượn, chúng tôi cho tổ chức lễ thỉnh Phật lên Bảo Các. Dịp nầy có Thượng tọa Giác Thiện ở Mỹ Tho cùng đăng sơn với nhà văn Phạm Thăng ở Canada




Lễ giỗ Tổ hằng năm

lên góp phần cầu nguyện. Anh Hoằng Lược và anh Tốt cũng có mặt để hỗ trợ phần kỹ thuật. Số Phật tử tham dự cũng khá đông.

Đúng 07 giờ 30, đại chúng vân tập trước sân chùa có bàn hương án, hướng về Bảo Các dưới sự hướng dẫn của Thượng tọa Giác Thiện và Thầy Trụ trì, tụng thời kinh Phổ Môn cầu Tam Bảo gia hộ cho việc đưa tượng lên Tháp được an toàn. Trong khi đại chúng tụng kinh, tượng được đưa vào giữa dàn giáo móc dây vào. Máy khởi động tượng lên từ từ. Tượng được đưa lên đầu tiên là đức Thích-ca tương đối

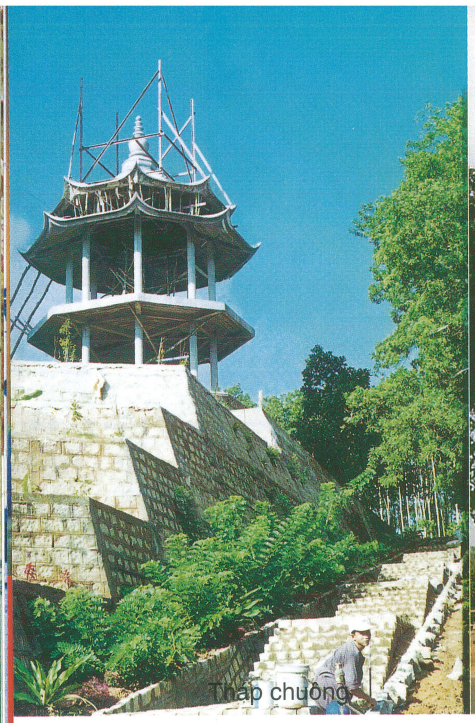

Niệm hương, đảnh lễ và tụng thời kinh ngắn

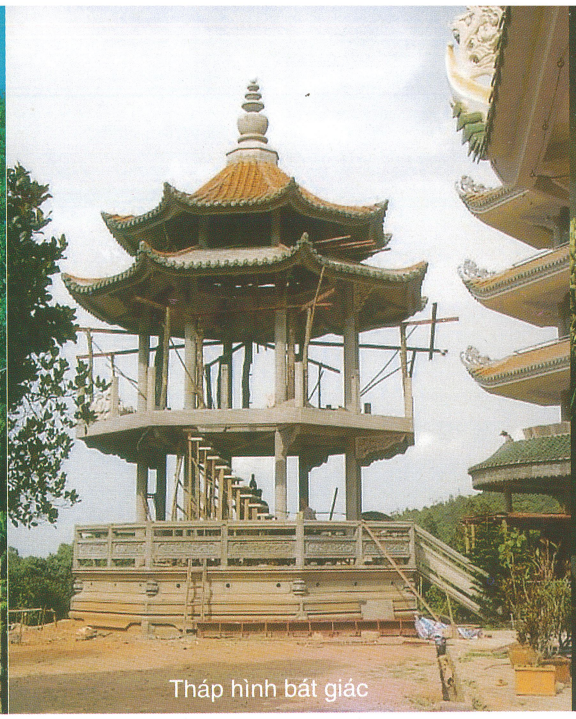
nặng và ở tầng cao nhất. Đến nơi, tượng được chuyển qua một giàn cây đóng nghiêng chúi vào bệ. Thùng tượng được xê dịch lần lần vào trong, đến cửa hơi vướng vì tượng quá lớn. Chúng tôi phải tháo thùng phía trên mới vào được. Đến bệ phải làm một dàn giáo nữa, dùng hai ba lan rút lên mới đưa tượng xuống bệ được. Vì là tượng đầu tiên và khá nặng nên đưa vào hơi vất vả, đến gần 11 giờ mới xong. Từ đó về sau, các tượng kia vào tương đối dễ, cũng phải hơn nữa ngày hôm sau mới hoàn tất. Phải nói tượng đưa từ Thành phố lên chân núi, từ chân núi lên chùa, từ chân Tháp đưa lên Tháp vẫn cho là dễ. Chỉ từ ngoài dàn đưa vào bệ thật là khó và mất nhiều công sức. Đồng thời bên Tháp Chuông, tượng Phật A Di Đà cũng được đưa lên an trí tầng trên, tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn an trí phía trước, tầng dưới Hồng Chung treo vào giữa


Chư Tôn Túc tập trung bên trong tháp

có trục xoay, quay chuông hướng nào cũng được. Chung nặng 1 tấn 2, được đúc tại lò đúc Long Thành, chi nhánh của Bác Sính ở Huế. Quả Chung nầy do gia đình Phật tử Bác Năm ở cầu Bình Điền hiến cúng. Trên chung được khắc nguyên bài Kệ Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện, nét khắc rất sắc xảo theo chữ do Thầy Minh Niệm ở Huệ Nghiêm viết. Phía dưới miệng Chung chừa trống, đậy bởi miếng đan tròn có nhiều lỗ. Dưới đan có tám ống inox chỉa ra tám hướng. Tiếng chuông sẽ chuyền xuống, chui vào tám ống inox và theo ra tám hướng làm cho tiếng ngân được vang xa.


Chư Tôn Túc đi nhiễu bên trên tháp và niệm danh hiệu Phật A-di-đà


Tháp chuông


Tháp hình bát giác


Tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn được làm bằng đá trắng

Lễ An vị các tượng được Hòa thượng quyết định vào ngày lễ giỗ Hòa thượng Khai Sơn năm 2003, đánh dấu sự thành tựu một chặng dài xây dựng chùa Vạn Linh

Trước khi lễ An vị chính thức, chúng tôi tổ chức cho chư Tăng cùng Phật tử niệm Phật ba ngày để hồi hướng công đức cho tất cả mọi người kẻ công người của góp phần vào việc xây dựng. Chiều ngày 22 tháng 11 âl, Hòa thượng viện chủ đã đăng đàn bố thí cho đại chúng thời pháp nói về yếu chỉ pháp môm niệm Phật, làm cho mọi người được vô cùng lợi lạc. Sáng 23 tháng 11 âl, Hòa thượng cùng một số ít quý Thầy cung thỉnh Xá-lợi Phật an vị trên Tháp Bồ-đề đạo tràng và an vị đức A Di Đà cùng đức Thiên Thủ Thiên Nhãn bên tháp chuông. Đồng thời, Hòa thượng đã làm lễ khai đại hồng chung. Từ đó, tiếng chuông sẽ được đóng lên hằng ngày, làm thức tỉnh người trần thế và cứu khổ chúng sinh ở chốn u đồ. Buổi chiều, Hòa thượng truyền Tam quy Ngũ giới theo lệ hằng năm. Tiếp theo là khóa lễ tụng kinh cầu nguyện. Tối đó, sau thời Tịnh độ, có buổi thuyết giảng do Thượng tọa Thích Giác Hạnh phụ trách.

Sáng 24 tháng 11 âl, lễ An vị chính thức được cử hành dưới sự chứng minh của Hòa thượng Thích Từ Nhơn, viện chủ chùa Việt Nam Quốc Tự, Phó Chủ Tịch HĐTSTW, Hòa thượng Thích Chánh Đạo, Trưởng Ban Trị Sự Phật Giáo tỉnh An Giang, Hòa thượng Thích Giác Hoàng, Trưởng Ban Giáo Dục Tăng Ni tỉnh Hội Phật giáo tỉnh An Giang cùng đông đảo chư Tôn túc các nơi, chư Đại đức Tăng Ni và sự chứng kiến của lãnh đạo chính quyền các cấp cùng khoảng 4000 Phật tử tham dự.

Kết quả thành tựu trong xây dựng của chúng tôi không ngoài ba mục tiêu đã được nêu lên từ đầu:

- Phục hồi lại di tích của Hòa thượng Khai Sơn để tỏ lòng tri ân người ban đầu tạo dựng.
- Làm nơi tu học của chư Tăng nối tiếp truyền thống tu tập của Thầy Tổ.
- Làm nơi chiêm bái và quy ngưỡng của Phật tử và khách thập phương, truyền bá đúng chánh pháp của Phật.

Trong thời gian xây dựng, một số công quả đã thấy được lợi ích của hạnh xuất gia

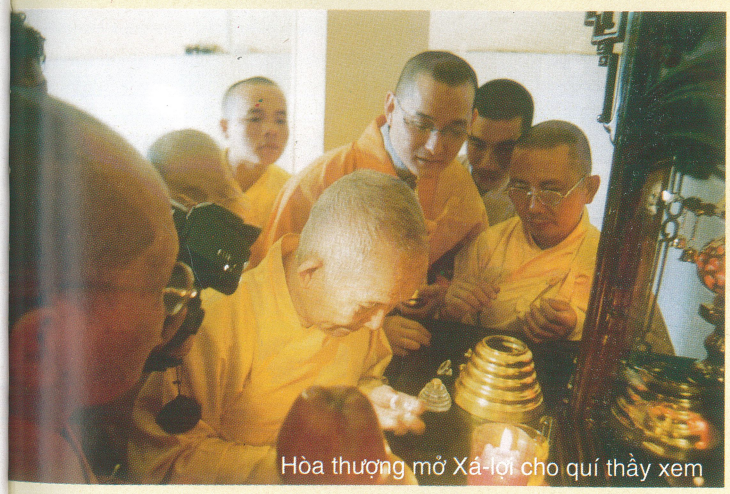




Cờ phướng chuẩn bị cho ngày đại lễ



Sắc hoa ngày đại lễ



Hòa thượng mở Xá-lợi cho quí thầy xem

nên phát tâm tu học khá đông. Có vị đã tốt nghiệp cử nhân, cao đẳng, góp phần vào sự nghiệp hoằng dương chánh pháp.

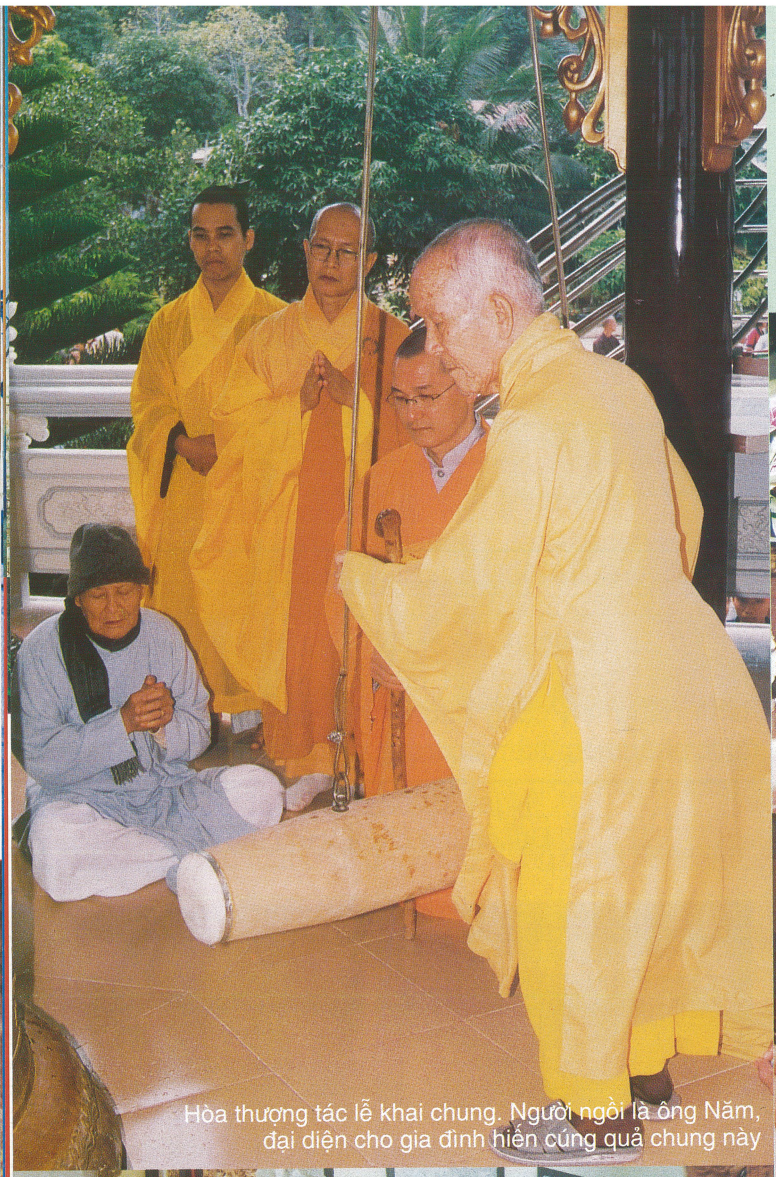
Chùa cũng đã tổ chức tu Bát quan trai mỗi nửa tháng. Khóa lễ Thỉnh nguyện, Sám hối và Bố tát được coi như thời khóa nhất định mỗi tháng hai lần. Các ngày lễ vía chư Phật Bồ-tát đều được cử hành trang nghiêm. Chùa có làm tạm hai Tịnh thất để tạo điều kiện cho đại chúng có thời gian gát bỏ muôn duyên, để chuyên tâm niệm Phật. Thực hiện hằng năm truyền thống An cư Kiết hạ tại chỗ, tạo điều kiện cho chư Tăng tu học. Cử người tham dự hội họp định kỳ của Ban Đại Diện và Ban Trị Sự. Thực hiện mọi chỉ đạo của Giáo Hội. Góp phần tích cực công tác từ thiện tại địa phương, giúp đỡ những người neo đơn hoạn nạn.

Sau lễ An vị, chùa tiếp tục hoàn thiện công trình xây dựng. Bên cạnh đó ổn định Tăng chúng, sinh hoạt có nề nếp, nối truyền được truyền thống tu học của Tổ, Thầy ngõ hầu báo đáp công ơn tạo dựng của Tổ Sư đã một đời vì chúng sanh mà thị hiện giáo hóa, đem kết quả công đức tu hành dâng lên cúng dường mới đền đáp được phần nào thâm ân trong muôn một.

Ngày 19-02 Bính Tuất
Đại chúng chùa Vạn Linh



Hòa thượng sái tịnh nơi thờ Phật A-di-đà



Hòa thượng tác lễ khai chung. Người ngồi là ông Năm, đại diện cho gia đình hiến cúng quả chung này



Hòa thượng đăng đàn thuyết giảng Yếu chỉ Pháp môn niệm Phật

Hòa thượng sái tịnh nơi thờ tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn





Khóa lễ tụng kinh cầu nguyện



HT. Thích Từ Nhơn, P. Chủ tịch TTHĐTSTƯ GHPGVN đang trò chuyện cùng Hòa thượng viện chủ



HT. Thích Chánh Đạo, Trưởng BTS Tỉnh Hội PG tỉnh An Giang đang trò chuyện cùng Hòa thượng viện chủ



Chư Tôn đức cử hành lễ Nhiễu tháp



HT. Thích Từ Nhơn, HT. Thích Chánh Đạo và HT. Thích Giác Hoàng đang niêm hương chú nguyện lễ An vị



Chư Tôn đức Tăng Ni đồng hòa chùng tác lễ An vị



Đông đảo Phật tử các nơi về tham dự lễ An vị



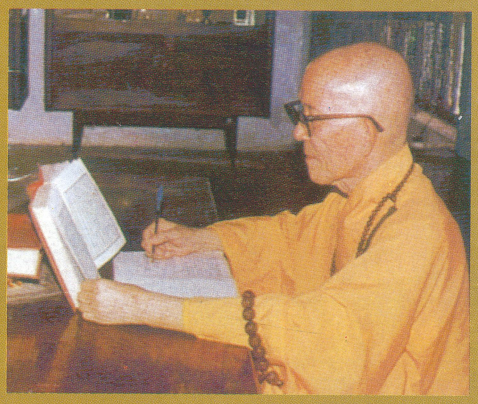
Chư Tôn đức Tăng Ni và Phật tử cùng tác lễ Tiến linh



Lễ cúng dường Trai Tăng nhân ngày Húy kỵ Tổ sư

Phụ trang

Hòa thượng Vạn Đức



Thời gian Hòa thượng Già Lam thượng Trí hạ Thủ viên tịch, rồi tiếp theo các vị Tôn túc trong Giáo Hội lần lượt ra đi gần kề nhau, nên Hòa thượng cảm thán làm ra bài thơ này:

"Một người, một người lại một người
Sanh tử, tử sanh đấy cuộc đời
Vì ăn lo ở thêm khổ nhọc
Giữ lợi gìn quyền chẳng thảnh thơi
Mãi mãi đua chen rằng lẽ sống
Luôn luôn tranh đấu gọi cơ thời
Khuyên ai gẫm kỹ sanh diệt pháp
Thấy pháp diệt sanh đạo sáng ngời".

Từ nơi pháp sanh diệt đó, nếu ai ngồi tư duy quán sát thấy rõ được pháp sanh diệt thì là bậc kiến đạo chứng quả Tu-đà-hoàn.

Xuân đáo hoa khai lý tự nhiên
(春到花開理自然-法爾如是)
(Pháp nhĩ như thị)

Thân cảnh vô thường biến huyễn phiền
(身境無常變幻繁-如幻假觀)
(Như huyễn giả quán)

Phong phan tâm luận thành Tổ án
(風旛心論成祖案-法寶壇經)
(Pháp Bảo Đàn Kinh)

Quá hiện lai tranh hiển Phật thiền
(過現來諍顯佛禪-明心禪語)
(Minh Tâm thiền ngữ)

Nhứt tâm an trụ nhi phi trụ
(一心安住而非住-金綱經)
(Kim Cang Kinh)

Vạn hạnh trang nghiêm nãi hữu truyền
(萬行莊嚴乃有傳-華嚴經)
(Hoa Nghiêm Kinh)

Dục đắc xướng danh thân thọ ký
(欲得唱名身受記-法華經)
(Pháp Hoa Kinh)

Cảnh trí đô vô tức hiện tiền
(境智都無即現前-唯識論)
(Duy Thức luận)

(Nghe đề thành thi 1983, Giáp Tý)

Giờ nghỉ giải lao của một lần hội nghị,

nhân câu nói của Hòa thượng Trí Quảng: "Xuân về thì hoa nở" nên Hòa thượng từ ngay câu nói ấy làm ra bài thơ này bằng chữ Hán, mỗi câu là một đề mục không liên quan với nhau, nhưng liên kết với nhau bởi vần "iền".

Nhân ngày sinh nhật 02 tháng 09 Mậu Thìn (1988), Hòa thượng cảm tác bài thơ nhận định về đời sống của con người trên thế gian này, và đưa ra hai con đường để thoát khỏi kiếp con người.

"Tuổi ngoài bảy chục gẫm nhơn sanh
Nhơn sanh vô nghĩa mãi trôi quanh
Ăn uống, uống ăn lo đại tiểu
Việc làm, làm việc nhọc bại thành
Sống đeo danh lợi phiền đắc thất
Chết để thịt xương ngán hôi tanh
Ân cần nhắn gởi chư thân hữu
Đạp phá cửa trần gấp chuyển nhanh".

LÀM SAO CHUYỂN?

Phương Tiện Chuyển

"Việc ác chớ để phạm
Điều lành phải nên làm
Thương người cùng thương vật
Niệm Phật và tham thiền".

Cứu Cánh Chuyển

"Không tâm hiệp chánh niệm
Ly niệm khế chơn như
Vô trụ là thánh trí
Ảo định tự tại du".

Trong hai con đường này, chúng ta tự lượng sức mình mà dùng phương tiện như hai bài kệ của ngài Thần Tú và Huệ Năng. Tuy bài kệ của ngài Huệ Năng là thấy tánh nhưng đâu phải cảnh giới của chúng ta, chi bằng "chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành", ăn chay tụng kinh niệm Phật. Đó là những lời thường nhắc nhở của Hòa thượng đối với mọi người đến thăm. Tuy đơn sơ bình dị nhưng cả đời chúng ta làm cũng không hết, và nếu làm, sẽ được vô cùng lợi ích.

PHẦN KẾT THƠ

Qua những bài thơ trên, ta thấy thơ của Hòa thượng không dùng văn chương bóng bẩy, mà muốn chỉ thẳng thực trạng của kiếp con người và con đường thoát ra khỏi, bằng lời văn bình dị nhưng cũng đầy đủ luật của thơ bảy chữ tám câu. Tuy nhiên, qua phần dịch bằng văn vần bài sám Thập Phương theo thể lục bát và bài kệ trong kinh Phổ Hiền theo thể song thất lục bát, ta thấy văn thơ của Ngài cũng rất là văn chương lưu loát.

Nhân trong quyển kỷ yếu này, chúng tôi cho in ra vài bài thơ của Hòa thượng để chúng ta thấy rằng, bất cứ vấn đề gì của Ngài cũng nhìn bằng cặp mắt của kinh điển và kèm theo phương pháp tu tập. Do đó, mình thấy người có thật tu khác với người thường mượn văn thư để sách tấn tu tập chứ không phải để phô trương văn hay chữ tốt. Đó cũng là một tấm gương để chúng ta bắt chước, văn tự đã là giả. Lấy cái giả để trình bày cái thật, lấy cái giả để chỉ hướng tu hành thì đó mới là người trí và mới đem lại sự thật ích cho mình và mọi người.

Nam Mô A Di Đà Phật





KỆ NIỆM PHẬT
HẠ THỦ CÔNG PHU

"Một câu A Di Đà
Không gấp cũng không hườn
Tâm tiếng hiệp khắn nhau
Thường niệm cho rành rõ".

Khi hạ thủ công phu, ở nơi một câu hồng danh của Phật "Nam mô A Di Đà Phật" hay "A Di Đà Phật", niệm cho được vừa chừng, không quá mau (không gấp), cũng không quá chậm (không hườn), là niệm cho đều đặn. Kế đó, mình phải giữ làm sao cho tiếng niệm Phật cùng với tâm mình phải hiệp khắn nhau, nghĩa là tâm phải duyên theo tiếng, tiếng phải nằm ở trong tâm, không để cho nó xao lãng theo một tiếng gì khác. Hễ nó thoạt rời đi thì mình phải nhiếp kéo nó trở lại liền, để cho nó trụ nơi cái tiếng, như vậy gọi là "tâm tiếng hiệp khắn nhau". Nghĩa là cái tâm và cái tiếng không khi nào rời nhau, mà tâm và tiếng không rời nhau thì đó mới gọi rằng thiết thật niệm Phật. Chớ nếu trong lúc mình niệm Phật mà mình lại tưởng và niệm những việc khác, đó là mình niệm việc khác chớ đâu phải là thật niệm Phật. Nếu là thật niệm Phật thì trong tâm mình chỉ nhớ và tưởng Phật mà thôi. Bây giờ mình niệm, danh hiệu Phật, tất nhiên là mình nhớ và tưởng lấy ở nơi cái tiếng niệm Phật, cái hiệu của Phật, như vậy mới gọi là thiết thật niệm Phật. Thành ra, mình làm cái gì cũng phải cho thiết thật trúng cái đó, chớ nếu sai đi, tất nhiên khó có thể thành công được, do đó mới có câu "tâm tiếng hiệp khắn nhau". Nên nhớ kỹ lắm mới được! Khi niệm Phật phải nhớ câu đó và phải làm cho đúng theo mới có lợi lạc. Nếu được tâm tiếng hiệp khắn nhau như vậy mới gọi là niệm đúng cách và thiết thật.

Giờ đây, phải "thường niệm cho rành rõ". Tâm tiếng hiệp khắn nhau rồi, nhưng phải để ý cho nó rành. Rành là rành rẽ, tức là từ tiếng, từ câu không có lộn lạo; còn rõ là rõ ràng. Tiếng niệm Phật cho rõ ràng, hễ "Nam" thì rõ tiếng "Nam", "A" thì "A", cho đến "Phật" thì "Phật". Cái tiếng không trại đi, phải cho thật rõ, vì điều này rất cần



lắm. Nếu mình niệm mà không nhận cho rành rẽ và rõ ràng, niệm một cách bơ thờ, về sau khi công phu được thuần thục, mà khi thuần rồi, cái niệm trong tâm nó tự nổi lên cũng không rành rõ, nó hơi trại đi. Còn nếu lúc nào mình cũng giữ cho nó rành rõ, thì khi thuần thục, trong tâm mình nó cũng nổi lên cái tiếng niệm Phật rõ lắm, điều này rất quan trọng. Nên nhớ chữ "thường", nếu muốn được cái tâm mà về sau nó tự niệm lấy nó, không cần mình phải ép buộc nó mới niệm, phải thường, nghĩa là luôn luôn niệm cho được nhiều giờ và thời gian cho được tương tục nên gọi là thường. Chớ nếu trong một ngày, một đêm mà mình chỉ niệm có một hay hai tiếng đồng hồ thôi, còn 22 tiếng kia mình lại nghĩ việc này việc nọ thì biết bao giờ tâm mình mới thuần thục được! Mình phải tập cho nó niệm luôn, lâu ngày thành thói quen - tập quán. Nhưng bây giờ mình bận đủ các công việc, đâu phải như những vị rảnh rang cấm túc, kiết thất hay là tịnh niệm, tịnh khẩu chẳng hạn, vậy mình phải làm sao đây? Tất nhiên, trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi và lúc rảnh, phải bắt tâm mình nó niệm Phật, trừ khi nào tâm mình bắt buộc chú trọng đến những công việc gì khác, nhưng xong rồi phải nhớ niệm Phật lại. Ví như lúc mình mặc áo, mình cũng niệm Phật được, bởi vì lúc đó cái tâm có thể rảnh để niệm Phật. Như lúc mình ngồi ăn cơm cũng vẫn niệm Phật được, hoặc lúc nằm nghỉ... chớ không phải chỉ niệm Phật lúc ở trước bàn Phật, có chuông, có mõ quỳ nơi đó. Nếu chỉ có như vậy thì thời gian ít lắm, không thể gọi là thường làm được, và nếu không làm được như vậy thì khó thuần thục, khó thành thói quen. Về công hạnh niệm Phật, điều đó cần phải nhớ lắm mới được.

"Nhiếp tâm là Định học.
Nhận rõ chính Huệ học.
Chánh niệm trừ vọng hoặc.
Giới thể đồng thời đủ".

Trong một câu niệm Phật, mình gồm cả ba môn Vô lậu học mà các vị đệ tử của Phật cần phải thực hành, là Giới, Định, Huệ. Như vậy, trong câu niệm Phật đang thực hành, nó tương ưng với Giới, Định, Huệ là như thế nào? Đáng lẽ là bài kệ phải nói Giới trước rồi mới Định và Huệ, nhưng vì phải theo việc trình bày, thành ra phải để Giới về sau.

Trước hết là mình nhiếp tâm niệm Phật, không nghĩ việc gì khác, tâm mình trụ nơi câu niệm Phật thôi, đó là mình đang học về môn Định rồi. Đây là nói mình học về môn Định chớ không phải mình được Định. Nhưng đã học môn Định thì tương ưng với Định, một ngày kia mình sẽ được Định. Đó là môn Vô lậu học thứ nhất, gọi rằng "Định học".

Kế đó, trong lúc mình niệm Phật, tâm và tiếng hiệp khắn nhau, mình lại nhận rõ ràng và rành rẽ. Tất nhiên trong lúc đó, cái tâm mình nó sáng nên mới nhận được rành rẽ và rõ ràng, chớ nếu nó không sáng thì làm sao mình nhận được rành rõ. Cái sáng đó nó tương ưng với Huệ, đây là môn Vô lậu học thứ hai, gọi là "Huệ học". Và trong lúc niệm Phật thì không có những vọng tưởng, tất nhiên không có những lỗi lầm là tương ưng với Giới. Đây là môn Vô lậu học thứ ba, gọi rằng môn học về Giới.

Đó là từ dưới đi lên trên, hay là bắt từ trên trở xuống dưới thì nhiếp tâm thuộc về Định học. Tâm mình nhận rành rẽ và rõ ràng đối với câu niệm Phật là tâm sáng, tương ưng với Huệ học. Vọng niệm không khởi, chánh niệm hiện tiền, không có sự lỗi lầm trong lúc niệm Phật tức là tương ưng với Giới. Như vậy, trong lúc mình thực hành một câu niệm Phật đủ cả ba môn Vô lậu học (Giới, Định, Huệ). Mà đã tương ưng với Giới, Định, Huệ rồi thì một ngày kia, khi câu niệm Phật được thuần, tất nhiên là mình thành tựu được cả ba môn Vô lậu học. Như vậy, mình thấy trong hiện đời, đã có sự lợi ích rất lớn là được điều nhiếp thân tâm đi vào nơi pháp lành, tương ưng với ba môn Vô lậu học là ba điều mà đức Phật dạy: "Hễ đệ tử Phật, dù xuất gia hay tại gia đều phải tu tập và trong tương lai, tất nhiên nhờ ở nơi Tịnh nghiệp mình tu hành đó sẽ được vãng sanh về Cực Lạc thế giới, bảo đảm sự giải thoát thẳng

đến lúc thành Phật không thối chuyển".

Như vậy, pháp môn niệm Phật, nếu mình suy nghĩ kỹ, sẽ thấy lợi ích lớn biết chừng nào. Cần phải noi theo và thực hành cho đúng và cũng phải cố gắng khuyên những người có duyên với mình đều phải tín, phải nguyện và thực hành như mình để cho mình cùng tất cả mọi người đều được lợi ích nơi pháp môn Tịnh độ, niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc thế giới mà đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã dạy và đúng theo bản hoài của Ngài là muốn cho tất cả chúng sanh đều được thành Phật.

Tóm lại, mấy câu kệ trên nói về sự hạ thủ công phu. Ở nơi một câu hồng danh của Phật "Nam mô A Di Đà Phật" hay là "A Di Đà Phật", niệm cho vừa chừng, không quá mau gọi là không gấp, không quá chậm gọi là không hướn và nơi đó phải nhiếp tâm theo cái tiếng niệm Phật. Tâm với tiếng đi đôi với nhau, gọi là tâm tiếng hiệp khắn nhau. Phải niệm cho được nhiều giờ trong ngày đêm. Khi niệm, cái tiếng phải cho nó rõ ràng, nhận cho nó rành rõ, nên gọi rằng thường niệm cho rành rõ. Kế đó, mới hiệp câu niệm Phật cho tương ưng với ba môn Vô lậu học Giới, Định và Huệ. Khi mình niệm thì nhiếp tâm, không cho tán tâm, tâm trụ nơi tiếng niệm Phật. Như vậy gọi rằng tâm duyên nơi một cảnh, nghĩa là cái tâm ở nơi một cảnh hồng danh của đức Phật, đó tất nhiên là học về môn Định. Và khi niệm đó thì trí rất sáng, nhận ra tiếng niệm Phật rõ ràng, từ câu rành rẽ. Trí sáng đó tất nhiên là tương ưng với môn Huệ học, lần lần trí huệ sẽ phát.

Trong khi mình niệm thì nhiếp tâm nơi chánh niệm, vọng niệm không xen vô, mà những lỗi lầm đều ở nơi vọng tâm phân biệt mà ra. Nay vọng tâm không có, tâm trụ ở chánh niệm, như vậy những lỗi lầm không có. Mà giới là chi? Tức nhiên là để ngăn, không cho ở nơi thân khẩu ý tạo tội lỗi. Giờ đây, thân khẩu ý trụ nơi câu niệm Phật là chánh niệm, không có những tội lỗi, thì tương ưng với Giới. Như vậy, trong một câu niệm Phật, lúc mình chuyên tâm đúng cách thì đầy đủ cả Giới Học, Định Học và Huệ Học. Khi Giới, Định, Huệ mà phát ra thành tựu đó là chứng quả Thánh.

Giờ đây, mới tiếp tục để tiến lần thêm ở nơi cái phần niệm Phật cho nó được nơi Sự Tam-muội, hay Lý Tam-muội, tức là chánh định niệm Phật về Sự và chánh định niệm



Phật về Lý. Theo đúng như trong kinh nói: "Người niệm Phật mà được ở nơi Sự Tam-muội, thì khi lâm chung chắc chắn vãng sanh, vãng sanh rồi tức nhiên không mất phần Trung phẩm, và nếu được gồm Lý niệm Phật nữa thì khi vãng sanh không mất phần Thượng phẩm. Thượng phẩm tức là bậc Đại Bồ-tát. Trung phẩm là ngang hàng với bậc Thánh của Nhị thừa, thành ra không phải bậc thường được". Đây theo nơi bài kệ để tuần tự giảng giải. Quý đạo hữu nên nghe kỹ và cố gắng, để mình đi được bước nào thì được bước nấy.

"Niệm lực được tương tục
Đúng nghĩa chấp trì danh
Nhất tâm Phật hiện tiền
Tam-muội Sự thành tựu".

Khi niệm Phật nhiếp tâm đúng cách như vậy rồi, niệm mỗi ngày mỗi đêm, niệm được nhiều giờ, nhiều thời gian gọi rằng thường niệm. Đã thường niệm rồi, trải qua một thời gian tức nhiên cái tâm được thuần thục. Khi tâm được thuần thục rồi thì nó có cái trớn niệm Phật nơi tâm. Lúc đó thì không còn cần phải tác ý, không cần phải dụng công, nhưng nơi tâm vẫn cứ tiếp tục nổi lên tiếng niệm Phật. Nhớ kỹ là cái tâm nổi lên tiếng niệm Phật không có gián đoạn, nghĩa là đi, đứng, nằm, ngồi, gì cũng nhận thấy rằng tâm mình nó vẫn có cái tiếng niệm Phật, không cần phải dụng công tác ý gì hết, đó gọi rằng là được niệm lực tương tục, là sức chánh niệm nối tiếp. Cho nên biết rằng, lúc mình tác ý dụng công thì phải cố gắng lắm cái tâm mới chịu duyên theo tiếng niệm Phật, nhưng thật ra trong lúc đó, tâm có nhiều khi không ở nơi mình, cái miệng niệm Phật, tiếng có phát ra mà cái tâm nhiều khi nó nhận ra câu thứ nhất, câu thứ nhì thì lơ là, hay là ở trong câu niệm Phật đó nó nhận tiếng Phật tiếng "A" gì đó, tiếng "Mô" lại lơ là. Còn giờ đây tâm tự động niệm Phật, do sau khi mình niệm Phật được thường lâu ngày nó thuần thục. Nói lâu ngày đây, chớ như trình độ này, có người chỉ trong một ngày một đêm có thể được, nếu căn trí lanh lợi và tinh tấn. Có người chừng bảy ngày đã được rồi, còn người niệm Phật không được thường lắm thì phải thành ra lâu. Nếu được cái sức niệm Phật ở nơi tâm tự động nó niệm, gọi là bất niệm tự niệm đó thì được cái chánh niệm nối tiếp luôn gọi là niệm lực được tương tục, mới đúng với cái nghĩa chấp trì danh hiệu mà trong kinh A Di Đà các đạo hữu thường tụng.

Thường thường, người tụng kinh A Di Đà ít có để ý, vì lời Phật nói ra không phải là thông thường, cần phải để ý lắm. Hễ Phật nói nhất tâm thì nhất định là cái tâm phải chuyên nhất thôi, không được xen gì hết mới gọi là nhất tâm. Còn Phật nói nhất niệm thì tức nhiên là cái niệm phải cột nó lại trong một chỗ mới gọi là nhất niệm. Giờ đây, Phật gọi rằng chấp trì danh hiệu thì tất nhiên ở nơi danh hiệu đức Phật, nơi hồng danh đức Phật A Di Đà hay là Nam mô A Di Đà Phật, phải nắm cầm cho chắc, không lúc nào rời và không để cái gì xen tạp vô, như vậy mới gọi rằng cái tâm nó chỉ nắm cầm hay là giữ chắc một câu niệm Phật không rời. Nếu giữ chắc không rời câu niệm Phật mới gọi là niệm lực tương tục, dù không niệm tâm nó vẫn tự niệm, nói gọn lại là bất niệm tự niệm và cái chánh niệm nó được nối tiếp, nghĩa là tương tục. Đó mới thật là cái nghĩa chấp trì danh hiệu ở trong kinh A Di Đà. Nên cuối câu kệ gọi rằng: "Niệm lực được tương tục. Đúng nghĩa chấp trì danh".

Khi niệm lực được tương tục, rồi nắm giữ danh hiệu của đức Phật mà không có một tạp niệm xen vô thì trong một thời gian, tâm nó dừng lại, lìa hết tất cả cảnh ngũ trần, là sắc, thanh, hương, vị, xúc nó không còn duyên nữa. Lúc đó, dù có con kiến cắn cũng không hay, nghĩa là lìa nơi xúc trần, dù có mùi hương thoảng cũng không biết là lìa nơi hương trần và cho đến có tiếng chi một bên cũng không nghe, có cái chi ở trước mắt cũng không thấy, dù lúc đó mở mắt, mà cái tâm chỉ duyên rành rẽ ở câu niệm Phật và chỉ có nhận câu niệm Phật mà thôi. Lúc đó, trong thì quên thân, ngoài không duyên theo cảnh, cái tâm nó đứng lặng là "nhất tâm bất loạn". Khi được như vậy rồi, trong kinh Vô Lượng Thọ nói, lúc đó Phật thân



hiện, Phật A Di Đà hiện cho đến Phật cảnh Cực Lạc hiện, nên câu kệ gọi rằng: "Nhất tâm Phật hiện tiền". Đó là thành tựu được Sự Tam-muội. Câu kệ gọi là: "Tam-muội sự thành tựu". Chánh định thuộc về Sự, thì tâm mình chỉ trụ ở nơi câu niệm Phật. Trong quên thân, ngoài không duyên theo cảnh, và lúc đó, Phật và Thánh cảnh hiện, nó thuộc về sự tướng. Nếu người được ngang nơi đây thì sau khi vãng sanh, bảo đảm ở nơi Trung phẩm, tức nhiên ngang với hàng Thánh của Nhị thừa. Còn nếu được "niệm lực tương tục, đúng nghĩa chấp trì danh" ở trên là bảo đảm vãng sanh, nhưng mà trong phẩm vị thì chưa chắc phẩm nào, còn tùy theo ở nơi thiện căn công đức của người tu hành.

"Đương niệm tức vô niệm
Niệm tánh vốn tự không
Tâm làm Phật là Phật
Chứng Lý Pháp thân hiện".

Bây giờ, do nơi chánh định thuộc về Sự nên tâm đứng lặng, do tâm đứng lặng thành ra trí huệ phát. Trí huệ đây gọi là Vô lậu trí huệ hay là Thánh trí phát. Do nơi phát đó mà toàn thể tự tâm bổn tánh hiển hiện. Trong Thiền tông gọi là minh tâm kiến tánh. Lúc đó, đã thấy ở nơi bổn tánh rồi, mà bổn tánh không phải cái tánh riêng của một cái gì hết, nó là tánh của tâm mà cũng là tánh của pháp, nói chung là của tất cả pháp. Mà đã là tánh của tất cả pháp rồi thì đương nhiên lúc niệm Phật đó, cái tâm nó trụ ở nơi câu niệm Phật, nơi Sự niệm Phật. Chính ở nơi Sự niệm Phật đó lại tỏ ngộ, thấy là vô niệm. Cho nên biết rằng, thể tánh chân thật của tất cả các pháp, nghĩa là không luận của tâm hay là của sắc đều là cái tánh không tịch cả. Đã không tịch tức nhiên nó không có một sự gì và cũng không có một tướng gì hết. Cái thể tánh chơn thật nó như vậy. Do đó, mới tùy duyên ra mà có tất cả sự, tất cả pháp. Vì vậy, nên khi tỏ ngộ bổn tâm tự tánh rồi thì thấy cái chánh niệm mình đương niệm đó tức là vô niệm, gọi là "đương niệm tức vô niệm".

Cái tánh của chánh niệm không phải mình làm cho nó không, bởi vì bổn lai (xưa

nay) là không. Cũng như cái tánh của tất cả tâm, cái tánh của tất cả pháp, bổn lai nó là không tịch. Do đó, cho nên sợ rằng người học đạo không biết "cố ý mà dằn ép cái tâm", phải nhận rằng ở nơi niệm cái tánh là không. Lúc đó, thấy cái niệm là không tánh mà cũng rõ biết rằng cái tánh của niệm bổn lai nó là không. Như vậy, mới thật là thấy cái thật tánh của niệm. Nếu thấy thật tánh của niệm thì thấy thật tánh của các pháp, bởi vì tất cả pháp đều là một tánh mà thôi.

Cho nên, thấy thật tánh của một pháp tức nhiên thấy được thật tánh của tất cả pháp. Nên hai câu kệ mới nói đương niệm, chính lúc đương niệm đó không phải bỏ niệm, mà giác ngộ là vô niệm. Giác ngộ vô niệm là chi? Tức là cái niệm tánh không tịch, mà cái niệm tánh không tịch đó là tánh bổn lai của cái niệm, cho nên gọi rằng "niệm tánh vốn tự không", chớ không phải là nó mới "không" đây, tại vì trước kia mình mê muội, mình theo sự tướng thấy nó thế này, thế kia đủ thứ hết.

Giờ đây, giác ngộ được rồi thì thấy bổn tánh không tịch, bổn tánh không tịch đó là bổn lai từ hồi nào đến giờ nó vẫn không tịch như vậy, chớ không phải mới, không phải do mình tu hành đây rồi mới là không.

Kế đến câu: "Tâm làm Phật là Phật".

Đồng thời, lúc đó phải giác ngộ cái tâm của mình đây chính là chơn tâm thật tánh của mình. Vì rằng ở trên, hễ giác ngộ ở nơi tâm niệm đó rồi thì thấy rõ bổn tâm của mình làm Phật, và bổn tâm đó chính là Phật. Đó gọi rằng là bổn tâm chân thật. Lúc đó, tất nhiên gọi rằng chi? Là đã chứng nơi Lý tánh, thành tựu Lý Tam-muội niệm Phật và đồng thời Pháp thân Phật hiện. Ở trên về Sự Tam-muội, gọi rằng Phật hiện tiền, lúc đó có Phật ở ngoài mình mà hiện ra, rồi mình thấy Phật hiện. Còn giờ đây nơi thân tâm mình làm Phật là Phật. Nên biết rằng, sự tỏ ngộ đó không phải ở nơi trí suy luận mà tỏ ngộ, chính là Hiện lượng chứng trí lúc đó nhận như vậy, thấy như vậy, chứng như vậy chớ không phải là suy luận. Mà đã chứng ngộ ở nơi bổn tâm mình làm Phật và tức là Phật, vậy Phật và tâm không phải hai, chính tâm là Phật, Phật là tâm. Như vậy, tất nhiên là chứng nơi Pháp thân, gọi là Pháp thân hiện tiền. Lúc đó, Pháp thân Phật hiện, còn ở trên, nơi Sự Tam-muội mà Phật hiện đó là Phật sự tướng hiện, sắc thân Phật hiện, còn đây là "Pháp thân Phật hiện". Nếu người được đến đây rồi, khi vãng sanh quyết định ở nơi Thượng phẩm, tức là một vị Đại Bồ-tát. Hiện tại, người ấy ở tại đây cũng là một vị Bồ-tát. Tăng bậc này đối với Thiền tông gọi là chứng tâm tánh. Sau khi minh tâm kiến tánh rồi, chứng tâm tánh gọi là đại triệt, đại ngộ. Nhưng ở nơi pháp môn niệm Phật thì hơn nơi Thiền tông, bởi vì Thiền tông đến khi minh tâm kiến tánh hay là chứng nhập tự tánh rồi, còn cần phải theo một thời gian rèn luyện để dứt trừ những nghiệp chướng phiền não. Còn người niệm Phật thì không như vậy. Bởi vì ngoài sự tỏ ngộ ra, còn có nguyện lực của Phật nhiếp trì, mà đã vào trong nguyện lực của Phật nhiếp trì rồi, tức nhiên chẳng những là chứng ngộ nơi tự Pháp thân mà cũng ở vào nơi Pháp thân của đức Phật A Di Đà. Do đó, không luận nghiệp chướng phiền não, sau khi bỏ thân này rồi về Cực Lạc thế giới, được vãng sanh ở Thượng phẩm thì mấy cái đó tự mất. Thế nên, trong kinh Quán Vô Lượng Thọ có nói: "Người được vãng sanh về Thượng phẩm, bậc đó gọi rằng ở vào Sơ địa Bồ-tát". Hiện tiền, sau khi sanh về có thể dùng cái trí lực và thần thông, hiện thân làm Phật trong 100 thế giới không Phật. Nghĩa là trong những thế giới nào không Phật thì vị Bồ-tát có thể hiện thân làm Phật để độ chúng sanh. Nên biết rằng, mỗi thế giới như vậy là có vô số tiểu thế giới hiệp lại, cũng như Ta-bà thế giới của mình có 1.000 triệu cái tiểu thế giới hiệp lại, nghĩa là 1.000 triệu cái thái dương hệ hiệp lại mới thành thế giới Ta-bà.

Do đó, lúc đức Thích-ca Mâu-ni thành Phật rồi, thì cái thân hiện ra gọi rằng "Thiên bá ức", nghĩa là 1.000 trăm ức, 1.000 trăm lần ức. Một ngàn trăm ức đó là 1.000 tỷ. 1.000 tỷ thân Phật Thích-ca chớ



không phải chỉ một thân Phật Thích-ca. Đó là nói một thế giới, mà đây vị Bồ-tát chứng Lý Pháp thân, nghĩa là ở nơi Lý Niệm Phật Tam-muội thành tựu rồi, vãng sanh về cõi Cực Lạc, trụ nơi bậc Sơ địa có thể dùng thần thông trí huệ hiện thân làm Phật ở trong 100 thế giới không Phật tế độ chúng sanh.

Mình thấy pháp môn niệm Phật, nếu bắt đầu từ dưới nhìn lên trên, và từ trên nhìn lần xuống dưới, đường đi rành rẽ hết sức là phân minh. Và ở nơi đó, mình thấy cũng không đến nỗi quá khó, chỉ có khó là mình phải tin, quyết định thực hành, tinh tấn và không giải đãi mà thôi. Khó là có chịu nhất định để tu và quyết định tinh tấn hay không? Chỉ có khó nơi đó mà thôi. Theo pháp môn niệm Phật thì không có cái chi là khó lắm, không phải như các pháp môn khác. Vì các pháp môn khác do tự lực. Tự lực thành khó, và ở nơi các pháp môn khác mà đến chỗ chứng Lý Pháp thân hiện không phải dễ. Bên Thiền Tông thuộc về Vô tướng tu. Vô tướng tu đó khó nắm nơi đâu để mà làm cột trụ, để hạ thủ. Nếu sai một chút thì thuộc về hữu tướng, mà hữu tướng tất nhiên không phải của Thiền tông, sai rồi thì không thành tựu được. Còn như theo Pháp Hoa tông mà tu thì cũng phải tâm chỉ tâm quán, cái đó không phải dễ được. Theo Hoa Nghiêm tông thì thuộc về pháp quán rất khó. Theo như Duy Thức tông tu thì phải là Duy Thức quán, quán chẳng phải dễ. Đó là nói những pháp môn thuộc về tự lực tu.

Muốn được đến trình độ gọi là chứng Lý Pháp thân hiện thì phải ở các Tông thuộc về viên đốn Đại thừa. Nếu ngoài những Tông đó ra mà tu những Tông khác thì không thể đến các từng đó được. Những Tông vừa kể trên tu chứng đến từng này khó lắm, bởi vì thuộc về tự lực. Còn đây, ngoài tự lực ra, pháp môn niệm Phật này còn có tha lực, tức là nguyện lực của Phật nhiếp trì. Do đó, có sự dễ dàng hơn, bảo đảm hơn. Huống nữa là ở trong pháp môn niệm Phật này, nếu mình chỉ được ở nơi từng công phu thấp nhất là có sự chuyên niệm được tương ưng với nơi nghĩa chấp trì, tất nhiên bảo đảm vãng sanh. Nếu được vãng sanh rồi thì dự vào hàng Thánh, được Bất thối chuyển nơi đạo Vô thượng. Dù rằng đối với các bậc mà được Sự Tam-muội niệm Phật hay Lý Tam-muội niệm Phật là còn thấp. Nhưng kỳ thật, khi đã được vãng sanh rồi thì dự vào hàng Thánh, được Bất thối chuyển, nhất là được về thế giới Cực Lạc, không có các sự khổ về già, bệnh, chết, không có các sự khổ như là những cảnh duyên nó làm mình xao động, hoặc là sự ép buộc ở nơi thời tiết, nhất là những việc ăn, việc mặc, nó làm mình bận rộn cả ngày đêm. Không có tất cả điều đó tất nhiên rảnh rang tu hành, mà trong khi rảnh rang đó lại có tiếng gió thổi, tiếng chim kêu, tiếng nước chảy đều phát ra tiếng nói pháp hết.

Hơn nữa, nơi Cực Lạc thế giới, như trong kinh Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà mà các đạo hữu thường tụng, thì các bậc Nhất sanh Bổ xứ Bồ-tát Thượng thiện nhơn là bạn, và người được vãng sanh sẽ ở chung với các bậc đó. Cho nên, trong kinh A Di Đà có nói: "Những người nào mà nghe nơi đây thì phải phát nguyện, nguyện sanh về Cực Lạc thế giới. Tại sao



vậy? Vì đồng với các bậc Thượng thiện nhơn Nhất sanh Bổ xứ Bồ-tát câu hội một chỗ, ở chung một chỗ".

Như vậy thì thấy, mình về bên đó rồi thì cùng ở chung với các bậc Đại Bồ-tát như Quán Thế Âm, Đại Thế Chí và vô số các vị Bồ-tát khác. Cung điện của mình ở đây, thì cung điện của các Ngài ở kia, muốn gặp lúc nào cũng được, muốn hỏi han lúc nào cũng tiện. Và hóa thân Phật ở khắp nơi trong thế giới Cực Lạc, không có chỗ nào không có hóa thân Phật hết. Thành ra, muốn thấy Phật lúc nào cũng được, trừ ra những bậc thuộc về Thượng phẩm, chứng Lý Pháp thân. Chừng đó, tất nhiên về thế giới Cực Lạc, mới thấy được Báo thân thật của Phật, còn những bậc dưới thì thấy hóa thân. Hóa thân thì cũng như báo thân, bởi vì sự thuyết pháp độ sanh của Phật thì hóa thân, báo thân gì cũng giống nhau, nhưng cái thân có khác theo trình độ người: thân lớn, thân nhỏ, cái chỗ đẹp nhiều hay là đẹp ít khác nhau, theo cái trí lực ở nơi con mắt thấy nó sai khác, mà sự giáo hóa vẫn đồng.

Phật bao giờ cũng theo căn cơ mà thuyết pháp. Cho nên, trong kinh A Di Đà, Phật nói: "Người nào theo kinh này mà thọ trì, tu hành cùng những người đã phát nguyện, đương phát nguyện, sẽ phát nguyện vãng sanh về cõi nước của đức Phật A Di Đà, thời những người ấy đều đặng không thối chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác". Nghĩa là người đó sẽ được vãng sanh và được bảo đảm đi thẳng đến thành Phật mà thôi. Do đó, thấy căn cơ của mình hiện tại đây, cũng như tất cả mọi người trong thời gian này mà rời pháp môn niệm Phật, quyết khó bảo đảm giải thoát lắm, đừng nói là bảo đảm thành Phật. Vậy các đạo hữu cũng nên cố gắng tự tu cho tinh tấn và cũng đem pháp môn niệm Phật chỉ dạy người khác và khuyên bảo người khác nên thực hành như mình!



Lời cuối kỷ yếu

Con người sanh trong cõi đời này có hai hạng: một là vì nguyện, hai là vì nghiệp. Nếu vì nghiệp thì tùy theo nghiệp đã tạo trong đời trước mà đời này sẽ là hiền thiện hay xấu ác. Còn nếu vì nguyện thì chắc chắn một bề hiền thiện, tiếp tục để hoàn thiện công việc hướng thượng của mình đã làm trong đời trước chưa hoàn mãn, hoặc vì tâm lợi ích chúng sanh mà sanh trở lại cõi đời này.

Nhận định như vậy, xét lại mình, chúng ta thấy rằng mình là hạng do nghiệp mà sanh. Cho nên, dẫu có duyên lành gặp Phật pháp mà không được dõng mãnh tinh tấn, nay vầy mai khác, theo duyên mà thay đổi. Còn các Ngài rõ ràng là vì nguyện, cho nên dầu ở trong hoàn cảnh nào cũng do nguyện xưa mà chủng tử lành trong đời trước hiện hành, nên lúc nào cũng nhớ đến sự nghiệp đời trước chưa hoàn thành mà luôn dõng mãnh tinh tấn trên con đường giải thoát, và luôn vì thương tưởng chúng sanh mà giáo hóa cho được lợi ích lớn.

Công trình xây dựng chắc chắn sẽ có ngày kết thúc, nhưng ảnh hưởng công hạnh giáo hóa của các Ngài sẽ còn sống mãi trong lòng mỗi người chúng ta. Cất am tranh tu hành đắc lực, lúc lâm chung biết trước ngày giờ, tự tại làm chủ. Không ăn cũng không uống thuốc, niệm Phật cùng đại chúng, an lành mà đi. Lên non cao tầm sư học đạo, khởi phát chủng tử đời trước khiến cho Phật pháp được lưu truyền không dứt. Người xưa cầu đạo như thế, hành đạo như thế và kết quả như thế.

Chúng ta lấy làm hổ thẹn, sống trong tiện nghi đầy đủ: ăn no, mặc ấm, ngủ nhiều, học lắm, nhưng nhìn lại, chưa có gì gọi là thật ích cho mình và lợi lạc cho người.

Hôm nay, các Ngài đã vì nguyện mà tạo cho chúng ta cơ ngơi rộng rãi khang trang để chúng ta có điều kiện tu hành. Chúng ta thụ hưởng phước báu của các Ngài, phải luôn luôn nhớ đến công hạnh của các Ngài mà học hỏi, mà bắt chước để có phần nào tương ứng với sự nghiệp của các Ngài đã trao lại và kỳ vọng nơi chúng ta.

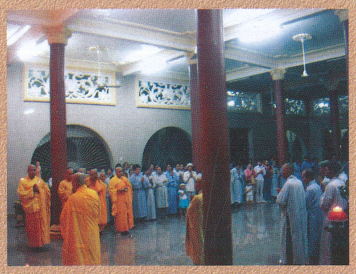
Khép lại quyển kỷ yếu này, chúng ta tâm đắc một điều, từ Vạn Linh cho đến Vạn Đức, từ thuở tổ Khai Sơn lên núi cất am cho đến việc "cải gia vi tự" của Hòa thượng Vạn Đức, tất cả đều là do nguyện lực của Ngài. Chúng ta hàng hậu học, phải nên theo gương của các Ngài mà phát nguyện trang nghiêm Tịnh độ: "Nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Cực Lạc. Đem tâm xây dựng này mà nguyện làm người dân trang nghiêm cõi của đức Phật A Di Đà".

Nam mô A Di Đà Phật.













Hôm nay, trùng tu lại hai ngôi phạm vũ này, chúng ta nhớ nghĩ đến công lao người tạo dựng cũng như hạnh đức của người xưa. Một lòng vì thoát ly sanh tử mà tìm nơi thích hợp, vì đại nguyện giáo hóa mà trở lại cõi đời này. Chúng ta thừa hưởng di sản của tiền nhân, phải làm sao có được phần ít nào giống với các Ngài để khỏi phải hổ thẹn với câu: "Con nhà Tông, không giống lông cũng giống cánh".



Với thành quả hôm nay, trước nhất và trên hết, chúng tôi xin hết lòng nhớ ơn Hòa thượng Bổn sư, Người đã tạo điều kiện cho chúng tôi dấn thân và luôn luôn sáng suốt chỉ đạo chúng tôi trong mọi lĩnh vực, luôn hộ niệm cho chúng tôi được vững vàng tiến bước, cũng như biết ơn chư Tôn đức Tăng Ni đã nhất tâm tùy hỷ trợ duyên cho chúng tôi trong suốt thời gian xây dựng.

